

TRUNG TÂM QUẢN LÝ BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA HỘI AN

Địa chỉ: 10B - Trần Hưng Đạo - TP. Hội An - Tỉnh Quảng Nam

Điện thoại: 0510.3864625 - 0510.3862946 - 0510.3862367

Fax: 05103.861.779 - Email: ttqlbtdt@gmail.com

Website: hoianheritage.net

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

Nguyễn Chí Trung

CHỊU TRÁCH NHIỆM
NỘI DUNG

Trần Văn An

BIÊN TẬP

Võ Hồng Việt

Phạm Phước Tịnh

Lê Thị Ngọc Hương

TRÌNH BÀY

Võ Hồng Việt

Lê Thị Ngọc Hương

Lưu hành nội bộ

BẢN TIN Số 02 (30) - 2015

Trao đổi chuyên môn nghiệp vụ

- Về truyền thống ca múa nhạc Phố cổ.....02
- Di tích chính sách văn hóa của triều Nguyễn ở Hội An.....12
- Văn hóa biển nhìn từ ngành nghề truyền thống ở Hội An.....15
- Đạo Cao Đài ở Hội An.....20
- Vài nét về kiến trúc các tịnh xá ở Hội An.....25
- Vài thông tin về di tích lăng Bà ở thôn Phước Thắng - Cẩm Kim.....30
- Di tích lăng Nghĩa Trùng ở Cẩm An.....33
- Một số ngành nghề đặc trưng của xã đảo Tân Hiệp - Vấn đề bảo tồn và phát huy.....36
- Nghề mảnh ở Cù Lao Chàm.....42
- Lão ngư dân với niềm đam mê nghệ thuật.....45
- Đậu bắp hàm Cẩm Nam - Hội An.....48
- Chè kê trong ngày tết Đoan Ngọ ở Hội An.....50
- Bánh da lợn ở Hội An.....52
- Vài suy nghĩ về công tác thuyết minh ở bảo tàng tại Hội An.....55
- Cùng trao đổi về hoạt động dịch vụ tại bảo tàng.....59

Tin tức - Sự kiện

Bạn cần biết

VỀ TRUYỀN THỐNG CA MÚA NHẠC PHỐ CỔ*

Trương Đình Quang

Tiếp cận ảnh hưởng dân chủ, lành mạnh của phong trào văn nghệ và thể thao do chỉ bộ Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội dưới danh nghĩa đoàn thể ái hữu, trong tổ chức Ôrôơ (*Aurore: Rạng Đông*) ở thời kì từ năm 1928 đến Cách mạng tháng Tám, mọi hoạt động ca múa nhạc dân tộc cổ truyền, nhạc mới và sân khấu của phố cổ, đều có nội dung tiến bộ, yêu nước, gìn giữ được phong cách và sâu sắc màu dân tộc, dân gian.

Những hoạt động ấy cho thấy một toàn cảnh như sau:

Cùng với Hội yêu nhạc, là các nhóm nhạc gia đình: nhà nhiếp ảnh Huỳnh Sau, nhà sách Trường Xuân, các tộc La, Vương, Thái, Trương, Dương vv..., các nhóm đàn ca Quảng, đàn ca Huế, hát bội, đàn ca tài tử, nhóm nhạc mới và nhóm nhạc dân tộc người Hoa.

Những nhóm cải lương cho các hoạt động từ thiện, với những vở diễn cải lương Sài Gòn: *Tội của ai?*, *Gương vỡ lại lành*, vv... những vở diễn của tác giả Phố cổ có học vấn chữ nghĩa, hiểu biết tốt nghệ thuật sân khấu, như: *Chim chiều không tổ* (kịch bản: Võ Trọng Xán), *Trọng Thủy - Mỹ Châu* (Việt Trữ), vv...

Đội kịch nói trong đoàn ca múa nhạc kịch Cương Quyết của Ty Thông tin Tuyên truyền tỉnh, với những vở

diễn: *Đề Thám*, *Tiếng bom Sa Điện*, *Công Chúa Bạch Nga Phúc Kiến Lan* vv... và những vở ngắn: *Lòng cha*, *Lá thư tiễn tuyền*, vv... Bấy giờ, theo yêu cầu của người dân cảnh (*tức đạo diễn*), diễn viên phải nói tròn vành rõ tiếng, giữ thanh điệu Quảng Nam, phát âm đúng tiêu chuẩn ngôn ngữ văn hóa, chú trọng lối phát âm Hà Nội.

Ca múa nhạc còn có những vở diễn ngắn như là ôpêrét, kịch hát kèm điệu bộ có đệm nhạc, với *Bá Linh thất thủ*, *Bạch Tuyết và bảy chú lùn*, *Người đẹp ngủ trong rừng*... của những nghệ sĩ người Hoa đầy tài năng.

Hội yêu nhạc của Phaiphô (tên xưa của Phố cổ - tên tiếng Pháp là *Société philharmonique de Faifoo*) ra đời năm 1942, mà La Hôi là người sáng lập, tập hợp những người chơi nhạc có tư tưởng tiến bộ, yêu nước.

Những thành viên của hội là: La Hôi chỉ đạo (*chơi pianô*), Vương Quang, La Gìn và Trần Can (*viôlông*), Lâm Cự (*bănggiô antô hoặc ăcoocđêông*), Thái Chí Hải (*bănggiô*), Ghibou (*xăcxô phôn antô hoặc tr'ompet*), Lê Văn Miêng, La Thiều (*bộ trống*), La Xuân (*bănggiô*). Vào dịp nghỉ hè hoặc Tết ta, có thêm hai người đi học ở Hà Nội về, là Vương Quốc Mỹ (*viôlông*), Duy Liễu (*xăcxôphôn têno*).

La Hối là một trong những người mở đầu phong trào nhạc mới. Ông ra đời năm 1920 ở phố cổ, gốc người Quảng Đông, gia đình đã nhiều đời định cư ở đây. Lớn lên trong gia đình có truyền thống ca nhạc, ông tự học lí thuyết nhạc cổ điển Châu Âu. Tập tành sáng tác từ lúc 14 tuổi. Những năm 1936 - 1938, vào Sài Gòn học văn hóa, ông học thêm nhạc, vững vàng vào con đường sáng tác.

Ông đưa ca khúc cách mạng vào chương trình hòa tấu của Hội yêu nhạc như: *Sự tử tình giặc*, *Hành khúc Ngalatur*, *Chiến binh tiến hành khúc*, đều có tên tiếng Pháp là *Réveil du lion*, *Marche russe*, *Marche des combattants* và

Prin temps et Jeunesse (sau này có lời ca: *Xuân và tuổi trẻ của Thế Lữ*), vv... Vì hoạt động chống phát xít Nhật, ông bị hiến binh bắt. Tháng 5/1945, ông cùng 10 đồng chí, đều sinh ra, trưởng thành ở phố cổ, bị chém đầu và chôn chung trong một cái hố ở chân núi Phước Tường, Tây Nam thành phố Đà Nẵng.

Hiện nay, hài cốt của họ được đưa về nghĩa trang liệt sĩ chống phát xít của phố cổ.

Về truyền thống ca múa nhạc, tinh thần yêu nước, tiến bộ, thể hiện trong những bài ca với lời theo giai

điệu cổ nhạc: Kim tiền, Bình bán, Lưu thủy, Hành vân..., hoặc đặt lời mới cho ca khúc nhạc mới phổ biến, đã bí mật lan truyền trong công chúng, các tổ chức thanh niên, học sinh.

Tiếp nhận phong trào mới từ Đặng Thế Phong, Nguyễn Xuân Khoát, Lê Thương, Dương Thiệu Tước..., lòng yêu nước, tự hào với lịch sử dân tộc, từ ca khúc của Lưu Hữu Phước, Văn Cao, Hoàng Quý, Tây



Tĩnh Hải, Nhiếp Nhĩ..., có người âm thầm sáng tác ca khúc mới cho tuổi trẻ.

Với những ca khúc của mình, phổ cổ chào mừng và hòa nhập vào Cách mạng tháng Tám: *Cờ Việt Minh*, *Không khuất phục* (Vương Gia Khương), *Anh em Nam tiến* (Cao Hồng Lãnh), *Xuân và tuổi trẻ* (La Hối), *Gió thiêng liêng* (La Hối, lời: Duy Liễn và Võ Trọng Xán), *Trai đất Việt* (Dương Minh Ninh, lời: Duy Liễn), *Vọng sơn hà* (Dương Minh Ninh, lời: Thái Trữ), *Tháng tám* (Huỳnh Đồng), *Gió mới* (thơ: Xuân Diệu, nhạc: Hoàng Tú Mỹ), *Học sinh lên trường* (Hồ Quý Yên), vv...

Công chúng là tuổi trẻ phố cổ say mê nghệ thuật nhảy múa. Đó là các bài hát múa dựng theo giai điệu cổ truyền, do các ban đồng ấu nam nữ Phật tử trình diễn trong những lễ Phật giáo, nhiều điệu múa dân gian và múa mang tính chất tôn giáo trong các lễ cúng, ngày vía của chùa Bà Mụ, chùa Ông, lễ tế xuân, tế thu ở các đình Minh Hương, Cẩm Phô, Hội An..., lễ rước long chu, hò đưa linh, du hò trên sông Sài Giang.

Ở những cảnh hát múa của tổ chức Sói con, Hướng đạo sinh, thanh niên và học sinh Việt Hoa như: *Sơn tinh - Thủy tinh* (Phan Quang Định), *Hậu Nam quan*, *Công chúa và ba chàng đánh trống...*, cùng với cử điệu, đã có những đoạn múa dễ thương.

Đầu năm 1946, từ Hà Nội, Đoàn ca múa nhạc kịch Anh Vũ do Thế Lữ - nhà thơ, đạo diễn chỉ đạo nghệ thuật, đến phố cổ. Về ca nhạc, có các nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát, Văn Chung, Bùi Công Kỳ, Đào Trọng Từ và các diễn viên hát kèm múa: Giáng Hương, Thủy Ái, Thái An.

Đến với hội yêu nhạc, yêu quý nhạc sĩ quá cố La Hối và nhạc phẩm *Xuân và tuổi trẻ*, Thế Lữ làm lời ca, Nguyễn Xuân Khoát nhận xét ca khúc có mở đầu (*introduction*)/ và coda (*coda*) mang tính khí nhạc viết cho dàn nhạc, có nhạc sĩ Phố cổ cùng hòa tấu, Văn Chung dựng tiết mục múa hát cho đoàn. (*Những năm kháng chiến, điệu hát múa này được phổ biến rộng khắp ở Liên khu 5, Liên khu 4, Việt Bắc, vùng tạm bị chiếm miền Nam*).

Đội múa hát trong đoàn Cương Quyết do Vương Quốc Nhã và Võ

Trọng Xán phụ trách, học các điệu múa *Đóa hồng nhung*, *Xuân về* (của Văn Chung), *Bình minh* (nhạc Nguyễn Xuân Khoát, lời: Thế Lữ) và một số khúc hát múa trích từ vở kịch hát múa *Tục lự* (kịch bản: Khải Hưng, Thế Lữ, nhạc: Lưu Hữu Phước, mỹ thuật: Phạm Văn Đôn) của đoàn, do nhạc sĩ Văn Chung dàn dựng. Đội cũng dựng lại điệu hát múa *Xuân và tuổi trẻ*.

Tổ Nga, trưởng đội múa, nguyên học sinh Trường Nữ trung học Đồng Khánh ở Huế, đã được học về cơ bản ca nhạc dân tộc cổ truyền Huế, nhạc cung đình và môn múa, tiếp nhận, hướng dẫn thuần thục cho diễn viên những điệu hát múa ấy, thông minh trong sáng tạo múa mới.

Học tập cách trình diễn đơn ca, tốp ca, từ bỏ lối hát bắt chước ca sĩ Pháp Tinô Rôxi, Giôdêphin Bâycơ, dần dần người hát và người đàn vững vàng trong cách hát và sự thể hiện tình cảm trên sân diễn.

Trò chuyện với những người có trách nhiệm của đoàn Cương Quyết, nhà thơ Thế Lữ nhận xét rằng, so với Hà Nội, Hội An là một thành phố bỏ túi, mà có nhiều nhân tài.

Bấy giờ, những người làm nghệ thuật gọi là “*không chuyên*” hay “*tài tử*” đều có tài năng, có vốn liếng về nghề, biết trao đổi và học tập với bạn bè cùng chí hướng, bên cạnh những thợ thủ công, công chức, người buôn bán nhỏ, là sinh viên, học sinh từ Hà Nội, Huế, Sài Gòn, Trung Hoa, Thượng Hải, Hồng Kông về, xây dựng và phát triển văn hóa, nghệ thuật của quê hương mình.

Được sự giúp đỡ về nghệ thuật của đoàn Anh Vũ, có thêm kiến thức và kinh nghiệm về hát múa, Vương Quốc Mỹ viết cảnh hát múa *Gió đưa tiên nữ* (dựng múa: Tô Nga, Ánh sáng: Lê Điền, trang trí: Vương Quốc Nhã, trang phục và hóa trang: Hồ Thị Phú). Cảnh hát múa tươi sáng tái hiện cảnh một tiên nữ mãi mê rong chơi nơi trần gian, quên đường về, lạc ở chốn rừng khuya, nhờ gió đưa mình về tiên giới.

Để kỷ niệm các ngày lễ lớn (19/8 và 2/9), đoàn Cương Quyết dựng vở kịch thơ *Khói lửa Cảo Kinh* của Vũ Hân. Trong vở, có 2 cảnh múa hát do Tô Nga dựng cảnh I là *Gấm vàng* (nhạc: Dương Minh Ninh), cảnh II là *Bồng Đảo* (nhạc: Vương Quốc Mỹ).

Vì tình hình sửa soạn việc tản cư của Phố cổ, không thể diễn cả vở, hai cảnh hát múa trên là tiết mục chen giữa các vở kịch ngắn về đề tài cách mạng và kháng chiến.

Nhóm học sinh có tài năng ca múa nhạc của Trường Trung học Phan Châu Trinh - Hồ Quý Yên, Lê Văn Ngung, Nguyễn Hứa Thảo – ước mong viết cảnh hát múa. *Vết lông ngỗng* của Lê Văn Ngung về chuyện tình trữ tình, bi tráng của *Trọng Thủy - My Châu* ra đời, chờ được biểu diễn, thì đến lúc phải đốt trường mà đi kháng chiến.

Kịch thơ ngắn “*Thi sĩ đầu quân*” của Vũ Hân (in trên báo *Đại chúng - Văn hóa cứu quốc Trung bộ* số 2/1946) được Võ Trọng Xán dàn dựng. Ông yêu cầu diễn viên học cử điệu và múa hát để ứng dụng vào những đoạn có hát múa (*Người yêu tiễn thi sĩ lên đường, Thi sĩ luyện kiếm dưới trăng...*).

Bấy giờ, dàn nhạc của Hoài Phố có mặt: La Hối, Dương Minh Ninh (piano), Vương Quốc Mỹ, Trần Như Ngọc, Dương Minh Viên, Lê Văn Giáo (viôlông), Văn Bé (tr’ompet), Lê Trọng Nguyễn, Dương Minh Hòa (ghita expanhôn), Huỳnh Đồng, Trương Văn Đáng (xăcxôphôn ténô, xăcxôphôn, antô), Hoàng Tú Mỹ, Lưu Bạch Đàn, Trương Đình Quang, Lan Đài (măngđôlin, bănggiô, bănggiô antô), Lê Văn Miêng, La Thiều (bộ trống). Đôi khi có thêm kèn ăcmônica và ăcoocđông. Các ca sĩ là: Nguyễn Hữu Thiệt, Tô Nga, Duy Liễu, Bích Hương.

Vương Quốc Nhã, Lô Ka, Võ Trọng Xán. Dương Minh Ninh đảm nhiệm mỹ thuật sân khấu, vẽ pannô và applic quảng cáo, giới thiệu vở diễn, cảnh hát múa.

Từ trước tháng 12/1946, Phố cổ làm vườn không nhà trống, đi vào cuộc kháng chiến đánh thực dân Pháp.

Những ca khúc của Phố cổ vang lên trên mọi nẻo đường kháng chiến của đất nước.

Từ cái nhóm nhỏ bắt đầu sáng tác và đàn hát múa ấy, đi vào cuộc kháng chiến, người vào quân đội, người làm thông tin tuyên truyền, người làm văn nghệ, dần dần hình thành đội ngũ chững chạc.

Trên vùng đất miền Nam Trung bộ (từ phía Bắc Tam Kỳ đến phía Nam Tuy Hòa) và tận miền núi Tây Nguyên, cùng với một số ít ca khúc vào từ miền Bắc, vang lên ca khúc của họ. Đó là: *Đường chiều, Kèn gọi ra thao trường, Lửa chiến đấu, Sông Lô* (lời: Phan Quang Định), *Tự túc* (lời: Lương



Phức “vua chuyển thể”, bên cạnh Văn Cao “vua giai điệu”.

Trên con đường chuyên nghiệp hóa, họ là lực lượng nòng cốt của Chi đoàn nhạc sĩ kháng chiến Liên khu 5, đóng góp tài năng cho sự phát triển đội ngũ trên vùng đất miền Nam Trung bộ và

nền âm nhạc của đất nước.

Ở những Đại hội văn hóa, văn nghệ, những dạ hội nghệ thuật của miền, thường được tổ chức ở thị xã Quảng Ngãi, các thị trấn Bồng Sơn hay Tam Quan (tỉnh Bình Định), nòng cốt của các dân nhạc đều là nhạc sĩ của Phố Hội.

Sau này, có thêm La Thiệu từ Khu 4 vượt biển về, tăng thêm chất tài hoa cho bộ trống.

Bên cạnh nhạc phẩm nước ngoài và trong nước, các tiết mục được biểu diễn (hát hoặc hòa tấu) phần lớn là sáng tác của nhạc sĩ Phố Hội và số ít trong miền. Bắt đầu chơi một số bản khí nhạc của Lê Trọng Nguyễn: *Cây ghi ta của tôi*, *Tạm biệt những hoàng hôn thân yêu...*, của Dương Minh Ninh: *Quân nhân hành khúc*.

Công chúng yêu quý những ca khúc trữ tình của họ, có thể nhắc đến: *Gấm vàng* (thơ: Vũ Hân), *Tiếng đàn xe nước* của Dương Minh Ninh, *Trăng lại sáng* (lời: Hồ Văn Thương), *Chiều lên*,

Trùng Dương)... của Dương Minh Ninh; *Anh binh nhì ca*, *Bài ca của đoàn văn nghệ* (lời: Hạo Nhiên), *Bước lên chiến dịch*, *Chiến thắng biên giới*, *Quán bên đường*... của Lê Trọng Nguyễn; *Nhớ miền duyên hải*, *Nông binh ca*, *Hồ gặt lúa*, *Vui chiến đấu*... của Dương Minh Hòa; *Du kích Ba Tơ*, *Nhớ ngày 19/5*, *Ca ngợi La Văn Cầu*... của Dương Minh Viên; *Gió mới* (thơ: Xuân Diệu), *Nắng sớm của Hoàng Tú Mỹ*, *Đàn chim trắng*, *Tiến lên Lắc*, *Khi gió đông về*... của Trương Đình Quang; *Hội An ngày về* của La Xuân, Lê Văn Ngung, Nguyễn Hứa Thảo, Khương Thế Hưng (Nguyễn Mộc) viết ca khúc cho tuổi trẻ, Hồ Văn Thương viết ca khúc thiếu nhi.

Ở khu 6 (cực Nam Trung bộ), là cán bộ quân đội, Vương Gia Khương tiếp tục sáng tác: *Bài hát trường ta*, *Chiến sĩ lực quân*...

Tại Việt Bắc, trong đoàn nghệ thuật của Hội văn nghệ Trung ương, Vương Quốc Mỹ viết nhiều ca khúc phổ biến: *Vó ngựa biên cương*, *Trên đồi Xtalín*..., được nhạc sĩ Lưu Hữu

Quán bên đường của Lê Trọng Nguyễn; *Những đêm sao tỏ* của Dương Minh Hòa; *Hội An ngày về* của La Xuân (lời Hoa: *Diệp Truyền Hia*, lời Việt: *Đăng Vân*); ca khúc trong *Gió đùa tiên nữ* của Vương Quốc Mỹ; ca khúc trong cảnh hát múa *Vết lông ngỗng* của Lê Văn Ngung.

Mùa xuân năm 1955, từ Chi đoàn nhạc sĩ kháng chiến Liên khu 5, tôi được chuyển ra miền Bắc. Ở Hà Nội, theo học chuyên ngành, trong tiểu ban nhạc miền Nam (*được phép đọc báo chí, nghe đài phát thanh của chế độ Sài Gòn*), tôi quan tâm theo dõi hoạt động của nhạc sĩ Hội An. Trên tạp chí Bách khoa, vào những năm 60, trả lời phỏng vấn (*do Nguyễn Như Ý thực hiện*) và trên vài tạp chí khác, Dương Minh Ninh, Dương Minh Hòa, Lê Trọng Nguyễn, cho biết, cùng với việc giảng dạy nhạc, hướng sáng tác là viết cho thiếu nhi và tuổi trẻ.

Nguyễn Hữu Thiết sáng tác ca khúc trữ tình về tình yêu quê hương, với chất liệu nhạc dân gian miền Trung, cùng với vợ là ca sĩ Ngọc Cẩm, đều rất nổi tiếng trên các sân khấu ca nhạc, thể hiện khá rõ tình cảm yêu dân tộc trong băng ca nhạc “18 tình khúc quê hương yêu dấu” của nhà Thúy Nga phát hành ở Sài Gòn trước tháng 5/1975, đã hát rất đẹp và diễn cảm ca khúc của Phan Huỳnh Điểu, Dương Minh Ninh, Dương Minh Hòa.

Quây quần quanh nhà xuất bản Trùng Dương do nhà văn Lưu Nghi chủ trương và nhà xuất bản Đón Gió của Đặng Mạnh Chuân, đều là người

Hội An, theo hướng nghệ thuật yêu nước, tiến bộ (*Cần nhắc đến, lúc hoạt động nội thành, nhà văn Nguyễn Văn Bồng đã ăn ở trong nhà xuất bản Trùng Dương*). Dương Minh Hòa có thời gian ra vùng giải phóng, học tập đường lối văn nghệ của mặt trận dân tộc giải phóng. Lê Trọng Nguyễn dạy nhạc, làm đàn, sáng tác khí nhạc, ca khúc trữ tình. Trương Đình Cử viết lý luận nhạc mới, ca nhạc cải lương. Lan Đài viết nhiều sách lý thuyết cơ bản âm nhạc, cách chơi các loại đàn.

Các ca khúc *Vàng trán đau buồn* của Lê Trọng Nguyễn, *Tơ tình* của Nguyễn Hữu Thiết, *Tìm về* của Lan Đài và Y Vân... nhắc đến kỷ niệm thân thương, tình cảm bạn bè với những người xa cách miền Nam Tổ quốc.

Gắn bó với những tài năng về ca múa nhạc và sân khấu của quê hương, tôi quan tâm tìm hiểu về các phong cách hát bộ Huế, hát bộ Quảng, các thể loại ca nhạc Huế, ca nhạc Quảng.

Trong luận văn tiến sĩ “*Âm nhạc Việt Nam cổ truyền*” trình bày ở Khoa Văn Chương Trường đại học (*Nhà xuất bản PUE - Presses universitaires de France, 1962, các trang 98, 99, 100*) tổng hợp Pari (*xin tóm lược*), ông Trần Văn Khê nói đến âm nhạc Quảng Nam như sau: Về ca nhạc tài tử (*la musique dite des amateurs*).

“*Âm nhạc được gọi là của các tài tử là sự gặp gỡ giữa nhạc Huế và âm nhạc Quảng Nam mà sinh ra*”

Theo tư liệu của gia đình, từ sự nhận xét về ca nhạc Quảng, ông giải trình rằng “*Loại nhạc Quảng Nam này cùng với nhiều điệu do các nhạc sĩ miền Nam sáng tác, đã trở thành nhạc được gọi là của các tài tử mà vào đầu thế kỷ 20, chúng ta phân biệt trong đó có những bài Bắc, bài Nam và bài oán.*”

Ông còn nói rõ là ca nhạc Quảng Nam chứ không phải là của Quảng Đông hay Quảng Tây Trung Hoa.

Và câu hỏi đã được đặt ra:

Ca nhạc cổ truyền Phố cổ có đóng góp gì vào nền ca nhạc tài tử? Có phải nghệ sĩ ca nhạc ở đây đã giữ gìn và phát triển thể loại ca nhạc này không? Lớp trẻ làm ca nhạc mới đã tiếp nhận tinh hoa ca nhạc dân tộc cổ truyền Quảng, sáng tạo và đổi mới thể nào cho tác phẩm của mình?

Vào những năm 30, 40, ở đây, nhiều nghệ nhân đàn dân tộc nổi tiếng, đã sống và giảng dạy đàn ca: ông Tám mù và ông Ba Dế dạy đàn Huế, Ông Ba Em tài hoa, chơi và dạy nhiều loại đàn (*những giai thoại dân gian trong tỉnh, ca ngợi tài năng của ông*), ông Tám Mại vào những năm 50, 60 là thành viên ba cổ nhạc Trung phần ở Sài Gòn.

Tính từ 1945 đến năm nay, năm 2000, ca múa nhạc ở Phố cổ đã tròn 55 tuổi.

Trong bài nghiên cứu “*Thời tiền chiến trong âm nhạc*” (*tạp chí văn học số 114 ra ngày 1/11/1970 ở Sài Gòn*),

nhạc sĩ Lê Thương đánh giá cao nhóm tân nhạc Hội An và Hội yêu nhạc (*Societe philharmonique*), so sánh ngang tầm với những nhóm Tr’icea.P.D.H. Myosotis của Hà Nội, nhóm Đồng Vọng của Hải Phòng.

Trong sách “*Nhạc sĩ Việt Nam hiện đại*” (*Hội nghệ sĩ Việt Nam xuất bản năm 1997, Hà Nội*) và sách “*Âm nhạc mới, tiến trình và thành tựu*” (*Viện Âm nhạc Việt Nam xuất bản năm 2000, Hà Nội*), có những lời đánh giá trân trọng với ca nhạc của phố cổ từ trước Cách mạng tháng Tám, trong cuộc kháng chiến đánh thực dân Pháp.

Ở “*Nhạc sĩ Việt Nam hiện đại*” - Có thể nói cách mạng đã lên đường cùng với tiếng hát đầy hào khí của những *Tiến quân ca* (*Văn Cao*), *Diệt phát xít* (*Nguyễn Đình Thi*), *Cờ Việt Minh* (*Vương Gia Khương*), *Cùng nhau đi hồng binh* (*Đinh Nhu*), *Du kích ca* (*Đỗ Nhuận*), *Đoàn giải phóng quân* (*Phan Huỳnh Điểu*), nữ nghệ sĩ Thái Lệ Minh chơi trống, đều là con cháu tộc Thái, Phố cổ.

Những năm gần đây, dự cuộc thi “*Tiếng hát hoa phượng đỏ*”, thiếu nhi luôn đạt giải thưởng cao. Tiếng hát của đội xã Tân Hiệp (*Cù Lao Chàm*) bay lên trong sự hòa điệu của các giọng (bè) với nhạc đệm, thể hiện cái đẹp tiếp nhận cái mới của tinh hoa âm nhạc. Các ban giám khảo luôn hài lòng với cái riêng đặc sắc, rất “*Hội An*” ở phong cách đệm đàn (*nhạc khí dân tộc hòa quyện, pha màu sắc bên cạnh nhạc khí mới: đàn tranh, đàn bầu, măngđôlin*).

Thầy giáo Nguyễn Văn Vận đoạt 2 giải thưởng về ca khúc cho lứa tuổi học trò của Bộ Giáo dục - Đào tạo. Phạm Phú Sương có nhiều ca khúc dễ thương cho trẻ em.

Mùa hè năm nay, ở thành phố Hồ Chí Minh, vào lễ kỷ niệm 30/4, trong cuộc diễn hành quần chúng, mở đầu chương I là ca khúc *Nam bộ kháng chiến*. Bài ca *Tự túc* của Dương Minh Ninh dẫn dắt vào chương II, lúc đoàn nông dân tiến vào quảng trường.

Bài ca Tự túc sống mãi trong lòng người dân nông thôn và đồng bằng sông Cửu Long. *Du kích Ba Tơ* của Dương Minh Viên là nhạc hiệu của đài phát thanh huyện này.

Từ những năm 90, ca khúc *Nắng Chiều* của Lê Trọng Nguyễn, trước đây đã nổi tiếng ở Nhật, nay lại được tung bay trên khắp đất nước đổi mới. Trên báo Tuổi trẻ chủ nhật ngày 12/12/1999, nhà thơ Vệ Giang viết về ca khúc ấy: “*Có 1 ca khúc tôi được nghe mẹ hát đi hát lại mãi, bài Nắng chiều của Lê Trọng Nguyễn, 1 bài hát mà qua mỗi lứa tuổi, tôi lại khám phá những vẻ đẹp khác nhau.*

... Khi đã lớn khôn, ca khúc ấy với tôi là vẻ đẹp của một mối tình, vẻ đẹp của một ca khúc nghệ thuật đi vào lòng người, khơi gợi mỹ cảm đầy tính dân tộc. Bây giờ, đi đâu, nghe bài hát ấy, tôi lại ngẩn ngơ với cảm giác hạnh phúc thực sự”.

Trên đất quê hương, hiện nay, Hoàng Tú Mỹ vẫn nhảy bèn với đề tài cho thiếu nhi, thực nghiệm chuyên

biến, đưa cái đẹp mới vào đồng dao cổ truyền.

Bên cạnh những cây bút vững vàng, là những diễn viên ngày càng tinh thông nghề nghiệp trên con đường ca múa nhạc.

Là các nữ ca sĩ: Ngọc Huệ, Thu Hương, Tịnh Quyên, Mỹ Phương, Tuyết Thanh, Thanh Xuân, Đông Vân, Thủy Trúc, Mai Nhi.

Các nam ca sĩ: Quang Trung, Duy Dũng, Văn An.

Có những tác giả không phải là hội viên sáng tác Hội nhạc sĩ Việt Nam, nhưng đã để lại những tác phẩm không thể nào không nhắc tới trong vòng 60 năm trở lại đây. Và còn rất nhiều tác phẩm giá trị khác nữa trong di sản đồ sộ của kho tàng âm nhạc Việt Nam.

Trong “*Những bài ca quên năm tháng*”, có những ca khúc: *Xuân và tuổi trẻ* (lời: Thế Lữ) của La Hối, *Du kích Ba tơ* của Dương Minh Viên, *Cờ Việt Minh* của Vương Gia Khương, *Bài ca Tự túc* (lời: Lưu Trùng Dương) của Dương Minh Ninh.

Cho đến hôm nay, trên cả nước, đều khen ngợi ca sĩ Ánh Tuyết, được nhạc sĩ Văn Cao và công chúng nhìn nhận hát đạt nhất ca khúc của ông (có lần đã hát *Tiến quân ca* để kết thúc đêm *Cung đàn xưa*) ca khúc trữ tình trước Cách mạng tháng Tám và trong kháng chiến I.

Giữa năm 1999, trên sân khấu ca nhạc thành phố Hồ Chí Minh, nhạc sĩ -

ca sĩ Nguyễn Hữu Thiết, nay đã bị mù, với vợ là ca sĩ Ngọc Cẩm, cùng 2 con gái ca sĩ là Hồng Hạnh và Hồng Danh, đã hát những ca khúc trữ tình của cái thời sôi nổi của ông. Công chúng yêu mến ban hợp ca 4 người này. Nói về mình, ông cho biết ông người gốc Quảng Trị, trưởng thành, cất tiếng hát đầu tiên, tập tành sáng tác ở Phố cổ.

Từ giữa những năm 80, khi rạo rực trong công chúng sự tìm về những ca khúc (*được gọi nhầm là*) ca khúc tiền chiến, *Xuân và tuổi trẻ* của La Hối (lời: *Thế Lữ*) đã nổi tiếng ở nước ngoài, sống lại trong mọi chương trình ca nhạc của đất nước, mỗi khi mùa xuân đến.

Năm 1982, Trần Dũng với ca khúc *Em ơi còn nhớ*, năm 1989, Quang Trung với ca khúc *Bóng dáng*, đều đã đoạt giải A của Trung tâm phương pháp câu lạc bộ Trung ương. Nguyễn Hoàng, từ giữa những năm 90 đến nay, luôn đoạt giải thưởng cao về ca nhạc trên sân diễn thành phố Hồ Chí Minh.

Thái Đạt Minh trong đoàn balê tháng Mười, tháng 10/1996, sang Ôxtrâyliá giao lưu văn hóa, múa với đoàn balê Canberra, được khen với nhân vật hoàng tử trong vở kịch múa Hồ Thiên Nga của Tsaicôpxki, nhân vật Puck trong *Giấc mộng đêm hè* (*Kịch bản: Sétxpia*). Thái Vân Minh, nữ nghệ sĩ pianô và sáng tác. Các tây chơi nhạc khí dân tộc: Tấn Sanh, Quang Nam, Nguyễn Tiến, Văn Đức, Hương Loan, Hoài Thu.

Các diễn viên múa: Mĩ Lệ, Mĩ Sương, Phương Thảo, Thu Hà.

Họ thật xứng đáng với những huy chương vàng và bạc ở các hội diễn chuyên và không chuyên, các liên hoan, các cuộc thi sáng tác, trong các chương trình ca nhạc trên các phương tiện nghe nhìn, các kênh thông tin đại chúng của tỉnh và cả nước, và những giải thưởng của các tổ chức và đoàn thể từ cấp tỉnh đến cấp trung ương, như: Hội nhạc sĩ Việt Nam, Bộ Quốc phòng, Bộ Văn hóa và Thông tin, Đài Tiếng nói Việt Nam và Đài Truyền hình trung ương.

Người dân phố cổ yêu quý những thể hệ người làm nghệ thuật trên đất quê hương, tự hào về họ, theo dõi từng bước đi của họ trên con đường nghệ thuật.

Các thể hệ người làm nghệ thuật ca múa nhạc tiếp nhận và phát triển truyền thống của các thể loại này, từ trong gia đình, từ trong dòng máu văn nghệ cây nhà lá vườn...

Họ mang ơn truyền thống nghệ thuật của Phố cổ, tiếng trống chầu hát bộ ở rạp Đồng Lạc, những giọng ru con, ru em, những bài hát theo giai điệu cổ truyền, những bài ca cách mạng từ thời kì Ôrôrô, những ca khúc chống phát xít Nhật của người Hoa, tiếng đàn pianô của Hội yêu nhạc, những đêm ca múa nhạc kịch ở rạp Gaité Faifoo, những khúc nhạc du hồ của người Hoa giọng hò khoan trên sông chèo ghe sau Cách mạng tháng Tám, những ca khúc đi vào cuộc

kháng chiến đánh thực dân Pháp, những tấm lòng đánh Mỹ cứu nước.

Khiêm tốn và tự tin, theo đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng, những người làm ca múa nhạc của Phố cổ hướng về phía trước♦

Chú thích:

* Bài này được tác giả viết hoàn thành vào ngày 17/10/2000

- Ca khúc của Vương Gia Khương: Ủng hộ Liên Xô (1941), Hồ La (1942), Côn Lôn (1943)... đều in trong tập Cờ Việt Minh, Nhà xuất bản Âm nhạc, Hà Nội, 10/1960.

Vương Gia Khương sinh ngày 14/01/1921 tại làng Minh Hương, huyện Điện Bàn, sống ở Phố cổ, đảng viên năm 1940, đã giữ nhiều chức vụ cao trong quân đội và ngành xây dựng Nhà nước, mất ngày 28/8/1985.

Trong nhà tù thực dân (*Hỏa Lò - Hà Nội, Sơn La*) thường sáng tác với Đỗ Nhuận. Tập kết ra miền Bắc, ông không sáng tác nữa.

- Vương Quốc Mỹ sinh ngày 25/12/1992, tại làng Minh Hương, huyện Điện Bàn, sống ở Phố cổ, học kiến trúc ở Hà Nội. Giáo sư, tiến sĩ khoa học kỹ thuật, thứ trưởng Bộ Xây dựng, Phó Chủ tịch Hội xây dựng Việt Nam, cố vấn Hội kiến trúc sư. Từ Việt Bắc về Hà Nội, ông trở về ngành kiến trúc, tu nghiệp ở Cuba, viết vài ca khúc cho thiếu nhi rồi ngừng sáng tác nhạc.

- Ca khúc Tự túc của Dương Minh Ninh được giải thưởng của Chi Hội văn nghệ Nam Bộ đã in trong “10 bài hát trong số tác phẩm sự giải thưởng Hội văn nghệ Việt Nam”, loại “Nhân dân ca hát”, 1953 - tập 1, Sở Văn nghệ Trung ương xuất bản ở Việt Bắc, được thu đĩa hát loại 78 vòng, Nhà xuất bản Âm nhạc Hà Nội, 1960.

Dương Minh Ninh sống ở Đồng Nai, dạy nhạc và đàn, còn sáng tác. Vừa có ca khúc Trăng trên sông Hoài trong tạp chí Non Nước số 41, 6/2000, Đà Nẵng.

- Dương Minh Hòa, Dương Minh Viên, Nguyễn Hữu Thiết sống ở Sài Gòn. Dương Minh Viên còn viết cho thiếu nhi, dạy đàn. Lê Trọng Nguyễn sống với gia đình ở nước ngoài. Trương Đình Cử và Lan Đài đều mất sau tháng 5/1975 ở Sài Gòn.

- Cao Hồng Lãnh (*Phạm Thâm*) Phó Ban đối ngoại Trung ương Đảng vào những năm 60 - 70, hiện ở Hà Nội.

- Nguyễn Thị Tố Nga, sinh năm 1928 ở xã Minh Hương, từ tháng 9/1945, làm công tác phụ nữ, làm sân khấu và ca múa. Từ năm 1954 đến 1967, vào Sài Gòn, liên tục công tác trí thức vận và tôn giáo vận. Năm 1959, để dễ hoạt động, cùng chồng (*ông Nguyễn Trọng*) mở lớp dạy khiêu vũ, là vũ sư có tiếng. Cuối 1967, về Đà Nẵng, hoạt động đơn tuyến trong công nhân nhà máy điện.

- Vũ Hân (? - 1983) sinh ở Minh Hương, nhà thơ, nhà giáo. Trong kháng chiến I đã viết các kịch thơ: Khói lửa Cáo Kinh, Thi sĩ đầu quân, Giăng sách dưới trăng. Hai vợ sau được trình diễn khắp vùng đất Liên khu 5.

- Võ Trọng Xán sinh ở xã Hội An, làm công tác thanh niên và nghệ thuật, trong kháng chiến I là Phó trưởng Ty Thông tin Tuyên truyền tỉnh ta, có tài năng về dàn dựng và mỹ thuật sân khấu, mất sau tháng 5/1975 ở Bến Tre.

- Vương Quốc Nhã (1919 - 1967), anh ruột của Vương Quốc Mỹ, có tài năng về mỹ thuật và sân khấu. Sau tháng 7/1954, công tác ở tỉnh nhà, là bí thư Thị ủy, hi sinh vào tháng 7/1967 tại Lộc Quý (*Đại Lộc*).

DẤU TÍCH CHÍNH SÁCH VĂN HÓA CỦA TRIỀU NGUYỄN Ở HỘI AN

Ngô Đức Chí

Để an dân, ngoài các bộ luật được soạn thảo và đưa vào sử dụng, triều Nguyễn cũng có các chính sách khuyến khích nhân dân làm việc thiện. Những gương điển hình làm các việc nghĩa, như giúp đỡ người nghèo, giúp đỡ nhân dân trong thiên tai, những người phụ nữ biết giữ gìn tiết hạnh đã được biểu dương khen thưởng... Trong bài viết này chúng tôi khảo cứu chính sách khuyến thiện của triều Nguyễn tại Hội An, dựa vào những tư liệu điền dã thực tế và các văn bản, thư tịch của triều Nguyễn nhằm phác

họa những nét cơ bản nhất về chính sách này.

Việc khuyến khích nhân dân làm việc thiện đã được chú trọng thực hiện từ những năm đầu đời Gia Long (1802 - 1820), nối tiếp đến đời Minh Mạng (1820 - 1840) được liên tục bổ sung, hoàn thiện và ban bố cụ thể hơn. Năm Minh Mạng thứ 3, vua xuống dụ: “tôi trung, con hiếu, gái tiết, trai nghĩa, người dân trong nước phải nên khuyến khích. Từ xưa, nêu cao người hiếu, biểu dương người liêm, là để rèn luyện tục dân, sáng tỏ

giáo hóa. Trẫm kính nối cơ đồ vinh quang, mở rộng đường lối chính trị. Phàm có trung thân phong cho thờ cúng, liệt nữ, thưởng biếu nêu khen, có đủ cả điển lệ. Nhưng hiếu tử (người con có hiếu), nghĩa





phu vẫn chưa được biểu dương, như thế là đường lối dạy dân thành tục tốt, còn lo chưa được đầy đủ. Chuẩn từ nay các thành, doanh, trấn đều nên để tâm tìm tòi. Phàm dân gian có hiếu tử đối với cha mẹ, thực hành rõ rệt, như loại sớm tối hầu thăm, trước biết ý mà thuận theo, việc sống nuôi, chết chôn đều phải hết đạo, trong làng xóm đều khen là hiếu tử, nghĩa phu, thấy tài lợi, lòng không chuyển động, như loại được vàng trả chủ, không hám lợi một cách cầu thả, khi từ hay nhận, lấy hay cho, đều hợp với nghĩa, mà già trẻ đều tin là người liêm. Cho phép hương lý kê rõ họ, tên, tuổi và quê quán, cam kết nhận thực. Quan trấn hạt ấy trình bày thực trạng cùng lời xét khai làm tờ tâu, do bộ Lễ tâu lên đợi chuẩn nêu

thường để xứng với ý tốt của trăm dạy bảo uốn nắn phong tục.”¹

Đến năm 1834, vua Minh Mạng ban hành Thánh dụ huấn dịch thập điều quy định các chính sách văn hóa giáo dục của triều đại, trong đó có đề cập đến vấn đề khuyến thiện trong dân chúng: “lâu nay, trăm đặc biệt ban thưởng cho những tiết phụ trinh nữ ở các địa phương, hoặc cho kiến lập từ sở, hoặc đem ban phát biển ngạch, để khuyến khích những người trinh tiết trong thiên hạ. Mong các người là phụ mẫu, huynh trưởng, các người biết giáo hối tử đệ, nam giới thì lấy lễ phép ngăn mình, nữ giới thì dùng trinh tiết giữ mình, cái tình giữa

¹ Nội các triều Nguyễn, Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ, quyển 101, Nxb Thuận Hoá, 2005.

nam nữ chính đáng, thì trăm ơn phúc đã tập trung ở đấy vậy.”²

Hiện nay, chúng ta thấy ở một số nhà dân, từ đường của các tộc họ ở Hội An có treo các tấm biển (hoành phi) của Triều đình ban tặng (sắc tứ) đề các dòng chữ như: nhà số 43 đường Trần Phú có tấm biển “hiếu nghĩa khả phong - 好義可風 - người hiếu nghĩa đáng nêu gương”, do triều đình ban cho ông Đặng Lâm vì đã có công cứu đói dân trong thiên tai, biển đề vào năm Tự Đức thứ 33. Hay tại nhà số 117 đường Trần Phú có tấm biển sắc tứ “tiết hạnh khả phong - 節行可風 - người có tiết hạnh đáng nêu gương”, ban cho Tạ Thị Yến người xã Minh Hương, tổng Phú Triêm, huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam vào năm Khải Định thứ 4 với lý do bà Tạ Thị Yến là người có tiếng tiết hạnh, nên được ban thưởng để khuyến khích. Ngoài ra, trên địa bàn thành phố Hội An còn có một số gia đình tộc họ khác sở hữu các tấm biển do triều đình sắc tặng mang các nội dung khác như “hiếu thuận khả phong - 好順可風 - người hiếu thuận đáng nêu gương”, “hiếu hạnh khả phong - 好行可風 - người hiếu hạnh đáng nêu gương”, “trinh tiết khả phong - 貞節可風 - người có trinh tiết đáng nêu gương”... Những tấm biển này chính là những

hiện vật còn sót lại của chính sách khuyến thiện, một chính sách văn hóa được Triều Nguyễn chú trọng thực thi nhằm mục đích an dân, ổn định xã hội, cổ kết cương thường theo tư tưởng Nho gia. Chính điều đó đã góp phần trực tiếp kết nối các nếp văn hóa truyền thống của dân tộc từ các triều đại trước cho đến ngày hôm nay.

Theo thống kê chưa đầy đủ, hiện nay, ở các gia đình, tộc họ ở Hội An còn lưu giữ được 5 hoành phi thuộc thể loại này. Tất nhiên, các hoành phi này có khung niên đại từ 1802 đến 1945. Trong quá trình khảo cứu, việc xác định người được ban sắc tứ và công trạng của người đó gặp nhiều khó khăn, vì trên nhiều tấm biển không khắc tên, có trường hợp có khắc tên thì cũng không truy tìm được sự tích.

Các hiện vật văn hóa đó không chỉ có giá trị về mặt cổ vật, quan trọng hơn nó còn phản ánh truyền thống hiếu nghĩa của nhân dân Hội An. Trong bối cảnh hiện nay, thiết nghĩ cần bảo tồn và phát huy tốt những hiện vật này, đồng thời khảo cứu thêm để nhận diện đầy đủ việc thực hiện chính sách khuyến thiện của Triều Nguyễn ở Hội An và những dấu tích còn bảo lưu góp phần giáo dục và phát huy truyền thống văn hóa của địa phương♦

² Thánh dụ Huấn dịch thập điều diễn nghĩa ca, Lê Hữu Mục dịch, quốc vụ khanh đặc trách văn hóa xuất bản, 1971.

VĂN HÓA BIỂN

NHÌN TỪ NGÀNH NGHỀ TRUYỀN THỐNG Ở HỘI AN

Trần Văn An

Lâu nay, khi nói về các ngành nghề truyền thống gắn với biển đảo chúng ta thường tập trung sự quan tâm ở lĩnh vực khai thác, đánh bắt hải sản. Thật ra, trên thực tế, quá trình thích ứng, tương tác lâu dài với biển đảo đã cho ra đời ngành kinh tế biển với nhiều nghề khác nhau từ khai thác, đánh bắt đến thủ công, gia công, chế biến, buôn bán, dịch vụ... Thực tế này thể hiện rõ ở các địa phương ven biển miền Trung mà Hội An, Quảng Nam là một trường hợp cụ thể.

Ở Hội An ngành kinh tế biển này hình thành từ lâu đời, có thời điểm phát triển rất rực rỡ và tập trung ở ba nhóm lớn: 1/ Khai thác, đánh bắt; 2/ Thủ công, gia công, chế biến; 3/ Buôn bán, dịch vụ.

Về khai thác, đánh bắt, bước đầu chúng tôi thống kê được 44 nghề liên quan đến các kỹ thuật, phương tiện đánh bắt khác nhau thể hiện sự tiếp cận sâu sắc của người dân địa phương với môi trường biển đảo:

TT	Tên nghề	Nhóm nghề
01	Lưới Xăm	Lưới
02	Lưới rừng	
03	Lưới rê	
04	Lưới quát	
05	Lưới trũ	

06	Lưới trích	
07	Lưới chuồn	
08	Lưới thanh ba	
09	Lưới ghe	
10	Lưới sưa	
11	Lưới giả - Giả cào - Giả ruốc	Mành
12	Lưới vây rút chỉ	
13	Mành chà - Mành chốt - Mành định (mành mở)	
14	Mành khơi	
15	Mành đèn	Câu
16	Mành điện	
17	Câu ống	
18	Câu xóng	
19	Câu giăng	
20	Câu đóc	
21	Câu dầm	
22	Câu rạn	
23	Câu kiều	
24	Câu mực	
25	Câu lớn	
26	Câu nhỏ	
27	Câu hổ	
28	Câu ngư	
29	Câu lạc	

30	Lặn ốc	Lặn
31	Lặn bào ngư	
32	Lặn san hô	
33	Câu khẩu (<i>lặn đâm bắt cá</i>)	
34	Đọc cá	
35	Lờ mực	Bẫy
36	Cào nghêu	Cào, gỡ, chụp bắt
37	Cào ốc	
38	Gỡ vú nạng, vú sao	
39	Bắt cua đá	
40	Khai thác yến sào	Hái, đốn
41	Hái rau rừng	
42	Hái lá Lao	
43	Đốn củi	
44	Đốt than	

(Ngoài ra trước đây ở Cù Lao Chàm (Hội An) còn có nghề khai thác nước ngọt để bán cho các tàu buôn, lấy phân dơi làm thuốc súng)

Về nhóm nghề thủ công, gia công, chế biến cũng rất phong phú và đa dạng trong đó có thể kể đến nghề đóng tàu thuyền, đặc biệt là nghề đóng ghe bầu, một loại thuyền buồm nổi tiếng của người Việt, đóng các loại ghe đi biển, thuyền chiến mà kỹ thuật và ưu điểm đã khiến không ít cường quốc hàng hải phương Tây trước đây cũng phải thán phục. Trong Bình Nam Đồ, Thiên Nam Tứ chí lộ đồ thư vẽ vào thế kỷ XVII hoàn chỉnh vào thế kỷ XVIII đã ghi lại địa danh Chu tượng (*trại, xưởng đóng ghe*) có vị trí nằm giữa vùng đất nối liền cửa Đại Chiêm và cửa An Hòa thuộc phố Hội An⁽¹⁾. Lê Quý Đôn trong Phủ biên tạp lục cho

biết vào thế kỷ XVIII tại Duy Xuyên, địa phương giáp phố Hội An về phía Nam có 10 xã, 11 thôn, 40 phường, 1 tộc chuyên đóng ghe⁽²⁾. Trước năm 1975, tại Hội An có nhiều trại đóng ghe đi biển, trong đó nổi tiếng có trại của ông Thủ Biên ở Thanh Châu, trại ông Hương Chạy, Hương Phòng ở Kim Bông... Tại Kim Bông (*nay là xã Cẩm Kim thuộc Hội An*) thường xuyên có lực lượng thợ đóng ghe đông và thiện nghệ. Họ đóng đủ các loại ghe đi sông, đi biển trong đó có ghe bầu. Ngoài việc cung cấp ghe bầu cho địa phương các nhân chứng cho biết họ còn đi đóng ghe bầu thuê ở Thuận Hóa, Đề Ghi, Sông Cầu, Phan Thiết và một số địa phương ở Nam Bộ. Điều này cho thấy trước đây nghề đóng ghe thuyền nói chung, ghe biển nói riêng đã rất phát triển tại Hội An, Quảng Nam và có lẽ cũng ở tại nhiều địa phương khác ven biển miền Trung và Nam Bộ. Kèm theo nghề đóng ghe là



nghe bảo dưỡng, “*làm nước*” ghe thuyền sau những chuyến đi xa buôn bán làm ăn nhằm kéo dài tuổi thọ của chiếc ghe. Nghề đan thúng chai cũng là nghề khá đặc biệt gắn với biển đảo. Thúng chai là một phương tiện đan bằng tre tuy thô sơ nhưng rất tiện lợi và cơ động. Hầu như những ghe đi biển lớn nào cũng có một vài chiếc thúng chai để vào ra bên cạnh, luồn lách giữa các rạn đá và cứu hộ khi gặp nguy hiểm.



liệu được lấy từ hòn đảo đầy nắng gió này.

Nghề gia công, chế biến hải sản cũng rất phát triển tại địa phương, trước hết để đáp ứng nhu cầu bảo quản nguồn hải sản đánh bắt được hàng ngày nhằm sử dụng lâu dài và kế đó là để phục vụ nhu cầu mua bán, xuất khẩu. Trong đó, đáng kể có nghề làm vi cước cá, làm tôm, mực, cá khô; chế biến yến sào, đồi mồi, xà cừ, tảo biển... Cùng với các sản vật của núi rừng như hồ tiêu, quế, trầm hương, mật ong... thì sản phẩm của các nghề gia công chế biến này cũng đã nằm trong danh mục các mặt hàng xuất khẩu ăn khách một thời như yến sào, vi cước cá, tôm khô, mực khô, da cá khô, bong bóng cá, bào ngư, hải sâm, tảo biển, san hô đỏ, đồi mồi.v.v... Ngoài ra còn có nghề làm muối, làm các loại mắm cá, mắm nước, nghề hấp cá để bán ở các vùng xa. Ở Cù Lao Chàm còn có nghề đan võng ngô đồng, làm các loại bánh ít, bánh su sê rất ngon, có hương vị riêng do nguyên

Nhóm nghề buôn bán, dịch vụ liên quan đến biển đảo có vị trí khá đặc biệt mà lâu nay ít được quan tâm tìm hiểu, trong đó đáng kể nhất là nghề buôn đường biển nói chung, buôn ghe bầu nói riêng. Theo tư liệu dân gian, trong các thế kỷ trước tại Hội An từ khu vực trung tâm phố thị cho đến các làng xã vùng ven đều có nhiều gia đình tham gia nghề buôn bằng ghe bầu. Buôn ghe bầu không phải là đặc quyền của cư dân phố thị mà ngay ở các làng xã nông nghiệp một khi có vốn liếng nhiều gia đình đã đầu tư sắm sửa ghe bầu để đi buôn kiếm lời. Sức hấp dẫn của nghề buôn ghe bầu đã lôi cuốn cư dân nhiều làng xã ở Hội An, Quảng Nam tham gia, tạo thành các vạm buôn ghe bầu đông đúc, nhộn nhịp một thời như vạm Bàn Thạch, vạm Trà Nhiêu, vạm Thanh Châu, Cẩm Phô, Thanh Hà, Trường Lệ, Sơn Phô, Hội An, An Hòa v.v... với đội ngũ đông đảo các lái buôn, tài công, thủy thủ mà người các địa phương Đà Nẵng gọi là “*dân ghe bầu*”, “*bạn ghe bầu*”, “*Bạn ghe bầu đi đâu cũng nói phách*”. Mãn mùa

rồi giẻ rách đầy rương. Bạn ghe bầu đi đâu cũng nói lão. Mãn mùa rồi xách gáo đi xin”. Có thể nói có một truyền thống buôn ghe bầu trải dài ở các địa phương ven biển miền Trung và miền Nam, trong đó Hội An, Quảng Nam là một tụ điểm. Những chiếc ghe bầu Việt đã từng có mặt ở nhiều bến cảng trong và ngoài nước để thực hiện những chuyến buôn xa, dài ngày và qua đó hình thành nên một đội ngũ tài công, thủy thủ, hoa tiêu dày dặn kinh nghiệm từng khiến không ít nhà hàng hải phương Tây ngưỡng mộ:

“... Bão táp thật dữ dội ngoài biển khơi thiếu chút nữa thì thương thuyền của chúng tôi bị gãy đổ cả cột buồm. Thời tiết đã tiếp tục xấu như thế trong nhiều ngày. Vậy mà khi đang thận trọng dẫn tàu vào eo biển (Singapore) chúng tôi chợt nhận ra 6 chiếc thuyền nhỏ của người Việt Nam đang giương hết mọi cánh buồm tiến thẳng tới trước... Tôi nghĩ mấy người Việt đó đang lèo lái những con thuyền bé nhỏ mà cách thức vận chuyển để vượt sóng lượn gió thật tài tình. Tài ba

của họ không thua kém bất cứ một thủy thủ đoàn hạng nhất nào của toàn khu vực châu Âu. Đoàn thuyền bé tí tẹo đó không có một chiếc nào vượt qua 50 tấn, vậy mà, những người đi biển này có thể đề bẹp cả sóng gió biển Đông vào giữa mùa bão tố. Đã qua 20 năm rồi, rất ít thương thuyền nào của công ty chúng tôi dám thử hải hành trong giữa mùa biển động như vậy...”⁽³⁾

Cùng với việc trực tiếp tham gia vào mạng lưới mậu dịch trên biển, cư dân địa phương còn làm các dịch vụ như đóng tàu thuyền cho thuê đi biển, làm hoa tiêu, tài công cho các tàu buôn... Liên quan đến hoạt động dịch vụ gắn với biển đảo còn có nghề làm đại lý buôn bán hải sản (đầu nậu biển), nghề rồi biển thu hút một đội ngũ khá đông người tham gia. Cũng cần phải nói rằng do có kinh nghiệm, kỹ năng trong việc điều khiển, sử dụng tàu thuyền nên một số người dân địa phương ở Hội An, Quảng Nam nói riêng, Đà Nẵng nói chung đã được thuê để phục vụ trên các tàu buôn nước

ngoài. Thực tế này có thể xác định qua mô tả của Thích Đại Sán khi ông đáp thuyền từ Quảng Đông đến Hội An, Quảng Nam và Huế:

“...Trên thuyền có thủy thủ tên A. Ban, người An Nam chưa đầy 20 tuổi, cường tráng,



lạnh lẽ, mỗi lúc treo buồm hắt leo tuốt lên ngọn cột, giăng dây thắt đỏi, qua lại như đi trên đất bằng Hắt vừa đứng trước mặt, ngó lên đã thấy ngòi trên đọt buồm, nhảy nhót xuống lên chẳng chút ngưng nghỉu...”⁽⁴⁾

Mô tả này góp phần khẳng định khả năng đi biển của người Việt ít ra là ở các địa phương của xứ Đàng Trong, trong đó có Hội An, Quảng Nam.

Cũng do khả năng này mà người các địa phương của Hội An như Cẩm Phô, Minh Hương, An Mỹ, Thanh Hà, Đế Vông, Thanh Châu,... thường được các vương triều phong kiến trước đây huy động để phục vụ trong các hải đội làm nhiệm vụ tuần tiễu, bảo vệ vùng biển phía Đông của tổ quốc trong đó có nhiều người làm đến các chức vệ úy, chánh đội trưởng, quản cơ, khâm sai đốc lý chiến tàu; chương cơ v.v... mà các văn bằng, sắc phong hiện đang được lưu giữ ở nhiều gia đình tại Hội An.

Như vậy, tuy chưa thật đầy đủ và toàn diện nhưng qua trường hợp Hội An chúng tôi thấy rằng quá trình thích nghi, tương tác với biển đảo đã cho ra đời tại địa phương một ngành kinh tế biển với nhiều nghề khác nhau bên cạnh nghề nông truyền thống. Có thể nói biển đảo đã đem đến cho địa phương một nguồn lực, một tiềm năng lợi thế mới và chúng đã được các thế hệ cư dân tại chỗ từ người Chăm cho đến người Việt sử dụng, khai thác có hiệu quả. Thành tựu về kinh tế thương nghiệp - ngoại thương ở Hội An gắn liền với môi trường biển đảo và sự

phát triển của kinh tế biển. Kinh nghiệm cho thấy khi nào chính quyền và cộng đồng dân cư biết dựa vào biển đảo, biết quản lý và khai thác hợp lý biển đảo thì kinh tế - xã hội có sự phát triển ngoạn mục, ngược lại khi xa rời hoặc không mặn mà với biển thì cũng là lúc kinh tế - xã hội có sự chững lại. Qua các nghề truyền thống liên quan đến biển đảo, đặc biệt là qua nghề buôn đường biển bằng ghe bầu, thuyền buồm chúng ta cũng thấy được rằng các thế hệ cha ông trước đây đã thực sự ra biển chứ không phải mới đứng trước biển, thậm chí vào những thời điểm nhất định họ đã ra biển xa hơn chúng ta bây giờ.

Tự hào về truyền thống thích ứng và tương tác sâu sắc với biển qua các ngành nghề truyền thống gắn với biển đảo mà cha ông đã phát triển và trao truyền lại chúng ta càng thấy rõ trách nhiệm trong việc làm sống lại truyền thống này, trong việc kế thừa hiệu quả truyền thống để vươn ra làm chủ biển khơi, xây dựng và phát triển địa phương, đất nước ngày càng văn minh, giàu đẹp♦

Chú thích:

(1) In trong tập Hồng Đức bản đồ, Bộ Quốc Gia Giáo dục, Sài Gòn xb 1962, tr 158.

(2) Lê Quý Đôn, Phủ Biên tạp lục, Nxb KH – XH, HÀ NỘI, 1964, tr 86.

(3) Ghi chép của thuyền trưởng George Windsor Earl khi dẫn lộ một thương thuyền đến Singapore vào thế kỷ 18 - Nguồn Internet.

(4) Thích Đại Sán, Hải Ngoại Ký Sự, Viện Đại Học Huế, Sài Gòn xb 1963, tr30.

ĐẠO CAO ĐÀI Ở HỘI AN

Phạm Phước Tịnh

Đạo Cao Đài là tên gọi tắt của một tôn giáo bản địa Việt Nam, có tên đầy đủ là Đại đạo Tam kỳ Phổ độ¹. Đạo Cao Đài ra đời năm 1926 tại Nam Bộ, người sáng lập và là tín đồ đầu tiên là ông Ngô Minh Chiêu. Không chỉ phát triển ở Nam Bộ, ngày nay đạo Cao Đài đã hiện diện ở nhiều nơi trong cả nước, trong đó có Hội An - Quảng Nam.

Đạo Cao Đài du nhập đến Hội An khá muộn, vào những năm 50 thế kỷ XX. Trong bối cảnh kháng chiến chống Pháp, các tín đồ Cao Đài ở vùng bắc Quảng Nam, sinh hoạt tại Thánh thất Từ Quan - Gò Nổi - Điện Bàn di tản nhiều nơi. Nhiều tín đồ phải tản cư ở vùng nông thôn Quế Sơn, Tam Kỳ... Trong khi đó, một số tín đồ đến Hội An sinh sống và lập thánh thất để sinh hoạt.

Về thánh thất: Hiện trên địa bàn Hội An có 02 thánh thất và 01 tịnh thất². Tịnh thất ở phường Tân An hiện là nơi tu thiền và làm cơ sở khám chữa bệnh. Hai thánh thất ở phường Cẩm Phô là nơi sinh hoạt và thờ tự.

Thánh thất Hội An thuộc Hội thánh Truyền giáo Cao Đài hiện tọa lạc tại số 20/14 Trần Cao Vân -

phường Cẩm Phô. Khi mới đến Hội An, các tín hữu sinh hoạt và thờ tự tại ngôi nhà của ông Lương Thùy (Năm Bò) tại Cẩm Phô - Hội An. Vào ngày 15/10/1952, cơ sở đạo Hội An được xây dựng trên diện tích đất 200m² do ông Nguyễn Hồng Tàn hiến tặng. Đến 12/1952 thánh thất Hội An cơ bản hoàn tất. Năm 1953 thánh thất Hội An đã hoàn thành và tổ chức lễ khánh thành vào ngày 19/4/1953. Lúc đầu Thánh thất Hội An là ngôi nhà đơn sơ, tường gạch mái tôn. Ông Lương Như Ý, đạo hiệu Giáo sư Thượng Lý Thanh được cử làm Đầu họ Đạo đầu tiên. Đến tháng 02/1954, ông Huỳnh Quốc Tuyển được phong làm Đầu họ Đạo.

Sau khi hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, hòa bình được lập lại. Ngày 27/10/1954 thánh thất Hội An là nơi tổ chức lễ đoàn tụ các tín đồ theo đạo Cao Đài ở Trung Kỳ. Nhiều Hướng đạo trong cơ quan Truyền giáo Cao Đài Trung Kỳ, các chức sắc, chức viện, các đạo tâm nam nữ các tỉnh miền Trung về hội họp. Năm 1957, ông Phạm Tâm đạo hiệu Thượng Tâm Thanh được Hội thánh bổ nhiệm làm Đầu họ thánh thất thay ông Huỳnh Quốc Tuyển điều về Hội thánh. Tháng 7/1959, thánh thất được trùng tu lần thứ 2,

xây thêm Hiệp Thiên Đài, lầu chuông Bạch Ngọc, lầu trống Lôi Âm và trang trí nơi thờ cúng quy mô hơn so với trước. Năm 1997, đạo huynh Giáo sư Thượng Tâm Thanh quy liễu, sau đó ông Trần Thanh Thái được tín đồ và Hội thánh tín nhiệm bầu làm Đầu họ đạo. Đến ngày 02/11/1991, Thánh thất Hội An hoàn thành trùng tu tôn tạo Bát Quái Đài. Đến đây, thánh thất Hội An đã hoàn thành đầy đủ Tam Đài gồm Bát Quái Đài, Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài. Năm 2009, đạo huynh Giáo hữu Ngọc Thái Thanh quy liễu, hội thánh cùng đạo hữu tín nhiệm ông Nguyễn Mân, đạo hiệu Thái Mân Thanh lên làm Đầu họ đạo. Hiện nay, cơ sở Truyền giáo Cao Đài Hội An có hơn 480 tín đồ thường xuyên đến sinh

hoạt và tu tịnh.

Thánh thất Hội An thuộc Tòa thánh Tây Ninh hiện tọa lạc tại số 88 Hùng Vương, phường Cẩm Phô. Theo hồi cố của các vị chức sắc, vào những năm 50 thế kỷ XX, khi đến Hội An, các tín đồ chọn một mảnh đất tại vị trí Xóm Dinh làm cơ sở tạm thời để thờ tự và sinh hoạt. Sau đó xây dựng thánh thất tại vị trí như ngày nay. Người đầu tiên đến truyền đạo là ông Cao Tăng Ma, được vài tháng thì ông chuyển đi và giao lại quyền cai quản họ Đạo cho ông Trần Đỗ, tiếp nối sau đó là các vị Giáo sư Thượng Kinh Thanh, Lễ sanh Thái Kha Thanh, Lễ sanh Ngọc Khuê Thanh... Hiện nay, đứng đầu ban cai quản là Giáo hữu Thái Tam Thanh, số tín đồ khoảng hơn 100 người.



Về biểu tượng trong đạo Cao Đài Hội An: Qua kết quả khảo sát cho biết, Thánh thất Cao Đài ở Hội An thờ biểu tượng Thiên nhân³ ở Bát Quái Đài, thiên nhân có nghĩa là con mắt Trời. Thờ Thiên nhân tức là thờ Trời. Trên quả Càn khôn, Đạo Cao Đài vẽ Thiên nhân ngay phía trên ngôi sao Bắc Đẩu. Cùng phối thờ với Thiên nhân là các vị Thái Thượng Lão Quân, Phật Thích Ca, Khổng Thánh Tiên Sư, Lý Thái Bạch, Quan Thánh Đế Quân, Bồ Tát Quan Âm. Bên cạnh đó, tại thánh thất có bàn thờ Diêu Trì Thánh Mẫu và bàn thờ đại tiên Ngô Minh Chiêu⁴, di ảnh các người đứng đầu họ đạo.

Biểu tượng Cổ pháp của đạo Cao Đài gồm Bình Bát vu, Cây Phất chủ và Quyển Xuân Thu. Bình Bát vu đặt ở giữa, cây Phất chủ và quyển Xuân Thu đặt ở hai bên. Ghép ba thứ ấy lại với nhau để tượng trưng cho tôn chỉ của đạo Cao Đài là: “*Tam giáo qui nguyên*”, tức là đem ba nền tôn giáo lớn ở phương Đông (*Phật giáo, Tiên giáo và Nho giáo*) hiệp trở về một gốc, gốc đó là Đại Đạo, do Thượng Đế làm chủ.

Biểu tượng lá cờ, đạo Cao Đài quy cả ba tôn giáo gồm Phật giáo, Lão giáo, Khổng giáo và dung hợp cả tinh thần cao siêu Thần Giáo. Bởi thế lá Cờ Đạo có ba sắc phái và ba thể Cổ Pháp; tượng thể Tam Thanh xuất thế. Trong đó, Thái Thanh là sắc vàng (*Phái Phật*). Thượng Thanh là sắc xanh (*Phái Tiên*). Ngọc Thanh là sắc đỏ (*Phái Thánh*).

Về giáo lý: Giáo lý đạo Cao Đài là sự tổng hợp, chất lọc lý luận của tam

giáo Đồng nguyên ở Phương Đông là Phật (Thích) - Nho - Lão, đề cao Thiện, Phước, Nhân, Quả, Lễ, Nghĩa. Do vậy, ngoài Đức Chí Tôn, trong Thánh Thất của đạo Cao Đài còn thờ Đức Lý Thái Bạch (*Lý Bạch - đại diện của Lão giáo*), Đức Quan âm Bồ Tát (*đại diện cho Phật giáo*), Đức Quan Thánh đế quân (*Đại diện cho Nho giáo*)... Giáo lý của đạo Cao Đài đặc biệt quan tâm và đề cao tính thiêng liêng huyền diệu của cơ bút, coi đó là linh hồn của đạo. Đạo Cao Đài đặt ra nhiều qui định về luật lệ, lễ nghi để hướng dẫn người theo đạo tu tập và xử thế. Luật đạo có nhiều nhưng có một số nội dung quan trọng là “ngũ giới cấm”, “tứ đại điều qui”... Đạo Cao Đài còn những quy định về việc nhập môn cầu đạo, xây dựng thánh thất, tổ chức quan, hôn, tang, tế... Đạo Cao Đài chú trọng giáo dục các tín đồ về đạo đức theo tiêu chuẩn đạo đức Tam cương, Ngũ thường của Nho giáo.

Những giáo lý cơ bản của đạo Cao Đài nói chung đều được áp dụng và quy định chặt chẽ tại các cơ sở đạo Cao Đài ở Hội An. Tùy vào điều kiện cụ thể mà các cơ sở đạo phổ biến trong các tín đồ, cũng như áp dụng vào thực tế để tu tịnh và truyền đạo. Các chức sắc trong Đạo không đến từng gia đình, địa phương truyền đạo mà ai muốn theo đạo thì đến Thánh thất để nghe giáo lý, tu thiện nhằm đảm bảo sự tự do, bình đẳng của tín đồ.

Về nghi lễ, thờ tự của đạo Cao Đài ở Hội An: Ở Hội An, hàng năm các tín hữu theo đạo đều tổ chức các lễ quan trọng của Đạo như Lễ Đản sanh Đức Chí Tôn (9/1), Lễ Đản sanh Đức Phật Thích Ca (15/4), lễ vía Diêu Trì

Thánh mẫu (15/8)... Trong các ngày lễ lớn, lễ Đản sanh Đức Chí Tôn là lễ nghi lớn nhất của Đạo. Bên cạnh đó, hàng ngày tại thánh thất tổ chức 4 lễ vào các giờ Tý, Ngọ, Mão, Dậu. Hàng tháng, tổ chức 2 ngày lễ vào ngày rằm và mồng một Âm lịch.



Vào những ngày lễ lớn thì các tín đồ tụ tập về Thánh thất để làm lễ và sinh hoạt.

Tại các gia đình tín đồ, tùy theo điều kiện và ý đồ của gia chủ mà họ lập một bàn thờ để thờ tự, nơi thờ tự phải nghiêm trang và sạch sẽ, nơi thờ tự theo nguyên tắc “bất di bất dịch”. Theo quan niệm của người theo Đạo, tâm phải hướng thiện, không sát sanh, nếu sát sanh thì không nên lập bàn thờ tại gia đình. Theo họ lập bàn thờ để tự sám hối, sửa mình chứ không phải để trừ ma, cầu giàu sang, phú quý, bông lộc, địa vị... Bên cạnh đó, họ còn bố trí bàn thờ tổ tiên ông bà, cha mẹ. Hàng ngày, tín đồ theo đạo tổ chức cúng tứ thời vào 4 giờ trong ngày gồm giờ Tý (12h khuya), giờ Ngọ (12h trưa), giờ Mão (6h sáng), giờ Dậu (6h tối), mỗi ngày ít nhất cúng một thời.

Về ẩm thực: Đa số các tín đồ theo đạo Cao Đài đều ăn chay, đối với người mới theo đạo thường ăn chay khoảng 6 ngày trong tháng (gồm mồng 1, 8, 14, 15, 23, 30 Âm lịch), đối với tín đồ của Đạo thì ăn chay ít nhất là 10 ngày trong tháng (gồm mồng 1, 8, 14, 15, 18, 23, 24, 28, 29, 30 Âm lịch).

Đặc biệt, một số tín đồ và chức sắc hiện nay ăn chay trường.

Về tổ chức của đạo Cao Đài ở

Hội An: Mỗi hệ phái của đạo Cao Đài có tổ chức giáo hội riêng. Thành phần của giáo hội Cao Đài gồm chức sắc, chức việc và tín đồ. Hiện nay tổ chức hành chính của đạo Cao Đài được sắp xếp lại còn hai cấp: trung ương và cơ sở. Tương ứng với bộ máy tổ chức ấy, đạo Cao Đài có một hệ thống chức sắc bao gồm nhiều cấp bậc khác nhau với những qui định về số lượng khá cụ thể. Với cơ sở hoạt động nhỏ, hơn nữa tín đồ theo Đạo chiếm tỉ lệ ít, chức sắc có tuổi đạo không nhiều.... nên hệ thống tổ chức đạo Cao Đài ở Hội An hiện nay được tổ chức đến cấp 5⁵ từ thấp đến cao gồm: Tín đồ, Trị sự, Lễ sanh, Giáo hữu, Giáo sư. Trong đó mỗi cơ sở đạo ở Hội An thành lập các ban khác nhau để quản lý và hoạt động, đứng đầu Thánh thất là Đạo họ, phụ giúp cho Đạo họ là Ban cai quản họ Đạo, dưới Ban cai quản là Ban trị sự xã đạo, cuối cùng là Tín đồ⁶.

Có thể nói, đạo Cao Đài ở Hội An hình thành và phát triển đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng - tôn giáo của một bộ phận nhân dân Hội An. Những giáo lý của đạo Cao Đài dạy con người sống trung thực, trong sáng, biết thương yêu, đoàn kết, đùm bọc nhau, tu hành để rèn luyện đạo đức... Đồng thời, hướng con người đến sự hoàn thiện, hoàn mỹ, tu hành để tự giải khổ cho bản thân, giải thoát cho mọi người nhằm xây dựng một xã hội đại đồng, hoà bình, hạnh phúc. Hiện nay, số lượng tín đồ theo Đạo không ngừng tăng lên, đạo Cao Đài góp phần làm phong phú thêm loại hình tôn giáo ở Hội An♦

Chú thích:

¹ Đại Đạo Tam kỳ phổ độ có nghĩa là một nền đạo lớn mở ra kỳ thứ 3 để cứu giúp toàn cả chúng sanh nơi cõi trần thoát khỏi cảnh khổ luân hồi mà trở về cõi Thiêng liêng. Gọi là Đại Đạo tức là một nền Đạo lớn, bởi vì nền Đạo này có qui mô lớn, được Đức Thượng Đế khai mở và làm Giáo chủ, với tôn chỉ: Qui nguyên Tam giáo, phục nhất Ngũ chi. Gọi là Tam kỳ phổ độ bởi vì trước đây đã mở ra 2 kỳ phổ độ: Nhất kỳ phổ độ và Nhị kỳ phổ độ. Hai chữ “Cao Đài” được giải thích là một cái đài ở nơi Linh Tiêu Điện, trong Ngọc Hư Cung, ở cõi Thiêng liêng, là nơi ngự của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế mỗi khi Đại hội triều đình của Ngọc Hoàng Thượng Đế. Thời Tam kỳ phổ độ, Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế giáng cơ mở đạo, lấy đài ngự của Ngài là Cao Đài làm danh hiệu. Do đó, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế là Đấng Cao Đài, nên cũng gọi là Cao Đài Thượng Đế, và nền Đại Đạo được mở ra vào thời Tam kỳ phổ độ được gọi là Đại Đạo Tam kỳ phổ độ, cũng gọi là Cao Đài Đại Đạo, hay gọi tắt là Đạo Cao Đài.

² Tịnh thất Thanh An ở phường Tân An thuộc Hội thánh Truyền giáo Cao Đài.

³ Thờ Thiên nhân với con mắt mở, thường vẽ con mắt bên trái để thờ, bởi vì bên trái thuộc về Dương, bên phải thuộc về Âm. Cũng vì thế, khi

vào Thánh thất qui cúng Đức Chí Tôn, phái Nam qui bên trái của Đức Chí Tôn; phái Nữ qui bên phải của Đức Chí Tôn (Nam tả, Nữ hữu).

⁴ Chi thờ tại Thánh thất Hội An thuộc Hội thánh Truyền giáo Cao Đài.

⁵ Mô hình tổ chức theo 9 cấp của Trung ương gồm: Cấp 1: Tín đồ, Cấp 2: Trị sự, Cấp 3: Lễ sanh, Cấp 4: Giáo hữu, Cấp 5: Giáo sư, Cấp 6: Phối sư, Cấp 7: Đầu sư, Cấp 8: Chương pháp, Cấp 9: Giáo tông.

⁶ Ban cai quản họ Đạo thuộc Tòa thánh Tây Ninh đứng đầu là Giáo hữu, dưới Giáo hữu là Phó cai quản. Ban tứ vụ gồm lễ vụ (cúng tế), công vụ (xây dựng), lương vụ (âm thực), hộ vụ (tiền bạc). Tổ nghi lễ gồm 4 tổ ở Cẩm Phô (Hội An), Phan Thử (Điện Bàn), Bất Nhị (Điện Bàn), Bình Quý (Thăng Bình). Ban trị sự (hành chính và pháp luật) gồm 01 Chánh sự, 01 Phó chánh sự, 01 Thông sự.

Ban cai quản họ Đạo thuộc Hội thánh Truyền giáo Cao Đài đứng đầu là Lễ sanh. Ban cai quản gồm hành chính (sách vở và trật tự), phổ tế (phổ truyền chân đạo), minh trai hay còn gọi là luật sự (giữ gìn luật lệ), phước thiện (làm từ thiện), nữ phái (giáo hóa nữ đồ). Ban trị sự xã đạo gồm có Chánh trị sự, Phó chánh trị sự, Thông sự. Ban trị sự xã đạo gồm 5 cơ sở ở Thanh Quýt, Vĩnh Điện, Cẩm Châu, Trường Lệ, Cẩm Phô.

Tài liệu tham khảo:

1. Đại Đạo Tam kỳ Phổ độ, *Lịch sử Đạo Cao Đài (quyển 1)*, Khai Đạo từ khởi minh đến khai minh, NXB Tôn giáo 2005.

2. Đại Đạo Tam Kỳ Phổ độ, Hội thánh truyền giáo Cao Đài, *Kinh Tận độ*, Trung Hưng Bửu tòa, 1995.

3. Đại Đạo Tam Kỳ Phổ độ, Tòa Thánh Tây Ninh, *Giáo lý*, 1974.

4. Đại Đạo Tam Kỳ Phổ độ, Tòa Thánh Tây Ninh, *Tân luật pháp chánh truyền*, 1972.

5. Đại Đạo Tam Kỳ Phổ độ, *Thiên đạo*, Nxb Tôn giáo, 2010.

6. Phòng Nội vụ, *Báo cáo Tình hình hoạt động tôn giáo và công tác quản lý nhà nước về tôn giáo năm 2013 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2014*.

7. Tư liệu lưu trữ tại các Thánh thất Cao Đài Hội An do ông Lý Duy Hải và ông Nguyễn Văn Thời cung cấp.

VÀI NÉT VỀ KIẾN TRÚC CÁC TỊNH XÁ Ở HỘI AN

Trần Thanh Hoàng Phúc

Kiến trúc tôn giáo là một trong những nét văn hóa đặc trưng của các tôn giáo. Mỗi tôn giáo đều có những quy định, hình thức kiến trúc rất riêng, dựa vào những nét đặc trưng đó, ta có thể nhận diện được công trình kiến trúc đó thuộc về tôn giáo nào. Kiến trúc Phật giáo cũng không ngoại lệ. Hiện nay ở Hội An, các loại hình kiến trúc Phật giáo khá phong phú, đa dạng: chùa (*Bắc tông và Nam tông*), tịnh xá, Phật đường, thiền tự, có cả thiền thất. Trong đó, một số ngôi chùa có giá trị cao về mặt kiến trúc nghệ thuật và lịch sử như chùa Hải Tạng (*xã Tân Hiệp*), chùa Viên Giác (*phường Cẩm Phô*), chùa Chúc Thánh (*phường Tân An*), chùa Kim Bửu (*xã Cẩm Kim*)... Các tịnh xá ở Hội An cũng có những nét kiến trúc rất đặc thù, góp vai trò quan trọng trong sự đa dạng kiến trúc Phật giáo tại địa phương.

Tịnh xá là nơi tu tập của các chư tăng, ni thuộc hệ phái Khất sĩ. Hệ

phái do Tổ sư Minh Đăng Quang thành lập gọi là “Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam”, xuất hiện năm 1943 ở Nam bộ, đến nay rất phát triển ở khu vực miền Trung và Nam bộ. Đạo Phật Khất sĩ truyền thừa đến Hội An khoảng năm 1956⁽¹⁾, các tịnh xá đều được xây dựng sau khoảng thời gian này và liên tục được tôn tạo hoặc tháo dỡ - xây mới, do đó, sự cổ kính, trầm mặc của các tịnh xá không đậm nét như các ngôi chùa cổ ở Hội An. Có thể kể đến: “tịnh xá Ngọc Châu do Ni trưởng Huỳnh Liên xây dựng năm 1959; tịnh xá Ngọc Cẩm do Đức thầy Thích Giác Lý xây dựng năm 1962; tịnh xá Ngọc Truyền do cố hòa thượng Thích Giác Công khai sơn năm 1966, chính thức xây dựng



Tịnh xá Ngọc Hương, thôn Bãi Hương, xã Tân Hiệp

năm 1970; tịnh xá Ngọc Hương do thầy Thích Giác Nguyễn xây dựng năm 1972”⁽²⁾.

Về tên gọi tịnh xá, Tổ sư Minh Đăng Quang chủ trương danh hiệu tịnh xá đều lấy chữ Ngọc đứng đầu. Chữ Ngọc mang tính ẩn dụ, các ngôi đạo tràng Tịnh xá là nơi hoằng hóa đạo đức, lợi lạc quần sanh, nó có giá trị như là những viên ngọc quý trong Phật pháp; các đệ tử luôn tinh tấn tu học để có được phẩm chất quý như ngọc, hiển lộ được ngọc trong tâm mình. Sau chữ Ngọc là một chữ có liên hệ đến tên gọi địa phương mà tịnh xá đó tọa lạc. Tên gọi các tịnh xá ở Hội An cũng theo chủ trương này: tịnh xá Ngọc Cẩm (*thuộc phường Cẩm Phô*), tịnh xá Ngọc Châu (*thuộc phường Cẩm Châu*), tịnh xá Ngọc Hương (*thuộc thôn Bãi Hương, xã Tân Hiệp*). Như vậy, dựa vào tên gọi, ta phần nào có thể đoán định được vị trí tịnh xá đó tại địa phương. Tuy nhiên, ngày nay tên gọi tịnh xá cũng có một vài ngoại lệ. Ngoài việc đặt theo địa danh, sau chữ Ngọc có thể là một từ có ý nghĩa trong Phật pháp, hoặc không có cả chữ Ngọc trong tên gọi như ở một số địa phương khác. Chẳng hạn như tịnh xá Ngọc Truyền ở xã đảo Tân Hiệp, chữ Truyền có ý nghĩa: truyền thừa và phát huy viên ngọc báu nơi tâm mỗi người vốn có.

Nhìn chung, kiến trúc các tịnh xá ở Hội An cũng có nhiều nét tương đồng với các hình thức kiến

trúc Phật giáo khác tại địa phương. Xét trên mặt bằng tổng thể, phía trước là Tam quan, kế đến là khoảng sân vườn rộng với nhiều hoa, cây cảnh, Quan Âm các hoặc tượng Quan Âm (*đặt phía bên trái hay bên phải tùy vào khuôn viên mỗi tịnh xá*), cây bồ đề ở một góc sân; chính điện thường nằm ở trục giữa khu đất, hơi lùi về phía sau. Tùy theo quy mô, tính chất công trình mà giảng đường, trai đường, các khu phụ trợ (*bếp, vệ sinh...*) bố trí hai bên chính điện và ở phía sau. Vật liệu xây dựng, hoa văn trang trí, chi tiết trang trí đuôi mái, bờ nóc bờ chày... ta có thể nhìn thấy ở các ngôi chùa khác ở Hội An như chữ vạn, hoa sen, rồng lá... Tuy nhiên, kiến trúc tịnh xá cũng có nhiều điểm khác biệt rất dễ nhận biết.

Về hình thức kiến trúc bên ngoài: Tùy vào quy mô công trình mà chính điện có thể có 1 tầng hoặc 2 tầng, có hành lang bao bọc xung quanh hay không. Tuy nhiên, một điều bắt buộc phải tuân thủ là mái cao nhất phải là hệ mái chóp tứ giác (*4 mái dốc*), ngay bên dưới là hệ mái bát giác (*8 mái dốc*) tương ứng với phần nhà có hình bát giác. Phần mái chóp tứ giác tượng trưng cho Tứ diệu đế⁽³⁾. Phần nhà bát giác tượng trưng cho thuyền Bát Nhã⁽⁴⁾, có quan niệm khác cho rằng phần nhà này tượng trưng cho Bát chánh đạo⁽⁵⁾. Với chính điện 1 tầng như tịnh xá Ngọc Châu và Ngọc

Hương, phần nhà bát giác này rất dễ nhìn thấy. Tuy nhiên, với chính điện 2 tầng như tịnh xá Ngọc Cẩm hay Ngọc Truyền, phần nhà bát giác ở trên cao, bị che khuất ít nhiều bởi các hạng mục khác nên khó nhận biết phần nhà này.

Theo hình thức kiến trúc ban đầu, tịnh xá chỉ có khối nhà bát giác và mái chóp tứ giác bên trên, không có lầu

chuông, trông. Các tịnh xá về sau cũng được xây dựng theo hình thức này. Phía trước chính điện tịnh xá



Bệ thờ bên trong chính điện tịnh xá Ngọc Châu gồm 3 cấp, tượng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đặt trong tháp gỗ 13 tầng

Ngọc Cẩm và Ngọc Truyền có hai khối nhà nhìn như lầu chuông, trông ở các chùa Bắc tông nhưng thực ra không phải, đó chỉ là tường bao che cho cầu thang mà thôi. Do nhu cầu sử dụng, có thể xây thêm lầu chuông riêng biệt, như tịnh xá Ngọc Hương chẳng hạn; ở tịnh xá Ngọc Truyền cũng vừa mới đúc hồng chung.

Khi vào bên trong chính điện (nơi thờ Phật) ta sẽ thấy có 04 cột chính đỡ phần mái chóp tứ giác như đã đề cập bên trên (thông thường, bốn cột này nằm ở khu vực trung

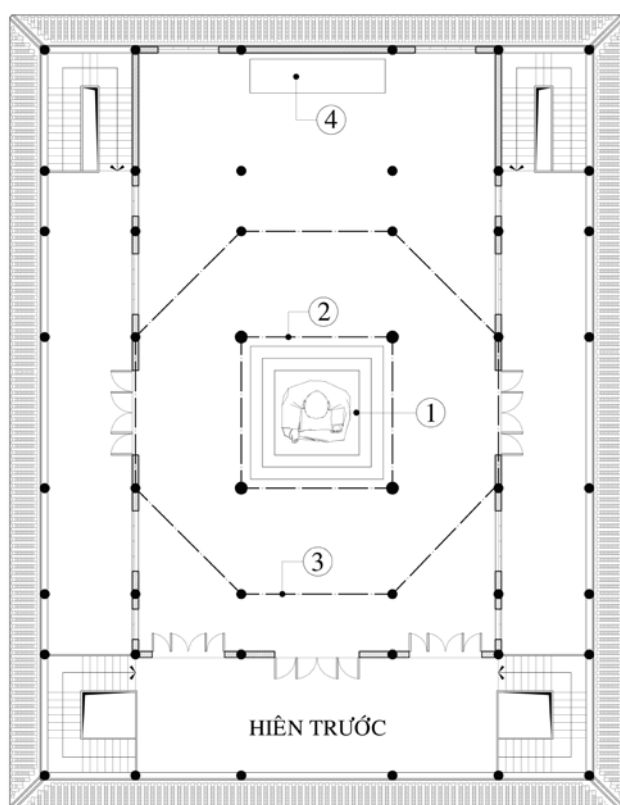
tâm mặt bằng chính điện). Bốn cột này tượng trưng cho Tứ chúng⁽⁶⁾. Với chính điện 2 tầng như tịnh xá Ngọc Cẩm và Ngọc Truyền, nơi thờ Phật đặt ở tầng 2. Bên trong chính điện chỉ thờ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni⁽⁷⁾, giống với hình thức thờ tự trong chùa Phật giáo Nam tông. Điểm khác biệt với Phật giáo Nam tông là ở cách tôn tượng. Ở tịnh xá, bàn thờ Phật được đặt ngay chính

giữa 4 cột chính. Bệ thờ được xây làm ba cấp, tượng trưng cho Giới - Định - Tuệ, nhỏ dần về bên trên. Cấp trên cùng đặt tượng thờ.

Tượng đặt trong một tháp bằng

gỗ, trên cùng tháp thường làm 13 tầng, tượng trưng cho 13 cõi (13 lớp tiến hoá)⁽⁸⁾, có thể thấy tháp này ở tịnh xá Ngọc Châu. Tuy nhiên, vì lý do nào đó mà ta không thấy tháp này ở tịnh xá Ngọc Truyền, Ngọc Hương hay Ngọc Cẩm. Phía sau khu vực thờ Phật có bàn thờ Tổ sư Minh Đăng Quang (đặt chính giữa), đức Tăng trưởng⁽⁹⁾ và các vị sư trụ trì, chư tăng/ni tu tập tại tịnh xá đã viên tịch. Ở Nam Quang tự (Phật giáo Nam tông), tượng Phật Thích Ca Mâu Ni được đặt trên bệ thờ đơn

giản, không có chia ba cấp như ở tịnh xá. Bên trong chính điện tịnh xá Ngọc Truyền còn trang trí biểu tượng “ngọn đèn chân lý” do Tổ sư Minh Đăng Quang phác họa, là hình ảnh một đóa sen vươn lên từ bùn lầy, trên hoa sen là ngọn đèn (trí tuệ) tỏa sáng khắp bốn phương tám hướng.



Mặt bằng tầng 2, chính điện tịnh xá
Ngọc Truyền, xã Tân Hiệp

1. Bộ thờ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đặt ở trung tâm chính điện.
2. 04 cột chính tượng trưng cho Tứ chúng, đỡ phần mái chóp tứ giác.
3. 08 cột đỡ phần nhà bát giác bên trên, tượng trưng cho Thuyền Bát nhã.
4. Bàn thờ tổ.

Tuy không được thờ bên trong chính điện, nhưng trước mỗi tịnh xá ở Hội An đều có Quan Âm các hoặc tôn tượng Quan Âm. Đây là hạng mục không bắt buộc phải có ở tịnh xá (có hay không cũng đều được cả). Vẫn chưa rõ vì sao lại có Quan Âm các phía trước chính điện, tuy nhiên, theo quan điểm của tôi, có lẽ đây là biểu hiện của sự “tiếp biến” văn hóa trong tôn giáo. Bởi hình ảnh Quán Thế Âm Bồ Tát đã quá đỗi quen thuộc, ăn sâu vào tâm thức của các Phật tử, nhất là ở những nơi có sự ảnh hưởng mạnh mẽ của Phật giáo Bắc tông, nên trong quá trình truyền thừa đến miền Trung (*Quảng Nam nói riêng*), hệ phái Khất sĩ cũng phải có những điều chỉnh phù hợp, xây thêm Quan Âm các phía trước là một cách để thu hút các Phật tử đến tu tập tại tịnh xá.

Ngoài ra, cũng xin nói thêm, pháp phục của hệ phái Khất Sĩ tương đồng với pháp phục của Phật giáo tiểu thừa, đối tượng thờ tự cũng tương đồng (tuy nhiên, phía trước chùa Phật giáo Nam tông không có Quan Âm các), do đó, nhiều người vẫn nhầm lẫn rằng hệ phái Khất sĩ thuộc Phật giáo tiểu thừa (*Nam tông*). Chư Tăng Khất Sĩ ăn chay hoàn toàn, khác với các Tỳ kheo Phật giáo Nam tông thì thức ăn được dùng ngũ tịnh nhục⁽¹⁰⁾. Những kinh tụng hầu như giống với Phật giáo Bắc

tông, được Việt hóa nhưng cách tụng thì có khác, nhất là ở pháp khí. Trước kia không dùng mõ, những người tụng kinh chỉ cùng nhau hòa âm, ít lên xuống giọng trầm bổng như Phật giáo Bắc tông; nay có dùng thêm mõ để tạo sự nhịp nhàng khi tụng niệm đông người.

Hiện nay, cùng với các địa phương khác, Phật giáo ở Hội An đang rất phát triển. Nhiều chùa chiền, tịnh xá... được tu bổ, tôn tạo hoặc xây mới để đáp ứng nhu cầu tu tập ngày càng cao của Phật tử. Các tịnh xá với hình thức kiến trúc đặc trưng của hệ phái Khất Sĩ góp phần quan trọng trong sự đa dạng kiến trúc Phật giáo tại Hội An, là nơi Phật tử tìm đến để tìm cầu sự thanh thoi, an lạc, là điểm chiêm bái, tham quan thú vị cho du khách gần xa♦

Chú thích:

(1), (2): Thông tin do Đại đức Thích Giác Tấn – Trụ trì tịnh xá Ngọc Truyền, xã Tân Hiệp cung cấp.

(3) Tứ diệu đế: cũng gọi là Tứ thánh đế. Bốn chân lý cao cả, là gốc cơ bản của giáo pháp đạo Phật. Bốn chân lý đó là: 1. Khổ đế, chân lý về sự Khổ; 2. Tập khổ đế, chân lý về sự phát sinh của khổ; 3. Diệt khổ đế, chân lý về diệt khổ; 4. Đạo đế, chân lý về con đường dẫn đến diệt khổ.

(4) Theo nhà nghiên cứu An Chi, Thuyền Bát nhã: là một ẩn dụ dùng để chỉ sự cứu độ chúng sanh qua khỏi sông mê bể khổ của cõi đời, ẩn dụ này bắt nguồn ở tiếng Sanskrit prajñā-pāramitā mà người Trung Hoa đã phiên âm thành *bát nhã ba la mật đa*. Prajñā (*bát nhã*) có nghĩa là trí tuệ, sự sáng suốt, còn pāramitā (*ba la mật đa*) là sự hoàn thiện, sự tuyệt hảo. Vậy prajñā-pāramitā là sự hoàn thiện trong nhận thức; hiểu theo kinh điển

Phật giáo thì đó là sự giác ngộ cao độ, cực điểm. Pāra có nghĩa là cực điểm, là giới hạn cuối cùng nhưng cũng còn có nghĩa là bờ bên kia, là phía đối diện nên bên Trung Hoa mới có người dịch pāramitā là “đảo bi ngạn” (*đến bờ bên kia*) rồi phân tích rằng pāra là “bi ngạn” còn mitā là “đảo”.

(5) Bát chánh đạo: là con đường tám nhánh giải thoát khỏi Khổ, là chân lý cuối cùng của Tứ diệu đế. Bát chánh đạo là một trong 37 Bồ-đề phần hay 37 giác chi. Bát chánh đạo bao gồm: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định.

(6) Tứ chúng: tỷ kheo, tỷ kheo ni, ưu bà tắc (*người Phật tử nam*), ưu bà di (*người Phật tử nữ*).

(7) Theo quan niệm của hệ phái Khất sĩ, hiện tại giáo chủ cảnh giới ta bà là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni hóa độ nên chỉ thờ Đức Phật Thích Ca mà thôi.

(8) 1 - Địa ngục, 2 - Ngạ quỷ, 3 - Súc sanh, 4 - A tu la, 5 - Người, 6 - Trời, 7 - Tu đà hoàn, 8 - Tư đà hàm, 9 - A na hàm, 10 - A la Hán, 11 - Bích Chi Phật, 12 - Bồ tát, 13 - Phật.

(9) Hệ phái khất sĩ có 6 giáo đoàn tăng, mỗi giáo đoàn đều có riêng đức Thầy hay đức Tăng trưởng riêng cho giáo đoàn đó.

(10) Ngũ tịnh nhục: tức được phép ăn thịt con vật mà không thấy người giết, không nghe tiếng của con vật bị giết kêu, không nghĩ người khác giết cho mình ăn, thịt con thú tự chết hay thịt con thú khác ăn còn dư.

Tài liệu tham khảo:

1. Hệ thống tự viện (tịnh xá) Hệ phái Khất sĩ Việt Nam - Vai trò của trụ trì trong việc quản lý tự viện - Website: www.chualinhbuu.com (*chú thích 8, 10 được trích từ trong bài viết này*)

2. Sức hấp dẫn của đạo Phật Khất sĩ Việt Nam - PGS.TS. Nguyễn Công Lý - 2014 - Website: nigioikhatsi.net

3. Trang facebook Tìm hiểu về đạo Phật Khất sĩ ở Việt Nam

4. <http://www.bachkhoatrithuc.vn/>Trí tuệ nhân loại/Hỏi đáp Đông - Tây

5. Từ điển Phật học - Đạo Uyển - 2001.

VÀI THÔNG TIN VỀ DI TÍCH LĂNG BÀ Ở THÔN PHƯỚC THẮNG, XÃ CẨM KIM

Võ Hồng Việt

Sùng bái tự nhiên là hình thức tín ngưỡng có vai trò quan trọng trong đời sống của cư dân nông nghiệp nói chung, cư dân Việt nói riêng. Do vậy, bên cạnh tín ngưỡng thờ Tam Phủ, Tứ Pháp, việc thờ Ngũ Hành (*Ngũ Hành Tiên Nương/ Ngũ Hành Nương*) cũng rất phổ biến trong mỗi cộng đồng làng xã, xóm ấp của người Việt. Ở Hội An, hầu như tất cả các làng xã, xóm ấp đều có xây dựng công trình kiến trúc thờ Ngũ Hành mà dân gian quen gọi là miếu Bà hay lăng Bà.

Theo triết học cổ đại, Ngũ Hành: Kim (*vàng, kim loại*), Mộc (*gỗ, cây cối*), Thủy (*nước*), Hỏa (*lửa*), Thổ (*đất*) là 5 yếu tố cơ bản của vũ trụ, có mặt trong mọi sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên. Năm yếu tố này được Đạo giáo và Nho giáo thần thánh hóa thành 5 vị thần với thần hiệu: Kim Đức Thánh Phi, Mộc Đức Thánh Phi, Thủy Đức

Thánh Phi, Hỏa Đức Thánh Phi và Thổ Đức Thánh Phi. Năm vị thần này được triều đình phong kiến sắc phong, ban tặng mỹ tự, mỹ hiệu, cho phép các địa phương thờ cúng. Vì vậy miếu Ngũ Hành được dựng lên ở các xóm ấp, trong đó có lăng Bà ở thôn Phước Thắng - xã Cẩm Kim.

Một số tư liệu và những kết quả nghiên cứu cho biết, thôn Phước Thắng, dưới thời Nguyễn gọi là ấp Phước Thắng, thuộc làng/châu Kim Bông, tổng Mỹ Khê, huyện Duy Xuyên, phủ Điện Bàn. Trong lịch sử, cư dân ấp Phước Thắng sinh sống bằng nhiều nghề khác nhau như sản xuất nông nghiệp, làm nghề thủ công, buôn ghe bầu, trồng dâu nuôi tằm...



nhờ vậy mà đời sống kinh tế tương đối khá giả, đời sống tinh thần cũng được quan tâm với nhiều công trình tín ngưỡng được đầu tư xây dựng bề thế, trang nghiêm. Theo lời kể của các vị cao niên sinh sống tại địa phương, làng Bà được nhân dân góp tiền của, công sức xây dựng nên từ rất sớm. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có tư liệu nào cho biết chính xác niên đại xây dựng của di tích. Căn cứ vào hình thể, quy mô, bố cục và hoa văn trang trí, có thể đoán định niên đại kiến trúc của di tích vào khoảng những thập niên đầu thế kỷ XX.

Trải qua thời gian, dưới tác động bởi những yếu tố bất lợi của thời tiết, chiến tranh cũng như sự tác động của con người trong quá trình sử dụng, di tích đã bị xuống cấp và được nhân dân địa phương tu bổ nhiều lần, gần nhất là vào năm 2003, 2012.

Di tích tọa lạc tại thửa đất ở khu vực phía tây thôn Phước Thắng, xã Cẩm Kim, thành phố Hội An, nguyên trước đây thuộc xứ đất Ông Vĩnh, ấp Phước Thắng, châu Kim Bồng. Phía tây và phía bắc của di tích tiếp giáp với đường bê tông liên thôn, phía nam và phía đông tiếp giáp với đất vườn của nhân dân. Di tích nằm cách làng Ông khoảng gần 100m về phía



bắc, cách bờ sông khoảng 100m về phía nam.

Di tích có mặt tiền xoay hướng bắc. Toàn bộ khuôn viên di tích được bao bọc bởi tường rào lửng cao chừng 60cm nhằm phân cách với không gian bên ngoài. Lối vào khuôn viên di tích nằm ở phía bắc, gồm hai lối đi ở hai bên bình phong. Bình phong nằm án ngữ mặt tiền của công trình chính, được xây theo kiểu cuốn thư với hai bên là trụ tròn vuron cao. Ở mặt trước bình phong trang trí đề tài “*sư tử mẹ, sư tử con*” ở chính giữa và hai bên là hai quả lựu và quả đào với hình thức đắp cẩn mảnh sứ. Sát mặt trong của bình phong là bệ thờ được chia thành ba bậc tượng trưng cho “*Tam Tài*”, trong đó bậc trên cùng có xây khám thờ với mặt tiền hướng về phía công trình chính. Một phần của khám thờ đặt trên đỉnh của bình phong. Mặt trước của khám thờ cẩn, vẽ cảnh lựu, chim hạc. Chính giữa mặt sau của khám thờ cẩn cách điệu chữ “壽”, hai bên là bình hoa,

phía trên vẽ cảnh lựu. Bệ và khám thờ là nơi thờ cúng âm linh, cô bác, đất đai trước khi tiến hành lễ cúng chính trong lăng. Toàn bộ khuôn viên di tích được lát gạch đất nung với mỗi viên gạch có kích thước 30 x 30cm. Cách bình phong một khoảng về phía công trình chính là hai trụ cờ. Bên phải công trình chính là miếu thờ nhỏ thờ Thái Giám Bạch Mã. Mái của miếu thờ này cân mảnh sứ ở bờ chảy, bờ nóc... và vẽ trang trí một số đồ án bát bửu. Công trình chính có bố cục mặt bằng gồm nếp chính điện và nếp hậu tẩm, nền lát gạch đất nung với kích thước mỗi viên gạch là 20 x 20cm, tường bao xây bằng gạch, hệ đỡ mái bằng gỗ đặt trực tiếp lên tường bao, mái lợp ngói âm dương gồm 13 vòng, bờ nóc đắp cong hình thuyền trong đó bờ nóc nếp hậu tẩm đắp tạo thành những ô học, bờ chảy đắp giắt cấp uốn lượn, đầu hồi nếp trước đắp kiểu hình cuốn thư. Trên bờ nóc của nếp trước trang trí chim phượng, bờ nóc của nếp sau trang trí đao lá. Toàn bộ bờ nóc, bờ chảy và đầu hồi đều được cân trang trí mảnh sứ nhiều màu với các đề tài từng lộc, hoa điều, nhành lựu, hoa cúc, dơi...

Mặt tiền của nếp trước được tạo theo kiểu vòm cong với trụ gạch ở hai bên đỡ mái hiên. Mặt trước của trụ gạch cân câu đối Hán tự bằng mảnh sứ màu: 顯赫英靈真神女, 昭彰德化是仙娘 (*Hiển hách anh linh chân thần nữ, Chiêu chương đức hoá thị Tiên Nương*). Hiên có diện tích nhỏ, rộng khoảng 100cm.

Ngăn cách hiên với nội thất là hệ cửa đi mặt tiền kiểu thượng song hạ bản, gồm 4 cánh. Nội thất nếp trước bố trí hai bệ thờ xây bằng gạch ở hai bên lối vào bàn thờ chính tại hậu tẩm. Tường phía sau ở khu vực hai bệ thờ này được tô vẽ trang trí bình hoa ảng quả và một số đồ án khác. Toàn bộ nội thất của nếp hậu tẩm là một bệ thờ lớn với quần bàn trang trí hình con lân. Bệ thờ giắt thành ba cấp gồm có bàn thờ chính và bàn thờ tả hữu ban. Bàn thờ chính đắp khám thờ với trán khám trang trí đề tài “*lưỡng long triều dương*”, một số đồ án, hình tượng khác và Hán tự: 五行廟 (*Ngũ Hành miếu*). Trên khám thờ có câu đối Hán tự: 三才豈佐紹千秋, 五德化生垂萬古 (*Tam tài khởi tá thiệu thiên thu, ngũ đức hoá sinh thùy vạn cổ*). Chính giữa khám thờ cân hình chim phượng và mặt nhật.

Hiện nay chưa đủ tư liệu để xác định chính xác niên đại xây dựng của di tích, song với những đồ án, đề tài trang trí theo phương pháp đắp cân mảnh sứ nhiều màu đã tạo nên giá trị độc đáo của di tích và sức hấp dẫn của nó đối với những ai đã từng đến đây.

Cùng với các di tích nhà ở, văn hoá, tín ngưỡng khác, sự tồn tại của di tích lăng Bà không những góp phần làm phong phú hơn các loại hình di tích ở xã Cẩm Kim nói riêng, Hội An nói chung mà nó còn minh chứng về sự đa dạng trong đời sống tín ngưỡng, tâm linh của cư dân địa phương♦

DI TÍCH LĂNG NGHĨA TRÚNG Ở CẨM AN

Nguyễn Cường

Phường Cẩm An là một trong 13 đơn vị hành chính cấp xã/phường của thành phố Hội An, nằm về phía Đông, cách trung tâm Thành phố khoảng 4km. Địa phương này có đặc điểm địa lý đặc trưng là vùng ven biển. Trong thời kỳ phong kiến, địa giới hành chính của Cẩm An bao gồm phường Cẩm An, Cửa Đại và xã Tân Hiệp (ngày nay), nơi có Đại Chiêm Hải khẩu giữ vai trò quan trọng trong tiến trình phát triển của đô thị thương cảng Hội An sầm uất bậc nhất một thời của xứ Đàng Trong. Đến trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, địa bàn Cẩm An thuộc tổng Thanh Châu, huyện Hòa Vang, phủ Điện Bàn và một phần (*áp Còn Động là khối Tân Thành ngày nay*) thuộc xã Thanh Hà, tổng Phú Triêm hạ, huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn.

Cũng như nhiều địa phương khác ở Hội An, trong quá trình định cư lập nghiệp, các bậc tiền nhân ở Cẩm An đã xây dựng nên nhiều công trình văn hóa tín ngưỡng cộng đồng phục vụ cho đời sống tinh thần mà cho đến nay với những lăng Thành hoàng, lăng Bà, lăng Ông,... ở phường Cẩm An là những chứng tích vẫn còn lưu lại qua thời gian. Trong đó có một công trình văn hóa tín ngưỡng cộng đồng mặc dù mới được tái lập khang trang hơn 10 năm nay nhưng lại có cội nguồn lâu đời. Đó là Lăng Nghĩa Trùng.

Nguyên trước đây ở Cẩm An có một ngôi lăng được nhân dân địa phương xây dựng có tên gọi là lăng Ba Sở (*vị trí xây dựng hiện nay thuộc khu vực khách sạn Victoria của khối Phước Tân, phường Cửa Đại*). Qua thông tin ghi lại trên tấm bia đá từng được dựng ở lăng cho biết niên đại xây dựng của lăng này muộn nhất vào thế kỷ XIX (*bia đá ghi niên đại là vào năm Tự Đức nhị thập thất niên, tức năm 1874, tấm bia đá này đang được lưu giữ ở lăng Nghĩa Trùng*). Nhân dân lập nên lăng này để thờ các bậc tiền nhân, những chiến sĩ trận vong, người tử nạn không có người thân tích, người mất bị xiêu mò lạc nham. Ngoài lăng thờ còn có khu đất rộng chôn cất hàng trăm ngôi mộ. Đến năm 1983, do sóng to gió lớn đã làm sụt lở bãi biển, dẫn đến sụp đổ ngôi lăng, đồng thời kéo theo nhiều nấm mộ xuống biển. Nhân dân địa phương đã di dời được gần 400 hài cốt và tấm bia đá lên chôn cất tại khu đất khác (*nay thuộc khách sạn Palm Garden*). Sau đó các mộ này tiếp tục được nhân dân quy tập xuống khu đất phía dưới (*sau lăng Nghĩa Trùng hiện nay*). Năm 2003, lăng Nghĩa Trùng được xây dựng từ nguồn kinh phí xã hội hóa để có nơi hương khói các vong linh và để tiếp nối truyền thống tốt đẹp của nhân dân địa phương qua việc tạo lập lăng Ba Sở trước đó. Khoảng 01 năm sau, nhân

dân hỏa táng hài cốt từng mộ vào lọ thủy tinh đưa vào trong lăng để bảo quản, thờ tự cho đến nay.

Di tích có mặt tiền xoay về hướng Nam, xung quanh là nổng cát rộng. Khuôn viên di tích rộng 425m² đã được xây tường rào bao bọc. Từ hướng mặt tiền, vào di tích qua cổng tam quan được xây dựng tương đối cầu kỳ. Trên các lối vào có mái che, đuôi mái gắn hình đao lá, riêng nóc mái lối giữa gắn con giống đề tài “*Lưỡng long triều dương*”.

Lối vào hai bên làm giống nhau và có kích thước nhỏ hơn lối giữa. Phía dưới mái của lối vào giữa gắn bằng bê tông đắp nổi chữ

quốc ngữ: “LĂNG NGHĨA TRƯNG CẨM AN - CỬA ĐẠI”, mặt ngoài hai trụ có cặp câu đối chữ quốc ngữ: “Cửa Đại ngàn năm ghi tích cũ/Cẩm An vạn thuở nhớ người xưa”.

Qua cổng tam quan 1,5m là nhà bia, bên trong đặt tấm bia đá có dạng hình chữ nhật, vát hai góc trên (kích thước bia: 133 x 100 x 12cm, xung quanh có viền bia rộng 10cm). Trên mặt bia khắc 03 dòng Hán tự. Hàng ở giữa ghi 4 chữ lớn: 大福義冢 (phiên âm: Đại Phước Nghĩa Trùng); hai bên khắc các dòng chữ nhỏ: bên phải: 嗣德二十七年十一月吉旦 (phiên

âm: Tự Đức nhị thập thất niên thập nhất nguyệt cát đán), bên trái: 本汛本社全誌石 (phiên âm: Bản tấn bản xã đồng chí thạch).

Từ nhà bia qua khoảng sân lát xi măng kẻ roan rộng 7,5m là đền công trình chính. Công trình chính có tiền đường và hậu tẩm. Tiền đường có diện tích hơn 21m² làm theo kiểu tam gian nhị hạ. Xung quanh xây tường bao, mái lợp ngói âm dương. Bờ nóc trang trí đề tài “*Lưỡng long triều dương*”,

cuối bờ chảy trang trí con phượng. Có 3 lối vào tiền đường bố trí tương ứng ở mỗi gian, không có cửa. Lối vào làm theo kiểu



cuốn vòm, kích thước lối vào hai bên bằng nhau và nhỏ hơn lối vào ở giữa. Hai tường Đông, Tây bố trí 2 lối đi giống nhau cũng kiểu cuốn vòm.

Sát tường sau hai gian bên bố trí 2 bàn thờ. Ở bàn thờ bên phải, quần bàn vẽ hình con Phượng, trên tường đề Hán tự 陰靈 (phiên âm: Âm linh) màu đen trên nền màu đỏ, hai bên vẽ mâm ngũ quả và lọ hoa, phía trên vẽ 3 bức tranh đề tài phong cảnh. Ở bàn thờ bên trái cũng được trang trí tương tự nhưng Hán tự đề chữ 前往 (phiên âm: Tiên vãng).

Gian giữa thông với hậu tẩm. Hậu tẩm có diện tích hơn 9,8m². Mái lợp ngói xi măng loại 22v/m². Bờ nóc trang trí đề tài “*Lưỡng long triều dương*”, cuối bờ chày trang trí đao lá. Hai bên lồi vào hậu tẩm đề cặp câu đối Hán tự: 懷感千秋皆有脫/幽魂萬代得歸來 (phiên âm: Hoài cảm thiên thu giai hữu thoát/U hồn vạn đại đắc quy lai). Trong hậu tẩm lập bàn thờ xây. Quần bàn vẽ đề tài “*Long Ngư hí thủy*”. Trên tường sau vẽ khám thờ với trán khám hình cuốn thư, ở giữa hình mặt trời, hai bên vẽ tứ linh đối xứng rất sinh động. Trong khám thờ ghi Hán tự lớn: 敬誠 (phiên âm: Kính thành), phía trên ghi dòng Hán tự nhỏ: 大福義冢 (phiên âm: Đại phước nghĩa trủng), hai bên ghi cặp câu đối Hán tự: 英灵千古秀/顯赫萬年春 (Phiên âm; Anh linh thiên cổ tú/Hiển hách vạn niên xuân). Phần sau hậu tẩm có xây ngăn đặt gần 400 lọ thủy tinh đựng hài cốt đã được hỏa táng.

Ngoài ra, trong khuôn viên lăng Nghĩa Trùng còn có 01 ngôi mộ hợp chắt nằm về phía Đông so với công trình chính. Mộ xoay mặt về hướng Tây Nam có diện tích khoảng 46,5m² bao gồm tường thành hình chữ nhật bao bọc xung quanh; bên trong có khuynh tròn, bia đá và năm mộ đắp hình hột xoài. Ngôi mộ này tồn tại trước khi xây dựng lăng. Mặt bia mộ đã bị hư hại khoảng 1/2 (*phần trên*), chỉ còn lại một số chữ Hán, qua đó chỉ có thể cho biết lai lịch chủ nhân ngôi mộ là một người họ Lê, tên hiệu Tiên Đức. Do không có thân tích nên ngôi mộ

cũng được nhân dân địa phương chăm nom hương khói thường xuyên.

Theo lệ hàng năm vào ngày Thanh Minh, nhân dân các khối Tân Mỹ, Tân Thành, Tân Thịnh của phường Cẩm An và Phước Tân, Phước Trạch, Phước Hải, Phước Hòa, Phước Thịnh của phường Cửa Đại chung tay tổ chức cúng tế linh đình cầu cho các vong hồn được siêu thoát, cầu an cho xóm làng quanh năm yên bình, no ấm. Lễ cúng thường diễn ra trong hai ngày. Trước ngày lễ chính có thực hiện nghi thức nghinh thần tại vị trí lăng Ba Sở trước đây và một số nơi khác như lăng Bà (*lăng Ngũ Hành*) ở khối Phước Tân,... Bên cạnh nghi thức cúng tế truyền thống trong ngày lễ chính, sau lễ còn có hoạt động hát tuồng tại lăng để phục vụ nhân dân địa phương trong dịp này.

Có thể nói thông qua di tích này đã cho thấy các thế hệ người dân địa phương luôn mang trong mình tâm niệm về đạo lý *uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây*, đồng thời thể hiện truyền thống nhân văn đã được định hình trong quá trình cộng cư, sinh tồn của cư dân địa phương trên vùng đất này. Trên một phương diện nào đó, việc từng tồn tại lăng Ba Sở cho phép chúng ta hình dung bãi biển Hội An trước đây được mở rộng hơn so với hiện nay. Ngoài ra, di tích còn cung cấp sử liệu quan trọng, đó là tấm bia đá được lập vào năm Tự Đức thứ 27 cho biết tại khu vực cửa sông, ven biển Hội An từng tồn tại một Tấn tại Cửa biển mang tính chất là tổ chức phòng thủ địa phương được nhà Nguyễn lập nên để canh phòng, bảo vệ khu vực trọng yếu này♦

MỘT SỐ NGÀNH NGHỀ ĐẶC TRƯNG CỦA XÃ ĐẢO TÂN HIỆP - VẤN ĐỀ BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY

Trương Hoàng Vinh

Trong chương trình điều tra khảo sát, đánh giá, đề xuất phương án bảo tồn, phát huy di sản văn hóa phi vật thể Cù Lao Chàm thực hiện theo đề án 69 của UBND thành phố Hội An về *Phát triển du lịch xã đảo Tân Hiệp từ nay đến năm 2015, định hướng đến năm 2020*, chúng tôi xin giới thiệu sơ lược thực trạng một số ngành nghề đặc trưng ở Cù Lao Chàm cùng một số suy nghĩ bước đầu về đề xuất phát huy di sản.

I. Nghề trồng lúa:

Sách Đại Nam Nhất thống chí vào đầu thế kỷ XX, trong chương viết về Quảng Nam, chép rằng: “... *ngát ngưỡng giữa biển gọi là đảo Ngoạ Long... tên cổ là Chiêm Bất Lao...; dân phường Tân Hợp ở phía nam núi; ruộng trên núi có thể cày cấy; thuyền bè nước ta thường trông núi này làm chướng đi về đều đỗ ở đây để lấy củi, nước...*”³.

Nghề trồng lúa ở Cù Lao Chàm có đặc trưng hơn so các địa phương trong đất liền. Điểm thứ nhất: Do ở vùng đảo nên diện tích thửa đất trồng

lúa không lớn. Người dân tận dụng đất sườn núi làm ruộng bậc thang như ở các khu ruộng Bãi Ông, ruộng Ông Thơ... Đặc điểm thứ hai là hệ thống thủy lợi phụ thuộc chính vào nguồn nước dẫn từ các suối, khe bắt nguồn từ núi, do vậy việc canh tác phụ thuộc nhiều vào tự nhiên. Hiện vẫn còn thủy hệ nông nghiệp do người Champa xây dựng ở ruộng Am – Xóm Cấm. Theo hồi cố của những người làm nông: Cách đây khoảng trên 20 năm, ở Cù Lao Chàm có 15 khu ruộng phân bố cả 4 thôn, riêng ở Xóm Cấm và Bãi Ông là khá nhiều. Hiện nay, theo thống kê của UBND xã Tân Hiệp, ở Cù Lao Chàm có 4,49ha trồng lúa. Thực trạng của nghề trồng lúa ở Cù Lao Chàm đang gặp khó khăn lớn. Trước tiên là trong 12 năm gần đây, diện tích trồng lúa giảm 9ha. Nguyên nhân là: Một số đất nông nghiệp đã được sử dụng làm đất công trình công cộng, đất ở; Tuy 10 năm gần đây có trồng lúa hai vụ nhưng năng suất không ổn định do thiếu nguồn nước tưới bởi nước các khe suối khô dần (nhân dân gọi là nước chảy ngầm); Chuột, khỉ cũng phát triển và phá hoại nhiều diện tích lúa trong những năm gần đây; Hiện nay, ở Cù Lao Chàm chỉ còn 5 người

³ Quốc sử quán triều Nguyễn (1996), *Đại Nam Nhất thống chí*, tập 2, Nxb Thuận Hóa, tr 358-359.

trồng lúa (trước đây 10 năm là có 30 người, số liệu điều tra thực tế), diện tích canh tác lúa thực tế chỉ có 14 sào - khoảng 0,7ha và chỉ còn 1 con trâu cày; Dịch vụ du lịch ở Cù Lao Chàm phát triển, đã, đang, sẽ thu hút dần nhân công trong nghề trồng lúa. Để hạn chế nguy cơ mai một của một di sản văn hóa đặc trưng, tạo thêm sản phẩm du lịch, chúng tôi bước đầu đề xuất: Tại Ruộng bậc thang Bãi Ông, Ruộng Chùa Bãi Làng cần duy trì canh tác theo hình thức nông dân kết hợp với doanh nghiệp du lịch đầu tư để tạo nên hình ảnh ruộng bậc thang đặc trưng của Cù Lao Chàm. Đưa du khách đến tham quan, tham gia trồng lúa, chụp ảnh cùng nông dân.

2. Nghề đan võng ngô đồng:

Cây ngô đồng hay còn gọi là *cây Bo rừng, Trôm đơn*, tên khoa học là *Sterculia foetida* L. Ở Cù Lao Chàm, cây ngô đồng sống phổ biến tại bìa rừng, dọc bờ biển, trên triền núi, trong rừng sâu. Hàng năm, ra lá vào tháng 5, 6; rụng lá, cho hoa, quả vào tháng 8, 9, 10, quả rụng xuống đất có thể tự sinh trưởng và sau 3 năm sau thì có thể khai thác làm võng.

Cách đây 40, 50 năm trở về trước, nhiều phụ nữ hiểu được tính chất của sợi ngô đồng nên đã sử dụng để đan võng, truyền cách đan võng cho nhau để tự sử dụng. Từ năm 2007 - 2009 trở lại đây, nhiều người đan võng đã chủ động đan võng để bán cho khách du lịch. Đến đây, hoạt động đan võng trở thành một nghề, võng ngô đồng trở thành sản phẩm hàng hoá. Hiện nay, số

người đan võng có 8 người, chỉ có một người dưới 60 tuổi, còn lại đã trên 70 tuổi⁴. Hỗ trợ cho người đan võng có một số người chuyên đốn cây ngô đồng là ông Kéo, bà Dày ở Bãi Hương, ông Sinh ở Bãi Làng...

Quy trình làm võng khá phức tạp, người ta đốn thân cây ngô đồng suông thẳng, to bằng cổ tay của người lớn. Đan một cái võng, cần 30 - 40 thân cây dài khoảng 1 - 2m. Trung bình, mỗi năm, những người đan võng cần ít nhất 690 cây ngô đồng. Sau đó đập cây - cho vỏ nứt ra, tước lấy vỏ, bỏ thân rồi ngâm vỏ ở các khe, suối như Khe Ruộng Chùa, Khe Ông Thơ... từ 10 - 15 ngày cho mềm ra. Sau đó chao nước cho trôi lớp mù, bùn, dùng dao lờ kịt tước thành từng mảng, giặt để sợi được trắng tinh, mất đi mùi hôi, phơi một ngày nắng tốt để chống ẩm. Từ lúc đốn cây ngô đồng đến đan xong một cái võng khoảng 30 ngày. Vỏ cây ngô đồng cho ra sợi nhỏ, mềm, thẳng, màu vàng ánh, có tính chịu lực rất tốt. Công đoạn chính rất phức tạp, đòi hỏi sự tỉ mỉ, sáng tạo của nghề này là đan võng⁵. Võng ngô đồng có màu vàng ngà trắng rất đẹp, độ bền trên 10 năm,

⁴ Gồm các bà: Nguyễn Thị Môn - 92 tuổi, Trần Thị Thê, Trần Thị Chút (*Thôn Cấm*); Lê Thị Kê - 87 tuổi, Nguyễn Thị Theo - 75 tuổi, Nguyễn Thị Quỳ - 73 tuổi, Ngô Thị Lê, Nguyễn Thị Bợ (*Bãi Làng*).

⁵ Võng được đan theo các công đoạn chính và các phần chính của võng như sau: **Tê đầu** (*chỗ treo võng*) - **ra chum** (*các sợi dây chính ở hai đầu võng*) - **đan mặt** (*các điểm giao của hình thoi trong võng*) - **giếng** (*một ô hình thoi của võng*) kết hợp **đan bìa** - **tê đuôi** (*chỗ treo võng*). Võng ngô đồng có võng các loại 4, 5, 6, độ dài từ 2m - 2,5m.



là ngô đồng cũng cần quan tâm vì đây là lại cây thân gỗ, mỗi năm nghề này cần số lượng khá lớn cây ngô đồng (690 cây) lại khai thác ở Rừng đặc dụng Cù Lao Chàm.

Qua những kết quả tìm hiểu ban đầu, chúng tôi nhận thấy: Vồng ngô đồng Cù Lao Chàm là

có thể giặt được, không bị ẩm mốc. Đặc biệt, nằm vồng ngô đồng mát, mềm, có tác dụng hút phong thấp... Đây là loại vồng riêng có ở Cù Lao Chàm. Khả năng cung ứng vồng trung bình của mỗi người đan vồng là 6 cái/năm, giá trị khoảng 12 triệu đồng/năm/người. Đây là nguồn thu nhập cao đối với những phụ nữ cao tuổi.

Trước năm 2009, vồng ngô đồng được làm để dùng hoặc bán cho người thân ở Cù Lao Chàm, Hội An, Duy Xuyên... đặt hàng. Từ năm 2009 đến nay, vồng được làm ra để bán cho khách du lịch từ Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng đến Cù Lao Chàm hoặc bán theo đơn đặt hàng từ một số nơi như thành phố Hồ Chí Minh. Giá bán năm 2013 là từ 2 triệu đến 2,5 triệu một cái vồng tư. Năm 2013, vồng ngô đồng được bán ra (thống kê từ 4 người đan vồng) là 12 chiếc. Trong khi đó, vồng công nghiệp có giá từ 100 - 500 ngàn đồng/cái với nhiều màu sắc, chất liệu để chọn lựa. Nguồn nguyên liệu

sản phẩm thủ công tinh xảo, qui trình chế biến phức tạp, mang nhiều giá trị tri thức dân gian. Tuy nhiên, để nghề này được phát triển bền vững, cần có một nguồn nguyên liệu tự chủ và chủ động hơn nữa trong tiêu thụ lượng vồng. Công tác quảng bá cũng cần được quan tâm như gắn biển hiệu, trưng bày ảnh, lời giới thiệu về nghề bằng song ngữ để du khách hiểu rõ hơn. Trên một số website giới thiệu du lịch Cù Lao Chàm và Hội An cũng cần giới thiệu kỹ về giá trị của nghề. Ngoài ra cần đào tạo, truyền nghề thêm cho một số phụ nữ có độ tuổi trung niên để làm đội ngũ kế cận. Đồng thời hỗ trợ tạo thêm mẫu mới để đan các vật dụng bằng ngô đồng như túi xách, hộp đựng ly, tách trà... nhằm đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng khả năng tiêu thụ.

3. Nghề hái lá Lao:

Theo hồi cổ của cụ Nguyễn Từ, muộn nhất là từ cách đây hai trăm năm, người dân Cù Lao Chàm đã biết tận dụng nhiều cây rừng trên

đào có dược tính cao để sử dụng làm thuốc chữa bệnh và nấu nước lá Lao để uống hàng ngày. Qua đó, giúp họ trải qua bệnh tật thông thường trong hoàn cảnh địa lý cách xa đất liền, thiếu hụt những thuốc chữa bệnh. Không chỉ vậy, cây lá Lao còn trở thành một loại sản phẩm được người dân Hội An, Đà Nẵng ưa dùng để nấu nước uống vào dịp Tết Đoan Ngọ. Đến khoảng năm 2000 trở lại đây, đã trở thành một nghề thực thụ, vì người ta thu hái chủ động, bán rộng rãi.

Theo khảo sát của chúng tôi, có ít nhất 84 loại cây, 4 loại động vật⁶ được 24⁷ người ở khắp 4 thôn của xã chuyên hái/đốn, bắt làm cây thuốc Nam. Việc khai thác cây lá Lao tập trung vào mùa khô (tháng 2 - 8). Yêu cầu và cũng là giá trị văn hóa đặc trưng của hoạt động này là tri thức nhận biết, phân loại các cây, nắm địa bàn phân bố, dược tính, công dụng, cách sơ chế đối với những loại cây lá Lao ở Cù Lao Chàm.

Mỗi ngày, người ta hái lá Lao hai lần, từ 7h - 9h, 14h - 16h. Người thu hái vác rựa, bao đến rừng Am, Rẫy Ông Thờ, Suối Tình... Họ nhìn, tìm các loại cây, lá rồi đốn lá, cành hoặc đào rễ, hái

quả (mỗi loại sử dụng mỗi bộ phận khác nhau). Lá, thân, quả, rễ được mang về băm thành đoạn từ 8 → 10cm, phơi khô (lá phơi 3 ngày nắng, thân hoặc rễ phơi lâu hơn) → góp lá (phơi đủ số lượng loại rồi góp chung, trộn đều) → bỏ vào bao → bảo quản nơi khô ráo và bán.

Trong số các loại lá Lao có 10 - 20 loại cây được sử dụng làm nước uống. Có hai cách nấu nước uống, một là bỏ lá Lao vào ấm, đổ nước, nấu sôi để uống hoặc nấu chế như trà để uống. Nước lá lao pha uống trong một, hai ngày mà không bị ôi thiu. Một số loại cây, lá khác dùng để chữa bệnh thông thường hoặc để uống khi sinh nở, làm đẹp...

Hiện nay, nhu cầu sử dụng lá Lao tương đối lớn, có người đã đốn khoảng 5 - 10 tấn lá, thân cây thuốc



Nam tươi vào năm 2013. Như vậy, với 24 người làm nghề, đã khai thác 200 – 240 tấn lá, cây tươi /năm. Việc thu hái lá Lao mang lại thu nhập cao, mỗi người thu nhập khoảng

⁶ Tắc kè, kỳ đà, rắn hổ mang, trăn, bìm bịp, mật ong

⁷ Số liệu của Viện Dược liệu thuộc Bộ Y tế năm 2005, ở Cù Lao Chàm có 07 người chuyên đốn lá Lao.

150.000đ → 200.000đ/ngày. Trong tương lai gần, nhu cầu sử dụng cây thuốc nam tiếp tục tăng do đối tượng tiêu thụ được mở rộng. Lá Lao được thương lái thu gom bán cho các tiệm thuốc Bắc, các cơ sở tín ngưỡng ở Hội An, Quảng Nam - Đà Nẵng, du khách đến Cù Lao Chàm. Một lượng lớn được đem đến các thành phố lớn như Sài Gòn, Hà Nội, Huế, ... để tiêu thụ.

Nhu cầu tiêu thụ của khách ngày càng tăng cao, lượng thu hái cây thuốc nam, lá lao là rất lớn. Các loại cây lá Lao phân bố ở nhiều dạng địa hình khác nhau của rừng đặc dụng Cù Lao Chàm, trong đó, có một số cây là cây thân gỗ thuộc nhiều nhóm khác nhau. Các loại lá Lao được bán chưa có nhãn hiệu, bao bì, thông tin sản phẩm (*thành phần, dược tính, công dụng, cách sử dụng, thời gian sử dụng...*) đầy đủ.

Vì vậy, để đảm bảo việc thu hái cây thuốc Nam ít tác hại đến việc bảo tồn rừng đặc dụng thì cơ quan chuyên môn cần có sự công bố danh mục cây được, không được khai thác, thời điểm khai thác một cách phổ biến⁸. Một điều quan trọng là các cơ quan chức năng cần tư vấn cho người dân về dược tính, công dụng, liều lượng, thời hạn sử dụng để hướng dẫn cho người mua bằng miệng, bằng thông tin in ấn trong bao bì.

4. Nghề hái rau rừng:

⁸ Vì trong danh mục các cây lá Lao ở Cù Lao Chàm có một cây thuộc cây thân gỗ, cây khó tái sinh.

Ông Lê Học - một người hái rau rừng chuyên nghiệp cho biết: Cách đây 50 năm trở về trước, hái rau rừng là hoạt động tự cấp, tự túc. Từ sự phong phú của các loại cây rừng, nhiều người do kinh nghiệm đã nhận biết được có loại cây rừng có thể ăn được và truyền bày cho nhau tri thức nhận biết để hái khi cần dùng, nhất là vào những ngày mưa, bão, mất mùa nông nghiệp... 15 năm trở lại đây, rau rừng trở thành sản phẩm hàng hóa phổ biến với du khách ở Cù Lao Chàm do một nhóm 8 người chuyên hái rau rừng⁹. Trong những người này, có người vừa hái rau rừng vừa đốn lá Lao, đan võng ngô đồng.

Theo khảo sát của chúng tôi từ 4 người hái rau rừng cho thấy rau rừng ở Cù Lao Chàm gồm 37 loại¹⁰ thuộc các nhóm cây thân thảo, dây leo, cây bụi, cây thân gỗ, phân bố ở chân núi, bìa rừng, rừng Cù Lao Chàm. Trong đó, có những loại rau thông thường ở đất liền đã, đang sử dụng như: dớn, me đất, mặt trăng... Chỉ vài loại mà ở



⁹ Vợ chồng ông Lê Học, Bà Siêng, Bà Lý, Bà Nhiều (*Xóm Cấm*), Bà Lê, Bà Chút (*ở Bãi Làng*)

¹⁰ Theo thống kê của Phạm Thị Kim Thoa – Đại học Đà Nẵng, tháng 4/2014 thì có 43 loại

Cù Lao Chàm có mà ở đồng bằng ít phổ biến như lá đồ ngon, lá sân, sừng... Các loại lá cây này có quanh năm nhưng nảy nở nhiều vào mùa có mưa. Những người hái rau rừng thường hái rau ở Rừng Am, Rẫy ông Thơ, triền núi Bãi Bắc, Bãi Ông, Bãi Hương, triền núi ven đường quốc phòng... Họ thường hái rau một ngày hai lần, buổi sáng đi từ 8h - 10h, buổi chiều 14h - 16h, hái được 10 - 15 loại rau, được khoảng 2 - 4 giỏ đi chợ. Sau đó, rau được phân ra, trộn đều vào mỗi rổ với 10 - 20 loại rau khác nhau. Rau được rửa nước sạch, rồi được phủ vải ướt lên trên mặt (*giữ ẩm cho tươi rau*). Người hái rau bán rau cho du khách, hàng xóm đến mua tại nhà, hay sáng hôm sau mang ra chợ Bãi Làng bán hoặc cung cấp cho các nhà hàng ở Bãi Ông, Bãi Chông, Bãi Làng đã trước. Thu nhập của người hái rau rừng là tương đối cao so với mặt bằng thu nhập chung ở nông thôn, từ 100 -200 ngàn/ngày vào mùa có khách du lịch (*từ tháng 2 đến tháng 9 dương lịch*).

Rau rừng được sử dụng bằng ba cách: ăn sống chấm với mắm (*với mắm cái là ngon nhất*) hoặc nấu canh và phổ biến nhất là luộc ăn với mắm cái. Rau rừng luộc đã trở thành một thương hiệu ẩm thực riêng có của Cù Lao Chàm, ngày càng được du khách ưa thích bởi sự đa dạng trong mùi vị: thơm - nồng, chua, ngọt, đắng, giòn, mềm, dai của rau kết hợp với vị mặn, ngọt cay của mắm cái đã pha trộn. Đặc biệt, có

một số loại rau có dược tính tốt như rau me - thanh nhiệt, rau mặt trời - tăng lực, kích thích thần kinh, rau đậu -giải nhiệt, đột choại - có vitamin E, rau chun vịt - chống ung thư...

Hiện nay, rau rừng được sử dụng phổ biến tại các nhà hàng ở Cù Lao Chàm, tạo nên một trải nghiệm ẩm thực lý thú cho du khách. Tuy nhiên, những người hái rau rừng cũng đang gặp một số khó khăn: Rau rừng là loại rau tươi, việc tích trữ lâu dài để bán là không thể. Các cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương cần có sự khuyến khích người dân trồng một số loại rau tại vườn nhà như: rau me đất, bát bát, bồ đường... để chủ động nguồn rau trong mùa khô.

Hiện nay, do có lúc nhu cầu du khách lên cao lại gặp vào mùa khô nên thiếu rau, một vài người đã sử dụng các loại rau phổ biến như mã đề, dền cơm, rau má... để bán. Điều này giảm tính đặc trưng của rau rừng Cù Lao Chàm, vì vậy cần hạn chế. Có thể kết hợp nghề này với du lịch khám phá rừng ở dạng homestay.

Để giảm sự tập trung khai thác ở Bãi Ông, Bãi Làng, cần khuyến khích nhân dân mở rộng khai thác ở Bãi Bắc, Bãi Chông. Nhằm hạn chế sự suy thoái của cây rừng do tập trung khai thác quá nhiều, cần vận động nhân dân chọn luân phiên địa bàn để khai thác♦

NGHỀ MÀNH Ở CÙ LAO CHÀM - HỘI AN

Trần Thị Lệ Xuân

*“Ứng anh nghề biển là quê
Lên ga nổ máy chán hê bạc tiền”*

*“Em ơi hãy lấy nhà mành
Lên ga xuống lái chán hê bạc tiền”*

Đây là những câu đối đáp nói về sự giàu có của những hộ làm nghề mành ở Cù Lao Chàm trước đây.

Theo những hộ làm nghề mành hiện nay cho biết, nghề mành đã có từ lâu ở Cù Lao Chàm nhưng không biết chính xác thời gian ra đời của nghề mành. Có ý kiến cho rằng, truyền thống của nghề mành là của ngư dân Kim Bồng, xã Cẩm Kim, sau này Cù Lao Chàm mới phát triển nghề này. Hiện ở Hòn Dài còn một lăng thờ do dân Kim Bồng làm nghề mành ở vùng biển Cù Lao Chàm xây dựng để thờ.

Đa số quê gốc của những hộ làm mành hiện nay ở Cù Lao Chàm là từ trong đất liền, cha mẹ của họ đã ra Cù Lao Chàm sinh sống vào khoảng từ năm 1960. Theo ông Trần Nền (*sinh năm 1951*) - người lớn tuổi nhất hiện còn làm nghề mành ở Cù Lao Chàm cho biết, ông quê gốc ở Duy Hải - Duy Xuyên, ông theo cha mẹ ra Cù Lao Chàm năm 1965, từ trong quê, cha ông đã làm nghề

mành, nghề lưới sưa và khi ra Cù Lao Chàm sinh sống thì gia đình ông vẫn làm 2 nghề này. Thời điểm đó ở Cù Lao Chàm có khoảng 32 hộ làm nghề mành và có 5 - 6 ghe mành. Đến khoảng năm 1980 nghề mành phát triển mạnh nhất, có gần 30 ghe mành hoạt động.

Trước tiên, ở Cù Lao Chàm làm nghề mành gai (*lưới làm bằng cây gai - chắp bả quay tơ thành giàn lưới mành*), sau đó chuyển qua mành chà (*mành chót*), rồi đến mành đèn (*đèn măng xông*). Đến khoảng năm 1978, mành điện (*dùng tiếp điện*) xuất hiện. Mành điện có nhiều loại mành điện, tên gọi liên quan tới từng loại cá đánh bắt, như mành côm (*đánh cá côm*), mành mực (*đánh mực*), mành bò (*đánh cá bò*). Nghề mành có phân biệt mành đôi và mành chiếc phụ thuộc vào số lượng ghe cùng hoạt động, mành đôi là có hai chiếc ghe mành cùng hoạt động, mành chiếc là có một chiếc ghe mành. Từ khi mành điện xuất hiện, nghề mành ở Cù Lao Chàm đánh bắt rất có hiệu quả, tuy nhiên khoảng 10 năm sau sản lượng đánh bắt của nghề mành ít lại và đến khoảng năm 1999, mành đôi không còn hoạt động nữa và chỉ còn mành chiếc, cho đến hiện nay ở Cù Lao Chàm chỉ còn khoảng 3 - 4 ghe

mành chiếc còn hoạt động, tuy nhiên mức độ hoạt động không còn thường xuyên.

Quy trình hoạt động của nghề mành trải qua nhiều công việc tương đối vất vả, người làm nghề phải có kinh nghiệm, có sức khỏe. Đối với mành đôi và mành chiếc có sự khác nhau trong quy trình thực hiện, mành đôi vì có 02 ghe cùng hoạt động nên cần khoảng 12 người làm, còn mành chiếc chỉ cần 6 - 7 người làm.

Đối với mành chiếc, thời gian hoạt động từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau. Bắt đầu từ tháng 10, ngư dân làm nghề lo sửa soạn điện đài, lưới mành, ghe mành... Quy trình hoạt động của mành chiếc là chạy ghe ra địa điểm đánh bắt → neo ghe → thả bè điện xuống nước và nổ điện cho sáng → để khoảng 3 giờ đồng hồ → thả nghề (*thả giàn mành*) → đưa điện vào giàn mành → kéo mành lên → lấy vớt xúc cá. Sau đó, hoạt động này lặp lại ở một vị trí khác (*cách 100m - 200m*) hoặc vị trí cũ nếu như nhận thấy chỗ đó vẫn còn mực, cá. Một đêm đánh khoảng 2 → 3 mẻ như vậy, nếu nhiều thì đánh 4 mẻ lưới.

Để hoạt động nghề này thì cần những công cụ, phương tiện của nghề (*đối với mành chiếc*): 01 ghe (30m), 01 máy điện (15CV) - máy

ghe, 02 thùng chai (5m), 40 - 50 tiếp điện 1,2m, đèn báo hiệu (bóng đèn đỏ, để báo hiệu cho bạn rồi biết ra mua cá), giàn mành (50m), 02 vợt, 15 - 20 rô đưng cá, ghim, nhợ (*dùng để vá lưới*), máy tầm ngư, radio, bộ đàm... Nghề mành là một trong những nghề đánh bắt hải sản đòi hỏi tương đối nhiều nhân lực, không thể làm riêng lẻ hộ gia đình được. Thời gian làm nghề mành điện hiện nay vào khoảng từ 5h chiều đến 6h sáng hôm sau. Nghề mành điện đánh bắt được nhiều loại cá: cá cơm (*nhều nhất*), cá nục, cá kình, cá đồ lằn, cá ngán, cá má, cá sòng, cá trích, cá trác, cá chim đen, cá chim trắng, cá hổ, cá rựa, cá xước, cá ngừ; Đối với mành mực thì đánh bắt mực là chủ yếu; Mành bò thì bắt cá bò, cá sòng... chủ yếu là cá lớn, đánh bắt ở khu vực xa (*sau Lao*).

Trước đây, khi nghề mành phát triển thì nghề này đã hình thành vạn nghề mành khoảng gần 20 người, hàng năm cúng vạn vào ngày 4/4 và 2/8. tại lăng Ông Ngư - Bãi Làng.



Vạn mảnh gồm có 3 tổ (*mỗi tổ khoảng 10 ghe*), mỗi năm mỗi tổ thay phiên nhau để lo cúng vạn. Trong vạn có bầu chánh vạn, 02 phó chánh vạn, thư ký và thủ quỹ. Cùng với sự suy giảm của nghề mảnh, từ năm 2005 vạn nghề đã không còn hoạt động nữa.

Hiện ở Cù Lao Chàm còn 03 hộ làm nghề mảnh điện (*chưa khảo sát ở Bãi Hương*). Hiện nay, các hộ này chủ yếu làm mảnh mực và mảnh bò. Nhìn chung, so với trước đây, khoảng những năm 80 thế kỷ XX, ở Cù Lao Chàm có khoảng gần 30 ghe mảnh hoạt động nhưng hiện nay chỉ còn 03 ghe, như vậy nghề mảnh ở Cù Lao Chàm đã giảm đi đáng kể và gần như không còn hoạt động. Hiện những hộ còn đang hoạt động nhưng mức độ không còn thường xuyên như trước vì đa số những hộ này ngoài làm nghề mảnh còn làm nghề lưới, nghề câu... Theo những hộ làm nghề, mức thu nhập của nghề mảnh hiện nay cũng rất thấp hơn so với trước và không ổn định, vì do chi phí cao (*tốn dầu, tốn điện...*) nhưng sản lượng đánh bắt không nhiều.

Mặc dù nghề đánh bắt thủy hải sản ở Cù Lao Chàm nói chung, nghề mảnh điện nói riêng đã có sự tiến triển trong công nghệ, thiết bị, tuy nhiên ít nhiều vẫn còn mang tính thủ công, nhỏ lẻ, vì thế lợi nhuận đem lại cho ngư dân không cao. Theo ý kiến của người dân địa phương, sản lượng khai thác hiện nay giảm nhiều so với trước, do nhiều nguyên nhân như phạm vi đánh bắt, môi trường, phương

tiện,... Bên cạnh đó, sản lượng thu nhập ít cũng có một nguyên nhân tác động rất lớn mà theo đa số ngư dân cho rằng đó là do một số tàu thuyền ở các khu vực lân cận như tàu Quảng Ngãi, Tam Kỳ,... vào ngư trường xung quanh đảo Cù Lao Chàm dùng những động cơ, máy móc, thiết bị hiện đại, có công suất lớn để đánh bắt cá, dẫn đến sản lượng và chất lượng cá ngày càng giảm. Hơn nữa, nghề mảnh là một nghề thủ công, cần nhiều người làm nhưng hiện ở Cù Lao Chàm thiếu nhân lực, hiện tại để kêu bạn đi mảnh rất khó. Vì đa số hộ có điều kiện đều sắm ghe nhỏ để làm nghề riêng lẻ hoặc do sự chuyển đổi cơ cấu nghề...

Từ trong hoạt động nghề nghiệp nói chung thì hầu như ai cũng có kinh nghiệm trong nghề của mình, vì thế đối với nghề mảnh cũng vậy. Qua quá trình hoạt động, những ngư dân đã đúc kết được nhiều kinh nghiệm như kinh nghiệm đi biển, đoán xem thời tiết khi nào trời êm, khi nào có gió, đoán nơi nào/lúc nào cá nhiều, cá ít, từ tháng 6 → 8 cá xuống (*đánh ở khu vực Bãi Bắc đi lên*), tháng 2 → 5 cá lên từ Bãi Hương → Bãi Bìm → hòn Mô → hòn Dài...

Đồng thời, trong quá trình lao động, những người hành nghề cũng có nhiều kiêng cử. Đầu mùa phải có cúng ở cội sào (*chỗ neo ghe*), sau đó chạy ghe ra chỗ hay đánh bắt, thả điện lên khi chuẩn bị thả giàn mảnh xuống thì có cúng thêm một lần nữa. Đến mùng 10/8.11 cũng mãn mùa tại nhà, cúng ở ghe và hàng

năm có tham gia cúng tại lăng Ông Ngự theo hai lệ xuân thu nhị kỳ. Đồng thời, khi đi làm nghề người ta cũng có kiêng cử, chẳng hạn như khi đi mở hàng không để ghe nào chạy ngang qua trước mũi, vì quan niệm như vậy là hớt hết lộc của mình...

Cù Lao Chàm với vị thế là vùng đảo, cùng với nguồn tài nguyên rừng và biển phong phú nên từ thời Tiền Sơ sử đã có con người sinh sống. Tại đây, bên cạnh nông nghiệp, lâm nghiệp thì ngư nghiệp là sinh kế chính của người dân địa phương. Vì thế, đánh bắt thủy hải sản là nghề có truyền thống lâu đời, gắn liền với đời sống của cư dân xã đảo từ bao đời nay, trong đó nghề mảnh là một trong những nghề đã góp phần làm phong phú, đa dạng nhóm nghề đánh bắt hải sản ở Cù Lao Chàm. Với những phương thức đánh bắt, kinh nghiệm, kiêng cử cùng với những tục lệ, tín ngưỡng trong hoạt động của nghề mảnh đã góp phần làm nên một đặc trưng văn hóa biển đảo của Cù Lao Chàm. Mặc dù nghề này có sự suy giảm về số lượng người hoạt động, tuy nhiên với mức thu nhập bình quân đảm bảo cho những người làm, đã tạo điều kiện để giải quyết công ăn việc làm, tăng thu nhập cho một bộ phận cư dân ở đây. Đồng thời, với những sản phẩm của nghề đã làm tăng sản lượng thủy hải sản của địa phương nói riêng, của tỉnh Quảng Nam nói chung, góp phần vào sự phát triển kinh tế của cả tỉnh♦

LÀO NGƯ DÂN VỚI NIỀM ĐAM MÊ NGHỀ THUẬT

Lê Thị Ngọc Hương

Cầm Thanh là một xã vùng ven biển, nằm cách Trung tâm thành phố Hội An chừng 3km về phía Đông Nam, có tổng diện tích tự nhiên 895,43ha, chia thành 8 thôn. Bốn bề là sông nước, phía Đông giáp với phường Cửa Đại bởi sông Ba Chưom, phía Tây và phía Bắc giáp phường Cẩm Châu và phường Cẩm Nam bởi sông Đò, phía Nam giáp huyện Duy Xuyên bởi hạ lưu sông Thu Bồn. Địa hình Cầm Thanh thuộc dạng địa hình ven biển, bị chia cắt bởi hệ thống sông rạch chằng chịt và là vùng đất nằm giữa nơi hợp lưu của hạ nguồn sông Thu Bồn, Đé Vông, Trường Giang. Với vùng đất bốn bề sông nước, Cầm Thanh từ lâu hình thành nên các làng làm nghề ngư nghiệp, sinh sống bằng nghề đánh bắt cá trên sông, lạch hay ngoài vùng biển khơi. Từ đó hình thành nên các xóm, thôn chuyên hành nghề trên sông, biển và thôn Vạn Lăng là một trong những thôn thể hiện đặc điểm địa bàn, dân cư, nghề nghiệp của làng câu, vạn chài từ xưa đến nay. Và ngư nghiệp cũng là một trong những ngành nghề kiếm sống chính tại nơi đây. Những ngư dân sau chuyển đánh bắt xa bờ là thời

gian nghĩ ngợi để chuẩn bị cho những chuyện ra khơi tiếp theo, thường những lúc rảnh rỗi là thời gian tụ họp nhâm nhi những chén rượu đào, cùng kể nhau nghe chuyện đời chuyện người, nghêu ngao những câu hát, câu hò bất chợt không có sự chuẩn bị từ trước, bên cạnh đó là những lời đối đáp đầy ngẫu hứng tạo không khí vui tươi, thoải mái sau những ngày lênh đênh trên biển cả để tìm kế mưu sinh. Và dường như chất nghệ sĩ thấm sâu vào trong lòng mỗi ngư dân nơi đây, và một người tôi muốn nhắc đến trong bài viết này là một lão ngư dân “*mê nghệ thuật*” trở nên nổi tiếng không chỉ ở làng chài mà cả Tỉnh, vùng ven lân cận đều biết đến. Đến thôn Vạn Lãng xã Cẩm Thanh, hỏi ông Ba Đúng thì từ người nhỏ tuổi đến người lớn tuổi ai ai cũng biết và chỉ rành rọt đường vào nhà ông. Ông nổi tiếng không chỉ vì tài hát hò khoan kiến tại (*Kiến tại là lối hát ứng khẩu, hát ngang đối đáp ngay những sự kiện, tình huống xảy ra tại chỗ chứ không có chuẩn bị trước*) mà còn vì niềm đam mê với môn nghệ thuật bả trạo đặc trưng của ngư dân vùng sông nước. Ông Ba Đúng tên thật Phạm Đúng sinh ra và lớn lên ở vùng sông nước Cẩm Thanh. Từ nhỏ Ông đã gắn bó với nghề biển cũng như các hoạt động lễ hội đặc trưng của người dân miền biển và những câu hát hò khoan, bả trạo đã ngấm trong ông từ khi nào cũng không rõ.

Ông Đúng cho biết, với bộ môn hát hò khoan kiến tại ông bắt đầu biết hát từ năm 20 tuổi nhưng thời điểm đó khả năng sáng tạo câu hát của ông còn hạn chế. Với một người không qua trường lớp đào tạo nào, điều kiện để phát triển tài năng nghệ thuật của mình cũng không có, nhưng với khả năng thiên bẩm của mình cộng với niềm đam mê thật sự mà dần theo thời gian khả năng hát của Ông uyển chuyển, linh hoạt, các câu hát được mở rộng hơn, ông có thể kiến tại mọi lúc mọi nơi, trong mọi tình huống như theo ông nói là “*xuất khẩu thành thơ*” và không theo một bài vở nào có sẵn mà tự nghĩ ra trong mọi hoàn cảnh, tình huống. Chính vì lẽ đó mà ông không có ghi chép lại những bài hát nào cho mình, bởi theo ông hát theo tình huống chứ nếu ngồi ghi lại thì khả năng sáng tạo trong ông sẽ không đạt yêu cầu và gần như khó có thể nghĩ ra được bởi hò khoan đối đáp phải trong hoàn cảnh cụ thể cần hai người trở lên tạo tình huống để có thể hát được. Thường trong hát hò khoan tập trung vào các thành phần như huê tình (*hát về chồng vợ*), nhơn ngãi (*hát về bạn bè*), hát về tình yêu lứa đôi nên cần phải là cặp nam nữ mới có thể đối đáp và tạo môi trường cho người hát có thể truyền đạt được tâm tư, tình cảm, sự mong muốn của mình đến với đối phương.

Ngoài tài hát hò khoan kiến tại ông còn có một tài khác đó là hát bả trạo. Ông đã gắn bó với nghề này 15

năm và thường phục vụ trong nghi thức lễ cúng cá Ông tại các vịnh chài hoặc có khi biểu diễn phục vụ cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật tại các huyện thị trong tỉnh như Điện Bàn, Tân Hiệp, Chu Lai, Thăng Bình... và các vùng lân cận. Người thầy đầu tiên truyền dạy lại cho Ông đó là Ông Nguyễn Mè, cũng là người ở Cẩm Thanh. Ông Mè là người gắn bó rất lâu với bộ môn này và tỉ mỉ ghi chép lại từng câu hát để truyền lại cho con cháu. Với năng khiếu sẵn có nên ông Đứng nắm bắt rất nhanh, cộng với giọng hát to khỏe nên việc xử lý các câu hát một cách điêu luyện mà không cần phải tập luyện nhiều. Ban đầu chỉ làm con trạo có nhiệm vụ diễn cảnh chèo thuyền, hát những câu hát đơn giản bằng làn điệu dân ca, hò khoan và Ông nhanh chóng được giao cho nhiệm vụ ở vị trí quan trọng làm tổng thương, tổng lái hoặc tổng chèo.

Thời gian trôi qua, Ba Đứng không còn sức khỏe để đi biển nữa nên ông chuyển sang đi hát bả trạo trong các lễ cúng và hát hò khoan kiến tại phục vụ khách du lịch vào ngày 14 âm lịch hàng tháng trên sông Hoài thơ mộng. Bây giờ tuổi đã 64 nhưng giọng hát của ông vẫn to khỏe như ngày nào. Mỗi lần nói về hát hò khoan hay bả trạo dường như ông quên hết mọi thứ xung quanh rồi ngẫu hứng hát một vài đoạn cho mọi người thưởng thức. Có lẽ hai bộ môn nghệ thuật này đã thấm sâu vào

trong tâm trí của Ông và những gì thuộc về hò khoan, bả trạo được ông nâng niu giữ gìn như báu vật của mình.

Ông tham gia rất nhiều hội thi hát hò khoan được tổ chức trong và ngoài tỉnh, đạt nhiều thành tích cao trong các hội thi và nhiều bằng khen được chính quyền địa phương trao tặng cho những đóng góp của Ông trong phong trào giữ gìn và phát huy di sản văn hóa truyền thống mà cha ông đã để lại.

Tuy nhiên, Ông tâm sự, những người hát bả trạo như ông không còn được mấy người, trong khi lớp trẻ trong làng không mấy ai mặn mà với loại hình nghệ thuật này, chính vì lẽ đó Ông thường phải về các làng ven biển lân cận như Tân Hiệp, Bình Minh - Thăng Bình, Điện Bàn, Đà Nẵng... để đào tạo cho đội bả trạo của các thôn này, với mong muốn truyền lại văn hóa truyền thống của cha ông, truyền những kinh nghiệm, hiểu biết và cũng để thỏa mãn niềm đam mê của mình.

Có thể nói rằng với tâm huyết mong muốn gìn giữ lại vốn văn hóa truyền thống của thế hệ đi trước, những đóng góp của Ông cho loại hình nghệ thuật này là đáng trân trọng, thiết nghĩ các nhà quản lý trong lĩnh vực văn hóa xã hội có chính sách đãi ngộ, vinh danh những con người như ông để từ đó có hướng bảo tồn và phát huy hiệu quả trong tương lai♦

ĐẬU BẮP HẦM CẨM NAM - HỘI AN

Lê Thị Tuấn

Cẩm Nam là một ốc đảo được bao bọc bởi các nhánh sông Thu Bồn, cách Khu Phố cổ Hội An chỉ một cây cầu dài khoảng 200m. Hằng năm, sau những đợt lũ, những bãi bồi của vùng đất này được phủ lớp phù sa màu mỡ. Nhờ vậy, mà những cón bắp nơi đây xanh ngút ngàn, cho ra những trái bắp no tròn quanh năm.

Từ nguồn bắp tại địa phương, những món ăn chế biến từ bắp thơm nức lòng du khách như chè bắp, xôi bắp, chả bắp, bắp ngào, bắp rang,... và đậu bắp cũng là món ăn truyền thống của người dân Cẩm Nam. Tuy không rõ thời gian có món ăn này khi nào, nhưng qua hình ảnh Hội An xưa do nhà nhiếp ảnh Vĩnh Tân cung cấp thì đầu thế kỷ XX món ăn này đã được bày bán.

Đậu bắp có người còn gọi là Đậu bắp hầm, bởi hầm bắp là công đoạn quan trọng nhất trong cách chế biến món ăn này. Nghe tên đậu bắp, ta liên tưởng ngay đến 2 nguyên liệu chính trong món ăn này là đậu và bắp, cách chế biến như thế nào, chúng ta hãy cùng nhau tìm hiểu.

Nguyên liệu là bắp khô, đậu đen. Để có món ăn ngon, hợp khẩu vị, cần chọn hạt bắp nếp to, không bị mốc. Sau đó, hòa nước vôi loãng

(màu nước vôi không trong, không đậm quá) cho vào bắp, nước vôi súp súp¹ với bắp, bắt lên bếp nấu đến khi nào nồi bắp sôi lên, nước vôi từ màu trắng chuyển sang màu vàng, kinh nghiệm là khi nào màu bắp² có màu vàng đậm là được (hạt bắp còn độ cứng, chưa bị nở). Để việc làm sạch màu bắp dễ dàng, khi nhất nồi bắp xuống, người ta cho vào nồi bắp một ca nước lạnh, khuấy đều, sau đó đập nắp lại để khoảng vài phút, tiếp tục đổ bắp ra rổ chà cho vỏ lụa và màu bắp tróc ra. Trước đây, người ta đem ra sông chà rồi đãi³ cho sạch màu bắp và màng mỏng xung quanh hạt bắp, chà - đãi nhiều lần như vậy bắp mới sạch. Khi bắp đã sạch là hạt bắp trắng phau, màu bắp không còn. Sau đó, đổ bắp vào nồi, cho nước sạch vào hầm (nước cao khoảng 3 phân). Công đoạn này là quan trọng nhất, hầm thế nào mà bắp chín, mềm nhưng không có nhựa thì bắp mới ngon. Thường 5 kg bắp, hầm trong 3 giờ là bắp chín, bắp chín đổ ra rổ cho ráo nước. Thường buổi chiều hầm bắp để chà màu, tối mới hầm bắp chín, sáng hôm sau đi bán. Kinh nghiệm khi hầm bắp phải khuấy đảo đều hạt bắp nhưng không khuấy nhiều, nhất là khi bắp đã nở, khuấy

nhiều bắp sẽ nhanh chảy nhựa, nhanh thiêu.

Bước kế tiếp là hầm đậu đen: bên cạnh việc hầm bắp công phu, cẩn thận, hầm đậu đen có phần đơn giản hơn. Đậu đen mua về đãi sạn, rửa sạch bỏ vào nồi hầm đến khi đậu mềm, hạt đậu nứt ra nhưng vẫn nguyên hạt thì mới ngon, thường người ta chọn đậu đen xanh lòng để hạt đậu vừa bùi, mềm sẽ ngon hơn.

Gia vị của món đậu bắp hầm là muối đậu. Đậu phụng (phộng) rang bóc vỏ, giã nhỏ, trộn muối rang vào cho vừa ăn. Ngoài ra,

còn có đường cát, dầu ăn phi hành chín (phải là loại dầu làm từ đậu phụng). Đường không trộn vào đậu phụng vì trộn vào đậu phụng dễ bị mềm không giòn và dễ ra nước.

Khi ăn, cho vào chén bắp một muỗng đậu đen, một muỗng đường, dầu ăn. Đậu bắp vừa có vị thơm béo của bắp, dầu ăn, bùi bùi của đậu đen, thơm giòn của đậu phụng, mặn mặn, ngọt ngọt của muối đường.

Qua việc chế biến đậu bắp, ta thấy công đoạn hầm bắp là quan trọng nhất. Nếu không có kinh nghiệm thì bắp dễ bị chảy nhựa. Kinh nghiệm của người hầm bắp cho

biết, lỡ khi lửa già bắp bị ra nhựa, ta thêm vào nồi bắp một ca nước lạnh, khuấy đều đổ ra thì hạt bắp đỡ có nhựa hơn.

Đậu bắp được chế biến từ bắp nếp Cẩm Nam là ngon nhất, hạt bắp mềm, ngọt. Nhưng cũng có phần vất vả hơn so với bắp có nguồn gốc từ Đắc Lắc, bởi màu của hạt bắp Cẩm Nam to nên khi chà màu tốn thời gian hơn.



Nghề hầm đậu bắp công phu là vậy, nhưng ngày xưa ở Cẩm Nam nhiều người làm nghề này bởi thu nhập mỗi ngày cũng khá hơn so với các

nghề khác. Có gia đình ba thế hệ cùng làm nghề này và cũng từ gánh đậu bắp đã nuôi con cái ăn học thành tài như nhà bà Hỉ, bà Cẩm, bà Mực, bà Lắm,...ở thôn 1(nay là khối Xuyên Trung phường Cẩm Nam) và cũng có người là con cái của họ chuyển đến địa phương khác nay vẫn sống nhờ nghề bán đậu bắp truyền thống này.♦

Chú thích:

1. Síp síp: nước ngang với mặt bắp
2. Màu bắp: vỏ rất mỏng bám trên đầu nhọn của hạt bắp
3. Đãi: động tác dưới nước để tách màu bắp ra khỏi hạt bắp

CHÈ KÊ TRONG NGÀY TẾT ĐOAN NGỌ Ở HỘI AN

Nguyễn Thị Tình

Tết Đoan Ngọ hay còn được gọi là Tết Đoan Dương, Tết Nửa Năm (hay Tết Giữa Năm). Đoan có nghĩa là mở đầu/bắt đầu, Ngọ là giờ ngọ, đồng thời Ngọ cũng là tháng giữa năm theo giờ - lịch âm. Tức là nghi lễ được mở đầu vào giữa trưa (*giờ Ngọ - ngày mùng 5*) và cũng là thời điểm giữa của một năm (*tháng Ngọ - tháng 5*) theo âm lịch, nghĩa là vào ngày mùng 5 tháng 5 âm lịch, là một ngày tết truyền thống của người phương Nam, tức là của cả vùng Nam Trung Hoa và Việt Nam.

Ở Việt Nam, ngày tết Đoan Ngọ đã gắn với tín ngưỡng của cả cộng đồng và trở thành một lễ tết truyền thống có nội hàm văn hoá phong phú. Ngoài ý nghĩa rất quan trọng là ngày con cháu tưởng nhớ tổ tiên, cầu mong mùa màng bội thu, ước mong chữa bệnh, cầu sức khoẻ bình an cho cả gia đình thì nét văn hóa dân gian này còn thể hiện giá trị tinh thần trong mỗi gia



đình.

Ở mỗi vùng miền khác nhau sẽ có những phong tục, cách tổ chức cũng như phong vị ẩm thực khác nhau như nấu bánh ú tro, nấu chè kê, ăn thịt vịt, tắm nước lá mùi, uống nước lá mùng năm, hái thuốc, treo cây ngải cứu trừ tà ma, nhuộm móng tay móng chân cho trẻ con, tục kháo cây lấy quả...

Dịp tết này có những thứ quả, hạt đầu mùa, mà con cháu không thể quên trong việc cúng dâng Tổ Tiên. Một quả dưa hấu, một quả mít, một chùm nhãn, đĩa mận, cân đậu, đĩa xôi đầu mùa... đều được đưa lên bàn thờ cần tầu Gia Thần, Gia Tiên tỏ lòng hiếu thảo.

Ca dao có câu:

“Tháng tư đông đậu nấu chè,

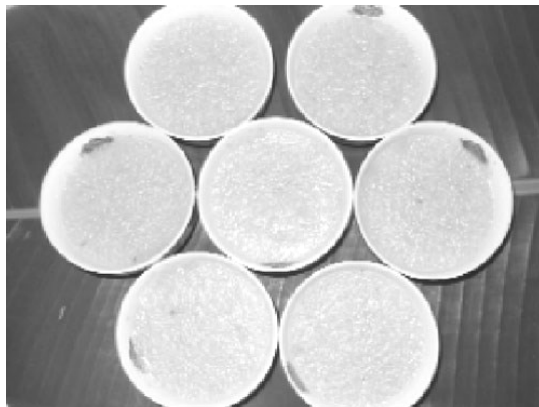
Ăn tết Đoan Ngọ trở về tháng năm”

Đến độ cuối tháng tư âm lịch người dân quê lại bước vào thời điểm thu hoạch các loại đậu, hạt để chuẩn bị nguyên liệu cần thiết cho ngày tết Đoan Ngọ. Loại hạt đặc trưng trong thời điểm này chính là hạt kê. Cũng lạ, từ những hạt kê nhỏ tí, lại có thể nảy mầm và phát triển thành cây kê to khỏe. Cây kê cũng giống như cây lúa, có mùa, có vụ. Đến mùa vụ người ta thu hái kê rồi phơi khô. Những hạt kê màu vàng ươm, nhỏ như trứng cá theo tay bà, tay mẹ sàng sảy rơi đều từ

nia. Để có được những hạt kê sáng đẹp, sau khi phơi khô, phải dùng cối xay thóc chỉ xay để vừa tróc được lớp vỏ ra khỏi hạt kê mà vẫn giữ nguyên lớp cám mỏng trên từng hạt kê tròn mẩy. Sau đó lựa bỏ hạt lép, chọn lấy những hạt có sắc vàng đậm - loại này vừa ngon, vừa đậm đà.

Tuy không phải là loại thực phẩm quan trọng, cần bản trong ẩm thực, trong kinh tế nông nghiệp nhưng đối với người dân Việt Nam, hạt kê đóng vai trò khá quan trọng vì đây là nguyên liệu chính tạo nên món ẩm thực không thể thiếu trong mâm cơm dân cúng ông bà trong ngày tết Đoan Ngọ. Và không biết từ bao giờ, chè kê đã trở thành món ẩm thực đặc trưng của người Hội An nói riêng, Quảng Nam nói chung. Dù có đi đâu xa, mỗi khi đến ngày này cũng cố tìm mua một ít hạt kê về nấu chè để thưởng thức cho vui đi nỗi nhớ nhà.

Tuy chè kê quen thuộc nhưng không phải dễ làm. Kê bán ở chợ có hai loại: kê có sắc vàng là chưa giã sạch cám, loại kê này ngon, đậm đà hơn, nấu cần nhiều nước; kê trắng là đã giã sạch cám. Kê phải vo như vo gạo trước khi nấu, những hạt kê nhỏ li ti hay lẫn cát nên người ta phải dùng một vật dụng cổ truyền là cái rá chuyên dùng vo gạo để vo kê. Còn nếu có được kê ngon thì chỉ cần dùng một cái nồi lằng qua vài lần nước cho sạch là được. *(Lưu ý nếu người kê có mùi mốc thì không nên dùng hoặc khi cho nước vào vo mà thấy có bột trắng nổi lên là kê đã bị mục, nên bỏ đi).* Sau khi vo và đãi sạch cát, sạn thì cho hạt kê vào nồi ngâm chừng gần một giờ đồng hồ *(chọn cỡ nồi sao cho mực nước*



phải cao hơn hạt kê khoảng 4 - 5 phân).

Thời gian ngâm kê vừa đủ, đặt nồi kê lên bếp lửa, canh chừng vừa chớm sôi thì hạ lửa tối đa chỉ để cho nước sôi văng hơi lẩn tẩn rất nhẹ, dùng đũa gỗ hoặc vá muỗng kim loại khuấy nhẹ nhàng cho kê được đều. Để sôi nhẹ qua năm ba phút rồi lại khuấy từ từ và đều tay, cứ như vậy cho đến khi xong. Thăm chừng thấy hạt kê nở ra và mềm, thử bằng cách múc vài hạt, thổi nguội rồi cho vào giữa hai đầu ngón tay vo nhẹ thấy nát mịn là cho đường vào và tiếp tục khuấy đều tay cho đến khi thấy tan đường hoàn toàn. Nếu người nấu không khéo, sơ ý khuấy già tay một chút, chè sẽ mất đi hương dịu dàng của hạt kê và vị ngọt lịm của đường. Khi thấy nồi kê dần cạn nước và đặc lại từ từ, tùy thích để chè đặc ít hay nhiều. Thông thường là thử độ đặc của chè bằng cách dùng cái muỗng nhỏ múc ít chè rồi đổ ra lại thấy chè quánh hẳn và nhều chậm ra như hồ đặc là được.

Để món chè kê càng thêm hấp dẫn và tăng hương vị, người ta thường giã ít gừng, vắt bớt nước cho bớt cay và cho vào nồi chè kê. Mùi đường, mùi gừng và đặc biệt là mùi thơm của hạt kê hoà quyện vào nhau đã tạo nên món

âm thực chè kê thơm ngon cho ngày tết Đoan Ngọ.

Để món chè kê càng thêm phần thơm ngon, hấp dẫn và tăng tính đặc trưng người ta thường thưởng thức chè kê đi kèm với bánh tráng mè hay đậu xanh bột... Thay vì dùng muống theo cách thông thường thì đối với chè kê lại trở nên đặc biệt và khác lạ hơn vì chè kê phải ăn kèm với bánh tráng mè. Dùng bánh tráng thay cho muống, vừa thú vị vừa tăng mùi vị. Vị giòn của bánh tráng nhanh chóng hòa lẫn với vị ngọt của đường, vị dẻo thơm của kê và thơm cay thoang thoảng của gừng tươi.

Tuy chè kê không thường xuyên được nấu và bày bán như bao loại chè ngọt khác nhưng chè kê luôn đóng vai trò quan trọng, là nét ẩm thực đặc sắc và không thể thiếu trong cuộc sống của người dân nơi đây. Bởi lẽ chè kê không phải chỉ là món chè ngọt dung dị, bình thường mà chè kê còn ẩn sâu trong mình nét đặc trưng của cả một nền văn hóa và phong tục thờ cúng thiêng liêng.

Mỗi một vùng đều có những cách khác nhau trong việc đón tết Đoan Ngọ, nhưng tất cả những tập tục trong ngày lễ tết này của mỗi vùng miền đều được xây dựng trên căn bản nhân nghĩa và đạo đức truyền thống. Trải qua nhiều biến đổi, song tết Đoan Ngọ vẫn tồn tại trong lòng mỗi người dân xứ Quảng như một phong tục đẹp. Những cây trái đầu mùa, những chùm bánh ú tro xinh xắn và không thể quên những chén chè kê hạt nhỏ li ti như trứng cá. Tất cả đã đem lại một cái tết đầm ấm và thiêng liêng♦

BÁNH DA LỢN Ở HỘI AN

Trang Thi

Hội An phố cổ tôi yêu

Lắm món ăn vặt, được nhiều người mê.

Thật vậy, khi nhắc đến Phố cổ Hội An ngoài vẻ đẹp lung linh, huyền ảo và không gian yên tĩnh, ấm áp của nó du khách còn nhớ ngay đến những món ăn vặt. Tuy nhỏ nhưng những món ăn vặt này đã góp phần làm tôn thêm vẻ quyến rũ, hấp dẫn du khách khi đặt chân đến đây.

Với Hội An “*Âm thực*” luôn là một chủ đề đa màu sắc và mang đặc trưng riêng khiến thực khách đã một lần đặt chân đến đây phải nhớ, vẫn vương, hứa hẹn sẽ đến đây nhiều hơn. Nổi tiếng với rất nhiều món ăn vặt vỉa hè như: bánh đậu xanh, bánh xoài, tàu phớ, xí mại, chè, bánh đập,... và “*bánh da lợn*” là một trong những loại bánh được ưa thích nhiều nhất. Nhìn những chiếc bánh xinh xinh với màu sắc nhẹ nhàng quyến rũ trông như một tác phẩm nghệ thuật, hễ ai cũng cảm nhận được “*bánh da lợn*” ở Hội An mang nét

đặc trưng riêng không giống với những chiếc bánh da lợn ở nơi khác về nguyên liệu, cách làm cũng như cách trang trí. Bởi thế mà cái tên bánh da lợn từ lâu đã được rất nhiều du khách trong và ngoài nước biết



đến, không những thưởng thức tại chỗ mà còn mua về làm quà cho bạn bè, người thân.

Nguyên liệu làm bánh da lợn gồm: bột nếp, lá dứa, nước cốt dừa, nước ép trái cây thơm, nước ép cam, đường và khuôn hấp bánh.

Để làm ra được những chiếc bánh thơm ngon đầy màu sắc hấp dẫn, người làm phải biết chọn loại nếp mới thơm ngon nhất, hạt to, tròn, chắc thì mặt bánh mới láng mượt. Nước trái cây được ép từ trái cây tươi hoặc mua nước ép pha sẵn; lá dứa phải tươi thì màu mới đẹp, dừa phải lấy trái còn tươi thì nước cốt làm bánh mới thơm và béo. Sau khi chuẩn bị đầy đủ nguyên liệu thì bắt tay vào công đoạn làm bánh. Đầu tiên, người ta xay bột nếp, chuẩn bị nước ép thơm, nước ép cam; tiếp đến là vắt nước cốt dừa để riêng, lá dứa xay nhuyễn với nước dừa rồi lọc ra lấy màu xanh tự nhiên và tạo mùi vị

thơm ngon hấp dẫn. Sau đó người ta chia bột nếp thành bốn phần bằng nhau, một phần trộn với hỗn hợp nước ép dứa (*thơm*), một phần trộn với hỗn hợp nước ép cam, phần tiếp theo trộn với hỗn hợp nước ép lá dứa, phần còn lại trộn với nước cốt dừa. Mỗi phần cho thêm ít đường cùng với nước cốt dừa và khuấy đều tay đến khi các hỗn hợp hòa tan thì ta chuẩn bị đến công đoạn tiếp theo.

Công đoạn hấp bánh “*bánh da lợn*”, trước khi cho hỗn hợp bột vào khuôn, người thợ bắt khuôn lên bếp và cho một ít dầu ăn vào lòng khuôn tráng cho đều, đổ một lớp bột nước cốt dừa chừng 2cm vào khuôn để chừng 5-7 phút. Khi lớp bánh đầu tiên đã chín, đổ lớp bột nước ép cam lên trên, hấp đến khi mặt bánh cứng lại, ta tiếp tục đổ lớp bột nước ép thơm đợi mặt bánh chín ta lại tiếp tục đổ lớp bột lá dứa lên trên cùng. Đổ từng lớp,

từng lớp bột đều nhau và hấp đến khi ta dùng tăm xăm vào nhấc chiếc bánh lên mà không bị dính là bánh đã chín. Để bánh thật nguội mới lấy bánh ra khỏi khuôn. Tạo hình dáng cho chiếc bánh bằng những khuôn hình trái tim hay những khuôn hình ngộ nghĩnh đáng yêu hoặc có thể dùng dao, sợi chỉ để cắt bánh thành từng miếng vuông vừa ăn.

Ngoài ra, người dân địa phương còn hấp bánh bằng nồi hấp không khuôn. Chỉ với một cái nồi lớn bọc lên trên là lớp vải mỏng hoặc vải lưới, cho nước vào bên trong nồi đun sôi. Người thợ cũng đổ tương tự từng lớp hỗn hợp giống như công đoạn hấp bằng nồi hấp có khuôn. Khi bánh chín người ta cũng để nguội và dùng dao hoặc sợi chỉ cắt bánh ra thành từng miếng vuông bằng nhau, sau đó đóng gói và đem bán. Nhìn chung bánh da lợn cũng là loại bánh không quá cầu kỳ như các loại bánh khác nhưng để bánh ngon và đẹp thì người thợ cũng có bí quyết riêng để tạo nên những chiếc bánh thơm dẻo mà không nơi nào có được.

Khi cắn miếng “*bánh da lợn*” vào miệng sẽ cảm nhận ngay được sự dai dai, vị thanh dịu thoang thoảng mùi thơm của hương nếp mới, vị béo béo của nước cốt dừa, hương vị đặc trưng của lá dứa và

mùi thơm từ nước ép thơm, cam. Khi ăn có thể gỡ từng lớp từng lớp một sẽ cảm nhận được rõ hơn từng hương vị thơm ngon của chiếc bánh. Không những hấp dẫn về hương vị màu sắc của bánh, mà giá của mỗi chiếc bánh cũng chỉ từ 2 - 5 ngàn đồng là du khách có thể tận hưởng được tất cả hương vị đặc biệt của hương đồng gió nội hòa quyện vào trong chiếc bánh. Có thể nói ai đã từng đặt chân đến Phố cổ Hội An mà chưa một lần thưởng thức món “*bánh da lợn*” thì coi như đã bỏ qua một cơ hội tận hưởng ẩm thực hương đồng gió nội của Phố cổ Hội An.

Hiện nay, ở Hội An có rất nhiều quầy bán “*bánh da lợn*”, tuy nhỏ nhưng cũng thu hút nhiều du khách đến thưởng thức và mua về làm quà cho người thân, bạn bè. Với riêng những bạn nhỏ ở Phố Hội, “*bánh da lợn*” là loại bánh được xếp hàng đầu trong danh mục món ăn ưa thích nhất. Cho dù thời gian có thể làm phai mờ đi nhiều thứ nhưng với cảm nhận cùng với sự quan sát những du khách khi đến đây luôn cầm trên tay những chiếc “*bánh da lợn*” đủ màu sắc để thưởng thức tin rằng ẩm thực Hội An sẽ mãi thơm hương và thấm sâu trong tâm thức của mỗi du khách♦

VÀI SUY NGHĨ VỀ CÔNG TÁC THUYẾT MINH TẠI BẢO TÀNG Ở HỘI AN HIỆN NAY

Trần Công Trung

Trên hành trình tham quan Đô thị cổ Hội An - Di sản văn hóa thế giới, bên cạnh các điểm tham quan nổi tiếng: Chùa Cầu, các nhà cổ, hội quán thì bảo tàng là một điểm dừng chân hấp dẫn cho những du khách muốn tìm hiểu, khám phá về lịch sử văn hóa, phong tục truyền thống của mảnh đất cùng con người nơi đây.

Trong những năm qua, nhất là từ khi Đô thị cổ Hội An được công nhận là Di sản Văn hóa Thế giới Hội An vào ngày 04/12/1999, các bảo tàng được đầu tư mạnh mẽ qua đó đáp ứng tốt nhu cầu tham quan, nghiên cứu, học tập của du khách trong và ngoài nước. Hiện nay, trong Khu phố cổ Hội An có 4 bảo tàng chuyên đề: Lịch sử Văn hóa, Gốm sứ Mậu dịch, Văn hóa Sa Huỳnh, Văn hóa Dân gian. Hàng năm các bảo tàng chuyên đề này đón hàng trăm ngàn lượt khách, góp phần quảng bá tốt hình ảnh Di sản văn hóa Thế giới Hội An và đem lại nguồn thu đáng kể cho Thành phố.

Một vài bảo tàng đã trở thành những địa chỉ quan trọng không thể bỏ qua trong hành trình tham quan của du khách khi đến với Đô thị cổ Hội An:

Bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch, Bảo tàng Văn hóa Dân gian...

Có được thành công trên, ngoài những lợi thế của Bảo tàng như là được nằm trong tuyến tham quan Đô thị cổ Hội An (*lượng khách ổn định*) cùng với việc được đầu tư, nâng cấp thì cần phải kể đến sự đóng góp tích cực của công tác thuyết minh, giới thiệu tại bảo tàng.

1. Vai trò của công tác thuyết minh

Theo định nghĩa của ngành Bảo tàng học (*museology*), thuyết minh là “*diễn giải*” (*giải thích hoặc làm rõ*), trình bày những nội dung ẩn chứa bên trong của một hiện vật, sưu tập hay sự kiện lịch sử quan trọng nào đó. Trong tiếng Anh, công tác thuyết minh được gọi là *interpret* (*giải thích, làm sáng tỏ*), còn thuyết minh viên thì gọi là *interpreter*. Với ý nghĩa trên thì sẽ không đúng khi chúng ta gọi công tác thuyết minh là *guiding* và thuyết minh viên bảo tàng là *local guide* hay *museum guide*.

Trong Bảo tàng học, công tác thuyết minh là một trong sáu khâu công tác quan trọng bao gồm: nghiên

cứu - sưu tầm, trưng bày - thuyết minh và kiểm kê - bảo quản.

Để nội dung trưng bày của bảo tàng đến được với du khách phải thông qua công tác thuyết minh, tức là phải thông qua một chuỗi các kênh gồm: trưng bày, thuyết minh viên, thiết bị nghe nhìn, các chương trình tài liệu. Vì vậy, để phục vụ tốt cho công tác hướng dẫn khách tham quan, các bảo tàng phải đầu tư công tác trưng bày, xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị kỹ thuật và một đội ngũ thuyết minh viên chuyên nghiệp để đảm trách một cách hiệu quả nhất phần nội dung trưng bày của bảo tàng mình.



Một thuyết minh viên bảo tàng giỏi phải hội đủ các yếu tố: có chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với công tác bảo tàng, nhiệt tình, duyên dáng, có chất giọng tốt, biết thể hiện cảm xúc của mình cho phù hợp với các chủ đề trưng bày liên quan đến lịch sử văn hóa, truyền thống đấu tranh yêu nước, các sự kiện lịch sử trọng đại của đất nước hay của các lãnh tụ cách mạng... Có như vậy thuyết minh viên mới tạo nên được ấn tượng sâu sắc trong lòng khách tham quan. Chính điều này đã góp một phần tích cực vào sự thành

công chung của bảo tàng và giúp khẳng định tên tuổi, chỗ đứng của bảo tàng.

2. Thực trạng ở Hội An

Vấn đề dễ nhận thấy là các bảo tàng hiện nay sử dụng những tòa nhà không đúng tiêu chuẩn theo nguyên tắc Bảo tàng học nên gây khó khăn cho cả thuyết minh viên và khách tham quan. Các ngôi nhà được sử dụng làm Bảo tàng ở Hội An hầu hết là các ngôi nhà kiến trúc gỗ với nhiều gian trưng bày

nằm tách biệt nhau, không gian loãng, không khép kín nên dễ làm sao lãng sự chú ý của khách tham quan, nhất là những đoàn khách ở lứa tuổi

học sinh. Các phòng trưng bày có quá nhiều cửa ra vào sẽ làm phân tán sự tập trung theo dõi của khách tham quan.

Các bảo tàng ở Hội An là các bảo tàng chuyên đề nhỏ, được thành lập vào đầu những năm 90 của thế kỷ 20, trải qua thời gian dài những mảng trưng bày của bảo tàng đã xuống cấp và không còn phù hợp với xu thế trưng bày hiện đại. Mặc dù thời gian qua các bảo tàng được đầu tư nâng cấp nhưng hầu hết công tác trưng bày vẫn còn theo phương pháp trưng bày truyền

thống (*trưng bày tĩnh*). Trong số 4 bảo tàng nằm trong phố cổ thì chỉ có Bảo tàng Văn hóa Dân gian là có không gian trưng bày động - phần trình diễn nghệ. Đây cũng là điều hạn chế làm giảm sức hấp dẫn của bảo tàng.

Phương tiện và ánh sáng phục vụ trưng bày của bảo tàng cũng chưa thực sự tốt, điều này cũng làm giảm đi giá trị và sức hút của các bộ sưu tập hiện vật trưng bày tại bảo tàng.

Ngoài ra, đội ngũ thuyết minh viên tại bảo tàng ở Hội An còn hạn chế về nhiều mặt. Hiện nay, các bảo tàng nằm dưới sự quản lý của Phòng Bảo tàng trực thuộc Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An. Nhân sự của phòng gồm 26 cán bộ chia làm 2 tổ: tổ nghiệp vụ và các tổ quản lý tại điểm bảo tàng, di tích.

Trong số 26 cán bộ, nhân viên làm bảo tàng thì chỉ có 5 người tốt nghiệp chuyên ngành đào tạo Bảo tàng (*02 đại học, 02 cao đẳng và 01 Trung cấp*) và trong 12 cán bộ trực, quản lý tại 4 tổ bảo tàng thì chưa có ai qua đào tạo chuyên môn bảo tàng hoặc hướng dẫn viên, thuyết minh viên bảo tàng. Các cán bộ Bảo tàng chủ yếu thuyết minh dựa vào kiến thức và kinh nghiệm được tích lũy qua quá trình làm việc lâu năm tại bảo tàng.

Một điều nữa là số lượng cán bộ làm việc tại bảo tàng ít (*mỗi bảo tàng chỉ có 03 hoặc 04 cán bộ*) làm việc theo ca từ 7 giờ sáng đến 9 giờ tối, nhưng vừa tổ chức đón tiếp

khách, kiểm soát vé, bảo vệ hiện vật, vừa thuyết minh trong một không gian rộng đã làm ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả công tác thuyết minh cho du khách.

Cuối cùng là trình độ giao tiếp, khả năng thuyết minh, hướng dẫn bằng ngoại ngữ của một số cán bộ bảo tàng còn hạn chế nên việc truyền tải thông tin của bảo tàng đến với du khách chưa đạt được hiệu quả cao.

Bên cạnh đó, hiện nay các phương tiện, thiết bị nghe nhìn hỗ trợ thuyết minh tại 4 bảo tàng chưa được đầu tư, các chương trình, tài liệu hỗ trợ thuyết minh cũng chưa thực sự đa dạng, phong phú. Ngoài việc phát hành tờ gấp giới thiệu chung 4 bảo tàng thì hầu như chưa có một ấn phẩm nào được biên soạn và phát hành. Chẳng hạn như ở một số bảo tàng lớn trong nước và trên thế giới, khi du khách đến tham quan bảo tàng thì sẽ được nhận miễn phí các ấn phẩm bản đồ tham quan, chỉ dẫn hay các tài liệu thuyết minh hoặc có thể mua những tập ảnh, cuốn sách, đĩa DVD có nội dung liên quan đến các bộ sưu tập, hiện vật của bảo tàng.

Nói đến thực trạng công tác thuyết minh tại bảo tàng ở Hội An hiện nay không mang ý hạ thấp giá trị mà là sự nhìn nhận thực tế về những hạn chế để qua đó chúng ta có được cái nhìn tổng quan nhằm đề ra những định hướng tốt, đề xuất những giải pháp tốt phát huy hơn nữa công tác này.

3. Đề xuất giải pháp thực hiện

Để làm tốt hơn nữa công tác thuyết minh bảo tàng, trước hết chúng ta cần phải chuyên nghiệp hóa hơn nữa đội ngũ thuyết minh viên.

Trước hết Phòng Bảo tàng cần xây dựng “*Tổ thuyết minh viên bảo tàng*” tập hợp những cán bộ bảo tàng có khả năng thuyết minh. Sau đó hoàn thiện tập tài liệu tập hợp nội dung thuyết minh 4 bảo tàng và tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề để giới thiệu nội dung, truyền đạt kỹ năng thuyết minh cho các cán bộ trong phòng.

Mỗi thuyết minh viên cần tập trung nghiên cứu chuyên sâu vào một khía cạnh nào đó trong các lĩnh vực lịch sử, văn hóa dân gian... để trở thành một người có thể giúp đảm trách tốt công tác phổ biến tri thức khoa học của một bảo tàng.

Một điều nữa là các thuyết minh viên phải tích cực học tập nâng cao trình độ, khả năng giao tiếp thuyết minh bằng ngoại ngữ, bởi lẽ lượng khách đến với các bảo tàng ở Hội An chủ yếu là khách quốc tế.

Ngoài ra, các bảo tàng cũng cần tập trung nâng cấp các mảng trưng bày phù hợp với xu thế hiện đại (*kết hợp trưng bày, trình diễn và phương tiện kỹ thuật, thiết kế ánh sáng phù hợp*). Thiết lập một lối vào tham quan (*entrance*) và một lối ra (*exit*) riêng biệt nhau. Nếu các phòng trưng bày liên hoàn với nhau thì sẽ tạo được sự tập trung rất lớn cho khách tham quan

và thuyết minh viên sẽ cảm thấy thoải mái hơn khi tác nghiệp.

Về kỹ thuật, các bảo tàng cần bổ sung thiết bị nghe nhìn hỗ trợ thuyết minh. Đó là hệ thống loa tay, thiết kế và điều chỉnh âm thanh cho thích hợp với các phòng trưng bày. Ở một số gian trưng bày quan trọng cần trang bị thêm thiết bị hỗ trợ là một máy vi tính có cài sẵn chương trình thuyết minh kèm theo phim ảnh để những khách tham quan đi lẻ có thể tự điều khiển và nghe chương trình thuyết minh ở phần trưng bày đó, đặc biệt là các bảo tàng có phần trưng bày di sản văn hóa phi vật thể (*Intangible cultural heritage section*). Ngoài ra, bảo tàng phải xây dựng một website để giới thiệu về nội dung trưng bày, chương trình tham quan, ấn phẩm, thông báo các hoạt động khoa học, vui chơi liên quan đến bảo tàng và xây dựng một diễn đàn (*forum*) chung cho những người yêu thích bảo tàng cùng tham gia tranh luận và đóng góp ý kiến.

Thiết nghĩ rằng, để làm tốt hơn nữa công tác thuyết minh cần phải mạnh dạn thay đổi ngay từ bây giờ. Trước hết là tranh thủ nguồn kinh phí tập trung đầu tư nâng cấp trưng bày, tăng cường công tác marketing, quảng bá hình ảnh bảo tàng cùng với việc nỗ lực xây dựng và đào tạo một đội ngũ thuyết minh viên đủ tiêu chuẩn. Có như vậy mới khẳng định được vị thế của bảo tàng góp phần quảng bá tốt di sản văn hóa thế giới Hội An đến với bạn bè, du khách trong và ngoài nước♦

CÙNG TRAO ĐỔI VỀ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ TẠI BẢO TÀNG Ở HỘI AN

Nguyễn Trần Cẩm Giang

Tại điểm 7 - Điều 48 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản Văn hóa quy định bảo tàng có nhiệm vụ “*Tổ chức hoạt động dịch vụ phục vụ khách tham quan phù hợp với nhiệm vụ của bảo tàng*”. Hay tại Điều 12 Thông tư số 18/2010/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định về tổ chức và hoạt động của bảo tàng có quy định hoạt động dịch vụ của bảo tàng bao gồm: *Tổ chức dịch vụ ăn, uống, nghỉ ngơi, giải trí và dịch vụ khác; Tổ chức phát triển sản phẩm lưu niệm, xuất bản ấn phẩm của bảo tàng; Tổ chức các sự kiện văn hóa, giáo dục, thể thao và du lịch; Cung cấp thông tin, tư liệu; Tư vấn kỹ thuật, nghiệp vụ bảo tàng; Giám định, thẩm định di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; Bảo quản, phục hồi, làm bản sao tài liệu, hiện vật; Hợp tác khai quật khảo cổ; Hợp tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về bảo tàng.*

Thế nhưng ở Hội An - một Di sản Văn hóa Thế giới có 05 bảo tàng chuyên đề và 01 Nhà lưu niệm mà thực tế trong nhiều năm qua, chính xác hơn là từ khi thành lập các bảo tàng ở Hội An chưa thực hiện nhiệm vụ này. Bởi vì cái tư duy “*Bảo tàng là một thiết chế phi lợi nhuận, hoạt động*

thường xuyên để phục vụ công chúng...” đó một câu trong định nghĩa bảo tàng của tổ chức Hiệp hội các bảo tàng quốc tế (ICOM - International Council of Museums) mà chúng ta đã không thuyết phục được cấp chủ quản để thực hiện những công việc có tính kinh tế trong bảo tàng. Từ đó, chúng ta đã bỏ qua những cơ hội, điều kiện để bảo tàng phát triển.

Bảo tàng có thể làm các hoạt động dịch vụ, hay nói cách khác bảo tàng có thể làm kinh tế. Chắc chắn như vậy, điều đó phụ thuộc vào năng lực, chính sách của bảo tàng và những lợi ích thu được từ sản phẩm, dịch vụ bảo tàng phải phù hợp với Quy tắc đạo đức nghề nghiệp bảo tàng và được sử dụng để phát triển bảo tàng một cách bền vững.

Và, ngày nay trong xu thế hội nhập, bảo tàng đã được hiểu theo nhiều nghĩa mới, không chỉ là nơi để lưu giữ những cái đã qua, những cái cũ, những cổ vật hay như một “*nơi tàng trữ*”, mà công chúng ngày nay tìm đến bảo tàng là để trải nghiệm, để học hỏi những kiến thức mới và để có những phút giây thoải mái... Như vậy, thì tại sao chúng ta không thay đổi? Chúng ta phải vận động và tìm cách đưa công chúng đến với bảo tàng ngày càng

nhiều hơn vì chính họ sẽ mang lại một nguồn thu chính đáng cho bảo tàng. Một số hoạt động dịch vụ mà chúng ta có thể thực hiện tại các bảo tàng ở Hội An hiện nay là:

- Cửa hàng lưu niệm: Chúng ta cần có nhận thức mới về vai trò của cửa hàng lưu niệm. Đó không phải là nơi bày bán các mặt hàng để thu lợi nhuận, mà đó là nơi trưng bày, giới thiệu các sản phẩm liên quan đến hiện vật hay các chủ đề trưng bày của từng bảo tàng. Mà qua những sản phẩm này sẽ nhắc nhở cho du khách về các nội dung trưng bày mà họ đã xem và về nơi mà họ đã đến thăm, từ đó giúp du khách có mối quan hệ mật thiết hơn với bảo tàng. Nhưng để làm được điều đó thì các sản phẩm lưu niệm phải gắn với chủ đề trưng bày, phải có chất lượng cao và đặc biệt phải đáp ứng được nhu cầu là vật kỷ niệm, trở thành thương hiệu riêng của mỗi bảo tàng. Các sản phẩm phải phong phú về chất liệu và loại hình như: các hiện vật phục chế từ nguyên mẫu, hiện vật gốc có giá trị đặc trưng và tiêu biểu của bảo

tàng, các sản phẩm thủ công mỹ nghệ liên quan đến làng nghề truyền thống của địa phương,... Hay những ấn phẩm, những tập bưu ảnh giới thiệu về các sưu tập hiện vật có giá trị của bảo tàng, về văn hóa của địa phương; các đĩa hình, băng video giới thiệu hiện vật và nội dung trưng bày của bảo tàng.

- Dịch vụ giải khát: Một trong những tiêu chí đánh giá sức thu hút, hấp dẫn của bảo tàng đó là thời gian mà du khách lưu lại ở bảo tàng. Muốn giữ chân du khách ở bảo tàng lâu hơn, thì bên cạnh nội dung trưng bày hấp dẫn, cần có các điều kiện cơ sở vật chất tạo sự thoải mái cho du khách nghỉ ngơi và thư giãn. Bảo tàng cần có một không gian phục vụ dịch vụ giải khát cho du khách với chất lượng cao mà giá cả lại phải chăng thì sẽ tạo điều kiện cho du khách lưu lại bảo tàng lâu hơn. Và sẽ thu hút du khách hơn nữa, nếu bảo tàng kết hợp giới thiệu văn hóa ẩm thực đặc trưng của địa phương tới du khách, để du khách có điều kiện trải nghiệm thực tế, cảm nhận văn hóa

bằng các giác quan.

- Dịch vụ chụp ảnh lưu niệm: Chụp ảnh lưu niệm là nhu cầu không thể thiếu khi đi tham quan của du khách để họ lưu lại những kỷ niệm về nơi mà họ đã đến. Khai thác nhu cầu này,



bảo tàng cần tạo được những không gian chụp ảnh riêng thật độc đáo, tiêu biểu và phải tạo được thương hiệu riêng. Bảo tàng cần có những “*không gian tương tác*” để du khách trải nghiệm và chụp hình lưu niệm khi tham gia các hoạt động thực tế tại không gian này. Bảo tàng có thể chọn một không gian thích hợp nào đó để bố trí một đôi quang gánh, một cối giã gạo, một bàn cờ,... có thể kết hợp sử dụng mô hình manocanh để du khách cùng chụp ảnh. Bảo tàng thu phí phù hợp cho một lần du khách chụp ảnh để có nguồn kinh phí tái tạo lại các hoạt động của bảo tàng. Ngoài ra bảo tàng có thể có dịch vụ chụp ảnh cưới tại bảo tàng.

- Cho thuê mặt bằng: Bảo tàng có nhiệm vụ “*Tổ chức các sự kiện văn hóa*”, vậy thì tại sao, chúng ta không kết hợp hoặc cho một đơn vị tư nhân thuê mặt bằng để tổ chức các buổi hội thảo, hội nghị, gặp mặt,... hay tổ chức các “*đêm ẩm thực*”, “*đêm âm nhạc*”,... tại các bảo tàng. Bảo tàng là một công trình văn hóa mà các hoạt động này cũng mang tính văn hóa, do đó chúng ta có thể thực hiện được nếu chúng ta bố trí ở một không gian không ảnh hưởng đến hiện vật trưng bày như sân bảo tàng, các khu vực sân trời của bảo tàng. Các hoạt động này sẽ thu hút được một lượng khách lớn đến với bảo tàng, và chúng ta sẽ kết hợp giới thiệu hệ thống trưng bày của bảo tàng trong các hoạt động này.

Nhu cầu thưởng thức văn hóa và giải trí của người dân ngày càng

cao, vì vậy đòi hỏi dịch vụ văn hóa và giải trí cũng phải được nâng cao. Chính nhu cầu của người dân là một điều kiện thuận lợi để bảo tàng có thể mở rộng cánh cửa của mình đón du khách. Nếu như trước đây, bảo tàng chưa nghĩ đến việc “*tự nuôi sống mình*”, sự bao cấp đã dẫn đến tình trạng trì tuệ, làm mất đi tính năng động trong các hoạt động của bảo tàng. Thì ngày nay, trong thời kỳ kinh tế thị trường, bảo tàng không thể đứng ngoài quy luật này, phải vận động để đáp ứng nhu cầu khách quan của du khách (*nhu cầu thưởng thức văn hóa*) và nhu cầu chủ quan của bảo tàng (*nhu cầu nâng cao nguồn thu để nuôi dưỡng các hoạt động nghiệp vụ*).

Bảo tàng cần phải thay đổi “*thực đơn*” bởi vì công chúng giờ đây không còn dễ dãi chấp nhận những “*món ăn*” đơn điệu mà bảo tàng cung cấp, họ có quyền lựa chọn của mình. Vì vậy, việc tổ chức khai thác các hoạt động dịch vụ tại bảo tàng là cần thiết, nếu như chúng ta biết cách xem xét, lựa chọn và xây dựng một “*thực đơn*” phù hợp với từng bảo tàng, mà thực đơn đó “*chỉ có ở bảo tàng*”, “*chỉ đến bảo tàng mới được thưởng thức*” thì các bảo tàng ở Hội An sẽ thu hút du khách đến ngày càng nhiều hơn. Nếu chúng ta làm tốt các hoạt động dịch vụ này cũng góp phần hỗ trợ công tác tuyên truyền phát huy tại bảo tàng, tăng thêm thu nhập cho bảo tàng, và một điều chắc chắn là các bảo tàng ở Hội An sẽ phát triển tốt hơn♦



TIN TỨC SỰ KIẾN

Xây dựng mô hình di tích Chùa Cầu tại Công viên Hội An ở thành phố Thanh Hoá

Tú Anh

Trong những năm qua, thành phố Hội An và thành phố Thanh Hoá đã tổ chức nhiều hoạt động, sự kiện văn hóa, trong đó có việc xây dựng các công trình mang tính biểu tượng, thể hiện tinh thần đoàn kết giữa hai thành phố. Để chuẩn bị cho sự kiện 55 năm kết nghĩa giữa thành phố Thanh Hoá và thành phố Hội An, Thành uỷ, UBND thành phố Hội An đã thống nhất chủ trương đầu tư xây dựng công trình Mô hình di tích Chùa Cầu tại Công viên Hội An ở thành phố Thanh Hoá.

Ngày 06/4/2015, UBND Thành phố đã ban hành công văn số 923/UBND về việc Lập phương án thiết kế xây dựng mô hình di tích Chùa Cầu tại Công viên Hội An ở Thành phố Thanh Hoá. Qua đó, giao cho Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An chủ trì phối hợp với phòng Quản lý Đô thị nghiên cứu, lập phương án thiết kế, dự toán xây dựng công trình để có cơ sở làm việc với lãnh đạo thành phố Thanh Hóa trong chuyển công tác vào tháng 5 đến♦

Trao đổi về âm nhạc ở Hội An của Nhạc sĩ Trương Đình Quang

Ngọc Hương

Vào chiều ngày 08/4/2015, Nhạc sĩ - Nhà nghiên cứu Trương Đình Quang có buổi trao đổi với cán bộ Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An về một số vấn đề liên quan đến âm nhạc ở Hội An và những



trải nghiệm của mình về Hội An trong khoảng thời gian trước đây hơn nửa thế kỷ. Buổi trao đổi diễn ra trong không khí sôi nổi và thân tình. Về âm nhạc ở Hội An, Nhạc sĩ - Nhà nghiên cứu Trương Đình Quang nhấn mạnh đến phong trào âm nhạc phát triển mạnh mẽ ở Hội An trong thời gian trước đây với các nhạc sĩ tài danh như: La Hối, Vương Gia Khương, Vương Quốc Mỹ, Dương Minh Ninh, Dương Minh Hòa, Lê Trọng Nguyễn, Hoàng Tú Mỹ... Trong dịp này, Nhạc sĩ - Nhà nghiên cứu cũng giới thiệu công trình nghiên cứu về nghệ thuật diễn xướng dân gian ở Hội An với các thể loại như là bài chòi, bả trạo, đồng dao,...♦

Bàn giao mặt bằng thi công tu bổ nhà 120 Trần Phú - Hội An

Thân Danh

Ngôi nhà số 120 Trần Phú là di



tích thuộc loại 2 theo phân loại giá trị bảo tồn kiến trúc KPC Hội An, hiện nay di tích đang trong tình trạng xuống cấp nghiêm trọng nên UBND thành phố Hội An đã có chủ trương cho phép triển khai thi tu bổ cùng với việc thực hiện hoàn tất các thủ tục đầu tư tại công văn số 883/UBND ngày 02/4/2015. Vào ngày 14/4/2015, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã tiến hành bàn giao mặt bằng thi công tu bổ, tôn tạo di tích cho đơn vị thi công. Tổng mức đầu tư tu bổ di tích là 1.631.141.000 đồng, từ nguồn vốn hỗ trợ của Tỉnh, Thành phố và vốn của Chủ di tích, trong đó nguồn vốn nhà nước là 60% và chủ di tích là 40%♦

Bổ sung di tích Đình Sơn Phong vào ô vé tham quan khu phố cổ

Hồng Việt



Đình Sơn Phong tọa lạc ở số 350 Nguyễn Duy Hiệu là di tích có giá trị cao về mặt lịch sử, văn hóa và khoa học, đã được cấp bằng xếp hạng cấp quốc gia vào năm 1991. Ngoài giá trị về mặt kiến trúc nghệ thuật, bên trong di tích còn lưu giữ nhiều hiện vật quý, đặc biệt là bức hoành “*Cứu thế độ*

nhân” niên đại năm 1715. Xét giá trị nhiều mặt của di tích cũng như nhằm góp phần đa dạng các điểm tham quan tại khu di sản văn hóa thế giới Hội An, UBND thành phố Hội An đã thống nhất chủ trương đưa di tích đình Sơn Phong vào ô vé tham quan của Thành phố theo công văn số 1057/UBND ngày 16/4/2015. Sắp tới UBND phường Sơn Phong sẽ xây dựng phương án cụ thể để quản lý và phát huy di tích cũng như tổ chức các hoạt động thử nghiệm trước khi đưa vào ô vé tham quan chính thức♦

Trung tâm truyền hình Thông tấn xã Việt Nam làm phim tư liệu về Khu phố cổ Hội An

Ngọc Hương

Vào ngày 17/4/2015, Trung tâm truyền hình Thông tấn xã Việt Nam đã có buổi làm việc và quay phim tư liệu về khu phố cổ Hội An. Với mục đích làm phóng sự về công tác trùng tu tôn tạo các di tích trong khu phố cổ, những khó khăn vướng mắc trong quá trình tu bổ di tích, đoàn làm phim đã có buổi ghi hình tại các di tích nhà số 120 - Trần Phú, 77 - Trần Phú, 69/5 Phan Chu Trinh, 58/7 Lê Lợi, nhà cổ Quân Thắng. Trong dịp này, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã có buổi làm việc với Trung tâm truyền hình Thông tấn xã Việt Nam, cung cấp thông tin tư liệu và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động ghi hình được diễn ra ở các di tích của Khu phố cổ Hội An♦

**Thống nhất chủ trương
lập quy hoạch tổng thể nâng cấp,
cải tạo công trình nhà thờ
Công giáo Hội An**

Tú Anh



Nhà thờ công giáo Hội An là công trình kiến trúc tôn giáo có giá trị về mặt văn hoá, lịch sử, đã được xếp hạng di tích cấp Tỉnh năm 2008 và là điểm thu hút du khách khi đến tham quan phố cổ Hội An.

Hiện nay, các hạng mục công trình của nhà thờ đã xuống cấp, không đồng nhất về quy hoạch, kiến trúc cần phải được nâng cấp, cải tạo tổng thể để phục vụ tốt hơn nhu cầu sinh hoạt tôn giáo của đồng bào giáo dân tại Hội An, cũng như tạo điểm tham quan, hành hương của du khách và các giáo hữu đạo Thiên Chúa. Nhằm bảo tồn và phát huy tốt các giá trị của ngôi nhà thờ, ngày 17/4/2015 UBND Thành phố đã ban hành công văn 1091/UBND thống nhất chủ trương cho phép Giáo xứ Hội An xúc tiến lập quy hoạch tổng thể nâng cấp, sửa chữa các hạng mục công trình của nhà thờ♦

**Triển khai thực hiện
công tác tư liệu tại di tích nhà
thờ tộc Lâm - số 120 Trần Phú**

Hồng Việt

Nhằm kịp thời cứu di tích khỏi nguy cơ bị sụp đổ, vào ngày 16/4/2015 Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã phối hợp với gia tộc Lâm bàn giao di tích nhà thờ tộc Lâm - số 120 Trần Phú cho đơn vị thi công để tiến hành tu bổ. Đồng thời Trung tâm cũng tiến hành thực hiện công tác tư liệu về ngôi nhà thờ. Kết quả bước đầu cho thấy, tại ngôi nhà thờ còn bảo tồn nhiều di vật là hoành phi, liễn đối, tranh kính, đồ tự khí và gia dụng,... bằng gỗ, sứ và kim loại có giá trị cao về mặt khoa học, phản ánh bề dày lịch sử ngôi nhà cũng như gia tộc Lâm tại khu phố cổ Hội An. Việc thực hiện công tác tư liệu tại ngôi nhà thờ một mặt góp phần nhận diện đầy đủ các giá trị của di tích, mặt khác sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn trong việc bài trí thờ tự, trang trí nội thất ngôi nhà thờ đúng nguyên gốc sau khi được tu bổ bàn giao đưa vào sử dụng♦

**Đón tiếp và làm việc với
Đoàn Ủy Ban Quốc gia về Quản
lý tài nguyên đất và Quy hoạch
Đô thị Campuchia**

Văn Vĩnh

Ngày 21/04/2015, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An và Phòng Quản lý Đô thị đã có buổi đón tiếp và làm việc với đoàn đại biểu Ủy ban Quốc gia về quản lý tài nguyên đất và quy hoạch đô thị Campuchia. Mục đích của đoàn là tham quan tìm



hiểu lịch sử và kiến trúc khu phố cổ Hội An, trao đổi kinh nghiệm trong công tác bảo tồn di sản và quản lý đô thị có sự tham gia của cộng đồng địa phương để rút kinh nghiệm xây dựng hồ sơ di sản văn hóa thế giới cho phố cổ Battambang. Sau khi được nghe giới thiệu về công tác quản lý di sản văn hóa ở Hội An và tác động của hoạt động du lịch - môi trường lên di sản, đoàn đã được lãnh đạo Trung tâm và Phòng Quản lý đô thị trao đổi các giải pháp, kinh nghiệm giải quyết các thách thức mà khu phố cổ Hội An đang phải đối mặt; quá trình xây dựng hồ sơ công nhận di sản thế giới, việc thực hiện các hướng dẫn của UNESCO cũng như mối quan hệ giữa quy hoạch đô thị và bảo tồn di sản. Thông qua buổi làm việc này, đoàn hi vọng rằng mối quan hệ hợp tác giữa 2 bên sẽ được thắt chặt hơn nữa trong thời gian tới đặc biệt trong công tác quản lý và bảo tồn di sản do những đặc điểm tương đồng giữa Khu di sản văn hóa thế giới Đô thị cổ Hội An và đô thị cổ Battambang đang được xây dựng hồ sơ đệ trình công nhận là di sản văn hóa thế giới♦

Lễ giỗ tổ và khánh thành nhà thờ tộc Nguyễn Văn ở Thanh Hà

Hoàng Phúc

Vào sáng ngày 24/4/2015 (*nhằm ngày mùng 6/3 năm Ất Mùi*), Hội đồng gia tộc cùng con cháu tộc Nguyễn Văn, phường Thanh Hà, thành phố Hội An đã long trọng tổ chức lễ giỗ tổ tiên hiền tộc, đồng thời khánh thành ngôi từ đường mới được tu bổ và tổng kết 10 năm xây dựng tộc văn hóa (2005-2015). Tham dự buổi lễ khánh thành và tổng kết 10 năm xây dựng tộc văn hóa có đại diện lãnh đạo một số ban ngành của thành phố, lãnh đạo phường Thanh Hà và đông đảo bà con, con cháu nội ngoại trong tộc họ. Được biết Tộc Nguyễn Văn cùng với những tộc họ khác như Lê, Phạm, Bùi, Nguyễn Việt, Nguyễn Đức... đã đến định cư và lập nên làng Thanh Hà từ rất sớm, vào khoảng thế kỷ XVI - XVII. Theo diễn trình lịch sử, con cháu trong tộc phát triển đông đúc và chia thành nhiều phái, chi khác nhau và có nhiều đóng góp cho quê hương Thanh Hà nói riêng, thành phố Hội An nói chung♦

Gặp mặt Cộng tác viên quản lý bảo tồn di sản văn hóa quý I/2015

Quỳnh Phương

Ngày 25/4/2015, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An tổ chức buổi gặp mặt các cộng tác viên quản lý bảo tồn di sản văn hóa quý I năm 2015. Tại buổi gặp mặt, các cộng tác viên đã trao đổi sôi nổi những vấn đề còn vướng mắc, thiếu sót trong



công tác quản lý, bảo tồn di sản văn hóa thế giới khu phố cổ Hội An nói riêng, di sản văn hóa Hội An nói chung để Trung tâm tham mưu Ủy ban Nhân dân thành phố Hội An đưa ra những giải pháp thực hiện phù hợp, nhằm bảo tồn và phát huy tốt di sản văn hoá Hội An.

Ngoài ra, tại buổi gặp mặt Trung tâm còn phát động, triển khai cho cộng tác viên khảo sát thông tin về “*gánh hàng rong*”, tiếp tục sưu tầm ảnh xưa và các địa chỉ văn hoá lịch sử ở khu phố cổ Hội An. Đây là các hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo tồn, phát huy di sản văn hoá Hội An trong tương lai♦

Lễ tế xuân và khánh thành miếu Âm Hồn, phường Tân An

Ngọc Hương

Vào sáng ngày 08/5/2015 (*nhằm ngày 20/3 năm Ất Mùi*), Ban Quản lý di tích miếu Âm Hồn và cùng đông đảo bà con nhân dân Khối An Phong - Phường Tân An đã long trọng tổ chức lễ tế xuân và khánh thành ngôi miếu vừa được nhà nước đầu tư tu bổ. Tham dự buổi lễ khánh thành và tế xuân cầu an có đại diện lãnh đạo các ban ngành của thành phố Hội An, lãnh đạo Đảng,



chính quyền phường Tân An và đông đảo bà con nhân dân khối An Phong - Tân An. Sau lễ khánh thành là lễ cúng Âm linh và lễ tế thần được diễn ra trong không khí tôn nghiêm để tưởng nhớ và tri ân các vị tiên nhân có công dựng làng, lập xóm, hình thành những mỹ tục tốt đẹp được bảo tồn và phát triển trong cộng đồng cư dân địa phương. Được biết miếu Âm Hồn được Ủy Ban Nhân dân thành phố Hội An thống nhất giao cho Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa làm chủ đầu tư để tu bổ, tôn tạo di tích trong năm 2014 từ 100% nguồn vốn nhà nước nhằm kịp thời bảo tồn và phát huy các giá trị của di tích♦

Bàn giao mặt bằng thi công tu bổ, tôn tạo cảnh quan và gắn bia thông tin di tích ở Cù Lao Chàm

Trung Hưng

Ngày 08/5 vừa qua, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An phối hợp với các ban ngành trên địa bàn Thành phố và UBND xã Tân Hiệp tiến hành bàn giao mặt bằng thi công các công trình: Tu bổ nhỏ, tôn tạo cảnh quan và gắn bia thông tin di tích ở Cù Lao Chàm. Tổng kinh phí đầu tư là 696.970.000 đồng, từ nguồn

ngân sách của thành phố Hội An. Việc tu bổ, tôn tạo cảnh quan gắn bia thông tin di tích ở Cù Lao Chàm nhằm bảo tồn các giá trị lịch sử, văn hóa và nghệ thuật của di tích. Đồng thời tăng cường thông tin về di tích, tăng sức hấp dẫn của di tích nhằm tạo thêm nhiều điểm tham quan thu hút du khách khi đến với Cù Lao Chàm♦

Sinh hoạt chuyên đề về Văn hóa biển đảo ở Hội An

Hồng Việt



Chiều ngày 14/5, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã tổ chức buổi sinh hoạt chuyên đề về Văn hóa biển đảo ở Hội An, do ông Trần Văn An - Phó Giám đốc Trung tâm chủ trì và báo cáo đề dẫn. Buổi sinh hoạt chuyên đề tập trung trao đổi những thông tin về điều kiện tự nhiên liên quan đến biển đảo ở Hội An; các tư liệu ghi chép về biển đảo; những kinh nghiệm, tri thức dân gian liên quan đến biển đảo ở Hội An; yếu tố biển đảo trong văn nghệ dân gian ở Hội An như truyện kể, ca dao, hò vè, câu đố và các loại hình diễn xướng dân gian; biển đảo trong sinh hoạt ngành nghề như đánh bắt hải sản, nghề thủ công, gia công chế biến, buôn bán,

dịch vụ ở Hội An. Tín ngưỡng dân gian liên quan đến biển đảo ở Hội An. Buổi sinh hoạt chuyên đề này là một hoạt động có ý nghĩa thiết thực góp phần nâng cao nhận thức về văn hóa biển đảo ở Hội An nói riêng, tầm quan trọng của biển đảo trong đời sống của cộng đồng cư dân và chủ quyền tổ quốc nói chung♦

Thành lập Ban điều hành Chương trình "Xây dựng Hội An - Thành phố du lịch không khói thuốc lá"

Tú Anh

Thực hiện Công ước chung về kiểm soát thuốc lá của Chính phủ và thực hiện theo Đề án xây dựng Hội An - Thành phố sinh thái, văn hoá, du lịch. Đồng thời, tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền về phòng, chống tác hại của thuốc lá, qua đó nâng cao nhận thức, hiểu biết của cộng đồng về tác hại của thuốc lá đối với sức khỏe, kinh tế, môi trường....tăng cường trách nhiệm trong thực thi nghiêm các quy định của Luật phòng chống tác hại của thuốc lá trên địa bàn thành phố Hội An, góp phần xây dựng thành công Hội An - thành phố du lịch không khói thuốc lá.

Ngày 19/5/2015, UBND Thành phố Hội An đã ban hành công văn số 821/QĐ -UBND về việc thành lập Ban điều hành Chương trình "*Xây dựng Hội An - Thành phố du lịch không khói thuốc lá*". Theo đó, Ban điều hành gồm 26 thành viên do ông Nguyễn Văn Sơn - Phó Chủ tịch UBND Thành phố làm Trưởng ban và ông Trần Hoà -

Trưởng phòng Y tế làm Phó ban. Các thành viên còn lại là lãnh đạo các cơ quan, ban ngành, đoàn thể trên địa bàn Thành phố♦

Tham vấn cộng đồng về di sản văn hóa ở xã Cẩm Kim - Hội An

Ngọc Hương



Vào ngày 20 - 21/5/2015, tại UBND xã Cẩm Kim, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An phối hợp với UBND xã tổ chức đợt tham vấn cộng đồng về di sản văn hóa ở Cẩm Kim. Các buổi tham vấn có sự tham gia của nhiều vị cao niên có am hiểu về các vấn đề kinh tế - xã hội, di sản văn hóa vật thể và phi vật thể trên địa bàn xã Cẩm Kim. Qua đợt tham vấn này, Trung tâm đã thu thập được nhiều thông tin có giá trị đồng thời tiếp thu nhiều ý kiến tâm huyết của các vị cao niên cho sự phát triển kinh tế xã hội của xã nhà. Dựa trên những thông tin đã thu thập được, Trung tâm sẽ tiến hành điều tra, tham vấn sâu về từng loại hình di sản văn hóa, để từ đó có những tổng hợp, đánh giá và tham mưu những giải pháp cụ thể cho việc phát triển kinh tế - xã hội ở Cẩm Kim trong thời gian đến♦

Bổ sung lăng Nghĩa Trùng ở phường Cẩm An vào danh mục di tích bảo vệ của Thành phố

Nguyễn Cường

Vừa qua, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An tiến hành khảo sát lập hồ sơ khoa học cho lăng Nghĩa Trùng ở khối Tân Mỹ, phường Cẩm An. Qua khảo sát cho thấy đây là công trình có vai trò quan trọng trong đời sống văn hóa của nhân dân các phường Cẩm An và Cửa Đại từ trước đến nay. Với đối tượng thờ tự là các bậc tiền nhân, những chiến sĩ trận vong, người tử nạn không có người thân, người mất bị xiêu mò lạc nấp. Thông qua việc thờ tự tại di tích đã thể hiện rõ truyền thống nhân văn sâu sắc được định hình trong quá trình cộng cư của nhân dân địa phương. Đặc biệt, hiện ở lăng Nghĩa Trùng còn lưu giữ tám bia đá được lập vào năm Tự Đức thứ 27 cho biết tại khu vực cửa sông, ven biển Hội An từng tồn tại một Tấn tại Cửa biển mang tính chất là tổ chức phòng thủ địa phương được nhà Nguyễn lập nên để canh phòng, bảo vệ khu vực trọng yếu này.

Với những giá trị về lịch sử, văn hóa của lăng Nghĩa Trùng; đồng thời để có điều kiện nghiên cứu, bảo tồn, phát huy giá trị này trong thời gian đến; Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã lập văn bản trình và được UBND Thành phố thống nhất chủ trương bổ sung lăng Nghĩa Trùng vào danh mục di tích lịch sử - văn hóa của Thành phố tại văn bản số 200/TB-UBND ngày 22/5/2015♦

Triển lãm tranh với chủ đề “Lớp trẻ”

Thu Hà



Nằm trong chương trình tổ chức các hoạt động nhằm thu hút khách tham quan đến với Hội An, từ ngày 23/5 đến ngày 06/6/2015 tại phòng triển lãm tranh số 46 - Nguyễn Thái Học đã tổ chức triển lãm mỹ thuật với chủ đề “Lớp trẻ”. Triển lãm đã trưng bày giới thiệu 41 bức tranh khắc gỗ và chất liệu sơn dầu của 3 họa sĩ đến từ Hà Nội gồm họa sĩ Nguyễn Văn Chuyên, Nguyễn Đình Văn và Lê Hiếu. Triển lãm đã diễn ra thành công tốt đẹp, thu hút đông đảo người dân và du khách trong và ngoài nước đến tham quan♦

Tiếp và làm việc với Trung tâm Bảo tồn Di sản Thăng Long - Hà Nội

Văn Vĩnh

Ngày 25/05/2015, lãnh đạo Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã có buổi đón tiếp và làm việc với Trung tâm Bảo tồn Di sản Thăng Long - Hà Nội. Mục đích của chuyến công tác đến Hội An lần này của đoàn là trao đổi và học hỏi kinh nghiệm về quản lý bảo tồn di sản văn



hoá có sự tham gia của cộng đồng địa phương. Tại buổi làm việc, ông Võ Đăng Phong - Phó Giám đốc Trung tâm đã chia sẻ với đoàn những kinh nghiệm cũng như những khó khăn thách thức trong quá trình quản lý, bảo tồn di sản văn hóa tại Hội An và việc khuyến khích người dân địa phương cùng tham gia vào công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản. Kết thúc buổi làm việc, đại diện Trung tâm Bảo tồn Di sản Thăng Long - Hà Nội đánh giá cao những nỗ lực trong công tác quản lý và bảo tồn di sản của Trung tâm và thể hiện mong muốn thắt chặt hơn nữa mối quan hệ hợp tác giữa hai bên trong thời gian tới. Được biết ngoài khu di sản Hội An đoàn cũng thăm và làm việc với Trung tâm Bảo tồn Di tích cố đô Huế và Ban Quản lý Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng♦

Tổ chức nhóm nhạc “Tiếng dương cầm - Cung đàn tuổi thơ” tại đề án “Phố đêm” và khôi phục lại nhóm nhạc “Cung đàn xưa” tại đề án “Đêm phố cổ” tại Khu phố cổ Hội An

Tú Anh

Nhằm tạo thêm điểm sinh hoạt nghệ thuật định kỳ trong Khu phố cổ, tạo sân chơi và tạo điều kiện cho các

cháu thiếu nhi thể hiện năng khiếu của mình; nhằm góp phần phát huy truyền thống âm nhạc cổ điển, nhạc thính phòng của cộng đồng người dân Hội An, góp phần định hướng thị hiếu cũng như tạo thêm các sản phẩm văn hoá du lịch tại khu phố cổ.

Sau một thời gian thử nghiệm, Trung tâm Văn hoá - Thể thao phối hợp với ngành Giáo dục - Đào tạo chính thức đưa hoạt động của nhóm nhạc “*Tiếng dương cầm - Cung đàn tuổi thơ*” vào hoạt động “*Phố đêm*” và khôi phục lại nhóm nhạc “*Cung đàn xưa*” tại hoạt động “*Đêm phố cổ*” đã tạm dừng gần hai năm qua.

Tại Đề án “*Phố Đêm*”: Thời gian từ 19h00 đến 20h00 vào ngày thứ 6 của tuần thứ nhất và tuần thứ ba hàng tháng, bắt đầu từ tháng 5/2015 tại nhà số 78 đường Lê Lợi sẽ tổ chức nhóm nhạc “*Tiếng dương cầm - Cung đàn tuổi thơ*”.

Tại Đề án “*Đêm phố cổ*” (*đêm 14 âm lịch hàng tháng*) tại điểm dừng chân nhà số 31 Nguyễn Thái Học. Từ 19h00 đến 21h00, bắt đầu từ 14/4AL (ngày 31/5/2015)♦

trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và Nghị quyết đại hội Công đoàn các cấp, niềm tự hào về truyền thống vẻ vang của giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn Việt Nam trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, thống nhất đất nước; phát huy mạnh mẽ vai trò nòng cốt, đi đầu của giai cấp công nhân trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, đóng góp xây dựng phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

Toàn thể Công đoàn viên Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hoá Hội An quyết tâm hưởng ứng và thực hiện bằng những việc làm cụ thể thông qua việc thực hiện các công trình, sản phẩm, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, thiết thực lập thành tích chào mừng kỷ niệm 125 năm Ngày sinh chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2015) và 129 năm Ngày quốc tế lao động (01/5/1886 - 01/5/2015), hướng tới chào mừng đại hội Đảng bộ Trung tâm, đại hội Đảng các cấp và 86 năm Ngày thành lập công đoàn Việt Nam (18/7/1930 - 28/7/2015)♦

Lễ Phật Đản năm 2015 tại Hội An

Phước Tịnh

Nằm trong chương trình Đại lễ Phật đản Phật lịch 2559, từ ngày 24/5 - 31/5/2015 (*nhằm ngày 7/4 - 14/4 Âm lịch*), Ban Trị sự giáo hội Phật giáo thành phố Hội An đã long trọng tổ chức nhiều hoạt động trên địa bàn Thành phố như Lễ thả sáng 7 hoa sen trên sông Hoài, trà đạo tại Thiền thất Bảo Châu, lễ rước Phật từ tổ đình Chúc Thánh đến lễ đài chính chùa Pháp Bảo, Lễ tắm Phật, Khai kinh lễ

Hưởng ứng “Tháng Công nhân” năm 2015

Lệ Phương

Thực hiện Hướng dẫn số 10/HD-LĐLĐ ngày 19/3/2015 của Liên đoàn Lao động Tỉnh về việc Hưởng dẫn tổ chức “*Tháng Công nhân*” năm 2015 (*tháng 5/2015*). Đồng thời nhằm đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức của đoàn viên, công nhân viên chức lao động về các Nghị quyết, Chủ



đài. Đây là những hoạt động được tổ chức thường niên của Giáo hội Phật giáo thành phố Hội An nhân ngày Đức Phật ra đời. Đặc biệt, năm nay nhiều hoạt động mới được đưa vào tổ chức như Hội thi múa lân, Hội đua ghe ngang trên sông Hoài, Khóa lễ hệ phái Khất sĩ, Khóa lễ hệ phái Nam Tông.... Lễ kỷ niệm Đức Phật Đản sinh chính thức diễn ra vào đêm 14/4 Âm lịch, tham dự lễ bao gồm các chức sắc, Tăng ni, Phật tử trong và ngoài Thành phố, cùng du khách nước ngoài đến tham dự. Lễ Phật đản 2015 góp phần làm phong phú thêm đời sống văn hóa, tôn giáo tín ngưỡng của các tầng lớp cư dân tại Hội An♦

Ban hành Danh sách các tổ chức được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích

Nữ Phương

Ngày 01/6/2015, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Công văn số 2169/BVHTTDL-DSVH về việc lựa chọn nhà thầu tham gia hoạt động bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích. Ban hành kèm theo công văn này là danh sách 70 tổ chức được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề

bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định tại Thông tư số 18/2012/TT-BVHTTDL ngày 28/12/2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số quy định về bảo quản tu bổ, phục hồi di tích. Trong danh sách này, tỉnh Quảng Nam có hai đơn vị là Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng Văn Khang và Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Khang Thịnh tại Hội An♦

Đại hội Đảng bộ Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An lần thứ VI, nhiệm kỳ 2015 - 2020

Lệ Xuân



Trong không khí cả nước tiến hành tổ chức Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, được sự thống nhất của Ban Thường vụ Thành ủy Hội An, vào ngày 03/6/2015, Đảng bộ Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An tổ chức Đại hội Đảng bộ lần thứ VI, nhiệm kỳ 2015-2020.

Báo cáo chính trị tại Đại hội đã đánh giá thực chất những kết quả đạt được, những hạn chế, tồn tại, đồng thời nêu lên nguyên nhân của những ưu, khuyết điểm và rút ra bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện Nghị

quyết Đại hội Đảng bộ Trung tâm lần thứ V, nhiệm kỳ 2010-2015. Đại hội cũng xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhiệm kỳ 2015-2020. Phương hướng chung và mục tiêu chủ yếu của Đảng bộ Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An nhiệm kỳ mới là: *"Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị; Năng động, sáng tạo, tích cực cải cách hành chính, quyết tâm thực hiện tốt Đề án xác định vị trí việc làm và có nhiều đóng góp xuất sắc cho sự nghiệp bảo tồn, phát huy di sản văn hóa Hội An"*.

Sau thời gian làm việc với tinh thần dân chủ và đoàn kết, thống nhất cao, Đại hội Đảng bộ Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An lần thứ VI đã thành công tốt đẹp. Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ, nhiệm kỳ 2015-2020 gồm 07 đồng chí và bầu ra đoàn đại biểu tham dự Đại hội cấp trên gồm 4 đồng chí chính thức và 1 đồng chí dự khuyết♦

Thống nhất chủ trương cho phép xây dựng bảo tàng tàu cổ tại Cù Lao Chàm - Hội An

Tú Anh

Ủy Ban Nhân dân thành phố Hội An nhận được Tờ trình của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Đoàn Ánh Dương về việc xin chủ trương đầu tư xây dựng bảo tàng tàu cổ tại Cù Lao Chàm - Hội An. Qua xem xét nội dung văn bản trình và được sự đồng ý của Thường vụ Thành ủy, ngày 04/6/2015, UBND Thành phố đã ban hành công văn số 1654/UBND về việc thống nhất

chủ trương cho phép Công ty cổ phần đầu tư phát triển Đoàn Ánh Dương được đầu tư xây dựng bảo tàng tại Cù Lao Chàm để trưng bày, giới thiệu cho nhân dân và du khách về các cổ vật được khai quật từ tàu cổ đắm tại vùng biển Cù Lao Chàm - Hội An♦

Nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng di tích Chùa Kim Bửu - Xã Cẩm Kim - thành phố Hội An

Trung Hưng



Di tích chùa Kim Bửu - xã Cẩm Kim - thành phố Hội An có giá trị cao về mặt kiến trúc, lịch sử và văn hóa, được UBND tỉnh Quảng Nam xếp hạng di tích cấp Tỉnh năm 2011. Do di tích bị xuống cấp nặng, vào năm 2014, UBND Thành phố thống nhất chủ trương đầu tư tu bổ di tích và giao Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An làm chủ đầu tư. Công trình được tu bổ từ tháng 12/2014, đến nay công trình đã được tu bổ hoàn thành với tổng kinh phí đầu tư là 941.300.000 đồng, từ nguồn ngân sách Thành phố dành cho việc đầu tư, tu bổ di tích.

Vào chiều ngày 05/6/2015, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa

Hội An đã phối hợp với các ban ngành trên địa bàn Thành phố tiến hành nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng di tích chùa Kim Bửu - xã Cẩm Kim♦

**Tiếp và làm việc với
bà Yamaguchi Rika - Cố vấn cao
cấp chương trình Tình nguyện
viên JICA - Nhật Bản**

Văn Vĩnh



Chiều ngày 05/6/2015, lãnh đạo Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã có buổi đón tiếp và làm việc với bà Yamaguchi Rika - Cố vấn cao cấp chương trình Tình nguyện viên JICA - Nhật Bản. Mục đích của chuyến công tác đến Hội An lần này của bà Yamaguchi Rika là trao đổi về việc phái cử Tình nguyện viên Nhật Bản đến làm việc tại Trung tâm. Tại buổi làm việc, ông Nguyễn Chí Trung - Giám đốc Trung tâm đã trao đổi với bà về chương trình làm việc cụ thể của Tình nguyện viên dự kiến sẽ đến làm việc trong tháng 8/2015. Ngoài ra, Trung tâm cũng mong muốn JICA cử thêm một tình nguyện viên trong thời gian tới nhằm hỗ trợ nâng cao năng lực cho cán bộ Trung tâm đặc biệt là đội ngũ cán bộ trẻ về bảo tồn kiến trúc gỗ. Kết thúc buổi làm việc, bà Yamaguchi Rika đánh giá cao những nỗ lực trong

công tác quản lý và bảo tồn di sản của Trung tâm và thể hiện mong muốn thắt chặt hơn nữa mối quan hệ hợp tác giữa hai bên trong thời gian tới♦

**Tiếp và làm việc với
bà Barbara Torggler - Chuyên gia
trưởng về đánh giá chương trình
của UNESCO**

Văn Vĩnh



Sáng ngày 08/6/2015, lãnh đạo Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã có buổi đón tiếp và làm việc với đại diện văn phòng UNESCO tại Việt Nam do bà Barbara Torggler - Chuyên gia trưởng về đánh giá chương trình của UNESCO làm Trưởng đoàn. Mục đích của chuyến công tác đến Hội An lần này của đoàn là mong muốn gặp gỡ, trao đổi với các cơ quan đối tác để tìm hiểu và đánh giá về tính hiệu quả của các chính sách và các hoạt động lồng ghép văn hóa và phát triển của UNESCO. Tại buổi làm việc, sau khi nghe ông Nguyễn Chí Trung - Giám đốc Trung tâm giới thiệu sơ lược về chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm cũng như cơ chế quản lý di sản đặc thù tại Hội An, hai bên đã thảo luận các vấn đề liên quan về những thay đổi kể từ khi Hội An được UNESCO công nhận là Di sản Văn

hóa Thế giới, việc kế thừa các dự án lồng ghép văn hóa và phát triển của UNESCO, những thách thức mà Hội An đang phải đối mặt trong công tác quản lý và bảo tồn khu di sản. Kết thúc buổi làm việc, bà Barbara Torggler mong muốn có dịp quay trở lại Hội An để tìm hiểu sâu hơn về khu di sản thế giới xinh đẹp này♦

Tập huấn Phần mềm quản lý văn bản và Phần mềm công việc (Q-office) cho các cơ quan đơn vị, xã phường trên địa bàn thành phố Hội An

Tú Anh

Với mục tiêu đẩy mạnh ứng dụng Công nghệ thông tin, nâng cao cải cách hành chính trong bộ máy nhà nước, sử dụng văn bản điện tử thay thế dần văn bản giấy, tiết kiệm chi phí và thời gian, điều hành và giám sát công việc hiệu quả, thành phố Hội An đã triển khai áp dụng phần mềm Quản lý văn bản và điều hành công việc (Q-office) cho các cơ quan đơn vị, xã phường trên địa bàn Thành phố (*thay cho phần mềm điều hành văn bản trước đây còn nhiều hạn chế*). Theo đó, trong hai ngày 11 - 12/6/2015, UBND thành phố Hội An đã tổ chức tập huấn phần mềm Quản lý văn bản và điều hành công việc cho hơn 70 lãnh đạo và 150 cán bộ, công chức các cơ quan ban, ngành, xã phường. Đợt tập huấn được chia thành 4 lớp: lớp 1 dành cho lãnh đạo các cơ quan, ban ngành, xã phường; các lớp còn lại dành cán bộ phụ trách văn phòng và chuyên viên, cán bộ, công chức. Qua đợt tập huấn lần này, tất cả lãnh đạo,

cán bộ, viên chức, công chức được tập luyện và thực hiện thành thạo các thao tác, cách thức xử lý văn bản trên mạng thông qua phần mềm mới góp phần thực hiện công việc tại cơ quan, đơn vị hiệu quả hơn trong thời gian tới♦

Sưu tầm tư liệu về Hội An tại các Trung tâm lưu trữ Quốc gia I và III, Viện nghiên cứu Hán Nôm tại Hà Nội

Phước Tịnh

Thực hiện chương trình công tác năm 2015, trong những ngày từ 06 đến 13/6/2015, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An tiến hành sưu tầm tư liệu về Hội An tại các Trung tâm lưu trữ quốc gia I và III, Viện nghiên cứu Hán Nôm thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam tại Hà Nội. Qua 7 ngày làm việc, bước đầu đã lập được danh mục tài liệu, tư liệu về Hội An, Quảng Nam như châu bản triều Nguyễn thời Gia Long, Minh Mạng, Duy Tân, Thành Thái; địa bạ các làng Hoa Phô, Đế Võng, Thanh Hà, Tân An, Minh Hương, Kim Bồng châu... hay tập Quảng Nam xã chí, Quảng Nam tỉnh tập biên, các tư liệu tiếng Pháp; Các báo cáo, công văn, nghị định của Ủy ban Kháng chiến hành chính miền Nam Trung Bộ, của Phủ Thủ tướng giai đoạn 1945-1954. Thông qua việc sưu tầm, xử lý tư liệu thu thập được sẽ góp phần nhận diện rõ hơn lịch sử - văn hóa Hội An qua các thời kỳ, qua đó có những đề xuất hữu ích cho việc nghiên cứu, bảo tồn, phát huy di sản văn hóa thế giới Hội An trong thời gian đến♦

**Nghiên cứu về Di sản
Văn hóa Phi vật thể Hội An
của nhà nghiên cứu người Anh
Sophie Organ**

Lê Thị Tuấn

Khi nói đến di sản văn hóa Hội An, mỗi chúng ta đều nghĩ đến nét kiến trúc cổ kính của Khu phố cổ Hội An, nhưng đó mới chỉ là cái hiện hữu gọi là văn hóa vật thể, cùng với đó còn những giá trị văn hóa phi vật thể như nếp ăn, ở, mặc, cách ứng xử, các tập tục, lễ hội, nghề truyền thống,... đã hun đúc nên phần hồn không thể thiếu của Khu phố cổ Hội An. Ngày nay, những giá trị văn hóa phi vật thể này được các nhà quản lý, nhà nghiên cứu trong và ngoài nước quan tâm bảo tồn theo hướng nguyên trạng và bảo tồn thích nghi để phục vụ nền kinh tế du lịch một cách bền vững. Đây cũng là nội dung nghiên cứu của bà Sophie Organ - quốc tịch Anh, thuộc Trường đại học LONDON, S GLOBAL. Trong thời gian nghiên cứu tại Hội An từ ngày 18 - 26/6/2015, bà đã tâm sự: *“Tuy tôi đến Hội An mới chỉ hai lần nhưng Hội An là một trong những điểm đến tôi yêu thích nhất! Tôi luôn mong được tìm hiểu về những thay đổi nơi đây, đặc biệt là phương pháp bảo vệ và quảng bá di sản văn hóa rất thành công của Hội An. Tôi cũng hy vọng mình có thể đóng góp phần nào trong thời gian lưu trú tại Hội An”*♦

**Tập huấn quốc tế
về khảo cổ học dưới nước**

Công Trung



Nhằm mục đích tăng cường chuyên môn nghiệp vụ về khảo cổ học dưới nước cho cán bộ chuyên môn của Việt Nam và các quốc gia Đông Nam Á. Từ ngày 14/6/2015 đến ngày 12/7/2015, Viện Khảo cổ học Việt Nam phối hợp cùng các chuyên gia, các tổ chức quốc tế tổ chức khóa tập huấn khảo cổ học dưới nước tại thành phố Hội An - tỉnh Quảng Nam.

Tham dự khóa tập huấn gồm có 37 thành viên là các chuyên gia, học viên đến từ 13 quốc gia: Việt Nam, Úc, Srilanka, Cambodia, Philippin, Nhật Bản, Hoa Kỳ, Thái Lan, Ailen, Hà Lan, Hungari, Tây Ban Nha, Indonesia. Thông qua khóa tập huấn này, các học viên đã được tiếp cận rất nhiều kiến thức, kỹ năng thực hiện công tác khảo cổ học dưới nước do các chuyên gia hướng dẫn. Bên cạnh đó, các thành viên còn tham gia xử lý liên vật gồm vớt biển tại kho hiện vật tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An. Ngoài ra, khóa huấn này còn góp phần tăng cường sự giao lưu và trao đổi chuyên môn giữa các cán bộ làm công tác khảo cổ dưới nước trong khu vực Đông Nam Á và

thế giới qua đó tăng cường hơn nữa mối quan hệ hợp tác quốc tế giữa các nước trên lĩnh vực này♦

Ban hành Quy chế quản lý, bảo tồn, sử dụng di tích khu phố cổ Hội An được điều chỉnh bổ sung

Quỳnh Phương

Ngày 23/6/2015, UBND thành phố Hội An ra Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND về việc Ban hành Quy chế quản lý, bảo tồn, sử dụng di tích khu phố cổ Hội An đã được điều chỉnh, bổ sung. Quy chế này có 5 chương, 32 điều, được điều chỉnh, bổ sung trên cơ sở quy chế cùng tên ban hành vào năm 2006 tại Quyết định số 2337/2006/QĐ-UBND ngày 10/10/2006. Việc điều chỉnh, bổ sung và ban hành lại Quy chế quản lý, bảo tồn, sử dụng di tích khu phố cổ Hội An đã kịp thời đáp ứng nhiệm vụ bảo tồn và phát huy hữu hiệu khu di sản văn hóa thế giới khu phố cổ Hội An phù hợp với điều kiện thực tế cũng như các văn bản quy phạm pháp luật về di sản văn hóa hiện hành và những quy định về bảo tồn di sản của quốc tế. Bên cạnh đó tạo điều kiện thuận lợi cho chủ di tích, những cá nhân và tổ chức liên quan trong việc bảo tồn và sử dụng di tích trong khu phố cổ Hội An. Quy chế quản lý, bảo tồn, sử dụng di tích khu phố cổ Hội An được điều chỉnh, bổ sung có hiệu lực từ ngày 01/7/2015 và thay thế cho các quy chế, quản lý, bảo tồn, sử dụng di tích Khu phố cổ Hội An đã được ban hành trước đây♦

**Nhận giải thưởng
Văn học Nghệ thuật Đất Quảng**

Hoàng Vinh

Vào ngày 25/6/2015, Tại Trung tâm Văn hóa Quảng Nam, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Nam đã tổ chức trao thưởng các tác phẩm đạt giải thưởng Văn học - Nghệ thuật đất Quảng lần II (2009 - 2013). Tham dự giải lần này có 185 tác phẩm thuộc 9 loại hình văn học nghệ thuật. Ban tổ chức đã trao tặng 5 giải A, trong đó có công trình nghiên cứu “*Không gian văn hóa nhà cổ Hội An*” thuộc lĩnh vực văn nghệ dân gian của tác giả Trần Ánh. Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hoá Hội An cũng đã đạt được 3 giải thưởng với công trình “*Ghe bầu trong đời sống văn hóa ở Hội An xứ Quảng*” của tác giả Trần Văn An đạt giải B, các công trình “*Cư dân Faifo - Hội An trong lịch sử*” của tác giả Nguyễn Chí Trung và “*Nghề truyền thống Hội An*” của nhóm tác giả thuộc Trung tâm cùng đạt giải C. Ngoài ra một số nhà nhiếp ảnh ở Hội An như Dương Phú Tâm, Trương Văn Thế, Đặng Kế Đông, Thái Bích Thuận... đã được trao các giải thưởng từ Khuyến khích đến giải B cho các tác phẩm nhiếp ảnh có giá trị nghệ thuật cao.

Giải thưởng Văn học - Nghệ thuật Đất Quảng được tổ chức 5 năm một lần, nhằm khuyến khích sự sáng tạo và tôn vinh các tác giả có những sáng tác văn học nghệ thuật về đất và người Quảng Nam đạt chất lượng cao về nội dung và nghệ thuật của các văn nghệ sĩ, nhà nghiên cứu♦

**Giải bóng đá
công nhân viên chức lao động
thành phố Hội An – 2015**

Hồng Việt



Giải bóng đá công nhân viên chức lao động thành phố Hội An - 2015 do Liên đoàn Lao động thành phố Hội An phối hợp với Trung tâm Văn hóa Thể thao Hội An tổ chức nhằm hướng đến chào mừng kỷ niệm 86 năm ngày thành lập Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (28/7) và Đại hội Đảng bộ thành phố Hội An lần thứ XVII. Giải chính thức mở màn vào chiều ngày 18/6 tại Sân vận động thành phố Hội An. Tham gia giải có 22 đội bóng đến từ các cơ quan, đơn vị, trường học, địa phương trên địa bàn Thành phố, được chia thành 2 khối: khối xã phường và khối cơ quan. Sau 13 ngày thi đấu với nhiều trận bóng hấp dẫn và đầy kịch tính, chức vô địch khối xã phường thuộc về đội bóng phường Sơn Phong, á địch thuộc về đội bóng phường Cẩm An; khối cơ quan, chức vô địch thuộc về đội bóng Phòng Giáo dục - Đào tạo, á địch thuộc về đội bóng liên quân giữa Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa và Tòa án Nhân dân thành phố Hội An.

Đội bóng liên quân giữa Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa và Tòa án Nhân dân thành phố Hội An tham gia giải đấu đã để lại nhiều ấn tượng đẹp và những khoảnh khắc khó quên trong lòng khán giả và cán bộ, công chức, người lao động thành phố Hội An. Trong trận cầu chung kết với đội bóng Phòng Giáo dục - Đào tạo, Đội bóng liên quân giữa Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa và Tòa án Nhân dân thành phố Hội An đã thi đấu với tinh thần đoàn kết, bình tĩnh, tự tin, quyết thắng, song không thể vượt qua trước sức trẻ, trình độ và kỹ thuật chuyên nghiệp của đội bóng đối phương.

Giải bóng đá công nhân viên chức lao động thành phố Hội An bế mạc vào chiều ngày 01/7/2015♦

**Tình hình khách tham quan tại
các điểm Bảo tàng di tích trong 6
tháng đầu năm 2015**

Trang Thi

Nhờ công tác quản lý cũng như công tác quảng bá hình ảnh các điểm Bảo tàng, Di tích đến với các du khách trong và ngoài nước. Trong 6 tháng đầu năm 2015, lượng khách đến với Hội An nói chung và các điểm Bảo tàng, Di tích nói riêng tăng lên đáng kể, cụ thể như sau:

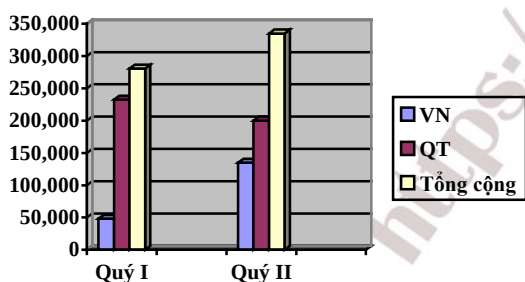
Quý I, tổng lượt khách đến tham quan các Bảo tàng, Di tích là 280,600 lượt khách. Trong đó, Quốc tế là

232,500 lượt khách; Việt Nam là 48,100 lượt khách.

Quý II, tổng lượt khách đến tham quan tại các Bảo tàng, Di tích là 334,915 lượt khách. Trong đó, Quốc tế là 200,046 lượt khách; Việt Nam là 134,869 lượt khách.

Như vậy, tình hình khách đến tham quan tại các điểm Bảo tàng, Di tích quý II so với quý I tăng 1,19%. Tuy lượt khách Quốc tế trong quý II có giảm hơn so với quý I nhưng cũng không đáng kể. Riêng với khách Việt Nam trong quý II tăng lên rõ rệt vì thời gian này cũng là dịp nghỉ hè nên các gia đình tổ chức cho con em đi tham quan, du lịch nhiều hơn so với những tháng trước.

Hy vọng trong những tháng tiếp theo của năm 2015 các Bảo tàng, Di tích sẽ tổ chức nhiều hoạt động hấp dẫn nhằm thu hút du khách trong và ngoài nước đến tham quan ngày càng nhiều hơn♦



Công tác cấp phép và giám sát tu bổ di tích nhà ở của nhân dân trong khu phố cổ quý II/2015

Quỳnh Phương

Nhằm đáp ứng nhu cầu tu bổ, sửa chữa di tích - nhà ở của người dân, góp phần bảo tồn các giá trị kiến trúc, cảnh quan trong khu phố cổ theo quy chế quản lý bảo tồn, sử dụng di tích khu phố cổ Hội An của UBND thành phố Hội An, trong quý II/2015, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã tiếp nhận 110 hồ sơ xin phép sửa chữa, tu bổ trong khu phố cổ trong đó: Khu vực I: 33 hồ sơ, Khu vực IIA: 27 hồ sơ, Khu vực IIB: 49 hồ sơ. Qua kiểm tra, khảo sát và xem xét hồ sơ, Trung tâm đã tham mưu đề UBND Thành phố giải quyết cấp phép 78 hồ sơ (*Khu vực I: 21 hồ sơ, Khu vực IIA: 21 hồ sơ, Khu vực IIB: 36 hồ sơ*), hướng dẫn và gửi 15 hồ sơ lại cho công dân, đang thụ lý và giải quyết 17 hồ sơ. Bên cạnh công tác tham mưu cấp phép, Trung tâm cũng thường xuyên kiểm tra, giám sát các công trình xây dựng, sửa chữa, tu bổ tôn tạo di tích/nhà ở của nhân dân trong khu phố cổ nhằm ngăn chặn việc sửa chữa, xây dựng sai phép, không phép. Nhờ vậy, từ đầu năm đến nay các trường hợp xây dựng, sửa chữa, tu bổ sai phạm đều được phát hiện và hướng dẫn khắc phục kịp thời nhằm giảm thiệt hại về tiền của cho nhân dân♦



**BÀN
CÁNH
BIẾT**

VĂN BẢN PHÁP QUY

TRÍCH QUY CHẾ QUẢN LÝ, BẢO TỒN, SỬ DỤNG DI TÍCH KHU PHỐ CỔ HỘI AN

Quản lý Di tích

Ngày 23/6/2015, UBND thành phố Hội An có Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ban hành Quy chế quản lý, bảo tồn, sử dụng di tích khu phố cổ được điều chỉnh bổ sung trên cơ sở quy chế cùng tên ban hành năm 2006 tại Quyết định số 2337/2006/QĐ-UBND ngày 10/10/2006. Quy chế có 5 chương, 32 điều. Dưới đây, Ban biên tập Bản tin xin trích giới thiệu chương I và chương II của quy chế để chúng ta cùng tham khảo.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh:

1. Quy chế này quy định về các hoạt động quản lý, bảo tồn, tu bổ, sử dụng các di tích thuộc Khu phố cổ Hội An. Trong đó, khu phố cổ Hội An được cấu thành bởi:

- Nhà ở, nhà thờ tộc, miếu, đình, hội quán, cầu, chùa, giếng;

- Hệ thống bến cảng- chợ; Hệ thống giao thông, thoát nước, dòng sông, dòng chảy cổ;

- Hệ thống cây xanh cổ thụ;

- Không gian thờ tự, tín ngưỡng gắn liền với di tích.

2. Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân người Việt Nam và nước ngoài có các hoạt động liên quan đến quản lý, bảo tồn, tu bổ, sở hữu, sử dụng di tích thuộc Khu phố cổ Hội An.

Điều 2. Giải thích từ ngữ:

- *Hạ giải di tích*: là hoạt động tháo rời cấu kiện tạo thành kiến trúc của một di tích nhằm mục đích tu bổ di tích hoặc di chuyển cấu kiện đến một nơi khác để lắp dựng lại mà vẫn giữ gìn tối đa sự nguyên vẹn các cấu kiện đó.

- *Phục hồi di tích*: là hoạt động tạo ra sản phẩm mới theo nguyên mẫu về chất liệu và kỹ thuật thay thế các thành phần bị hư hỏng, bị mất đi của di tích.

- *Tôn tạo di tích*: là hoạt động nhằm tăng cường khả năng sử dụng và phát huy giá trị di tích nhưng không làm ảnh hưởng đến yếu tố gốc cấu thành di tích, cảnh quan thiên nhiên và môi trường - sinh thái của di tích.

- *Tu sửa cấp thiết di tích*: là hoạt động chống đỡ, gia cố, gia cường tạm thời hoặc sửa chữa nhỏ để kịp thời ngăn chặn di tích khỏi bị sập đổ, hủy hoại.

- *Chỉ giới xây dựng*: là đường giới hạn cho phép xây dựng nhà, công trình trên lô đất.

- *Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật*: bao gồm hệ thống giao thông, thông tin liên lạc, cung cấp liên lạc, cung cấp năng lượng, chiếu sáng năng lượng, chiếu sáng công cộng, cấp nước, thoát nước, xử lý các chất thải và các công trình khác.

Điều 3. Nguyên tắc bảo tồn, sử dụng di tích Khu phố cổ Hội An:

- Căn cứ các quy định của pháp luật về Di sản Văn hóa, về xây dựng và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Giữ gìn nguyên vẹn và lâu dài Khu phố cổ như một thiết chế lịch sử - văn hoá - nhân văn - kiến trúc đồng bộ, bao gồm các di tích cấu thành trên cơ sở (*phải vừa*) đáp ứng được nhu cầu cuộc sống hiện đại của cộng đồng dân cư theo nguyên tắc cùng tồn tại;

- Bảo tồn Khu phố cổ phải gắn liền với bảo vệ môi trường sinh thái - nhân văn xung quanh, gắn liền giữa bảo tồn di sản văn hoá vật thể với văn hoá phi vật thể;

- Bảo tồn Khu phố cổ không chỉ nhằm bảo vệ, phát huy bản sắc văn hoá mà còn nhằm khai thác, phát huy những thế mạnh, kinh nghiệm truyền thống cho mục tiêu phát triển kinh tế của địa phương, nhưng không làm tổn hại đến di sản văn hóa.

Chương II

CÁC KHU VỰC BẢO VỆ VÀ QUY ĐỊNH TU BỒ DI TÍCH TRONG CÁC KHU VỰC BẢO VỆ KHU PHỐ CỔ HỘI AN

Điều 4. Các khu vực bảo vệ Phố cổ Hội An bao gồm:

- Khu vực I: Là khu vực bảo vệ nguyên trạng;

- Khu vực II (chia thành khu vực IIA và IIB): Là vùng bao quanh khu vực I, giữ chức năng bảo vệ cảnh quan và môi trường - sinh thái của di tích.

Điều 5. Khu vực I có giới hạn (*theo sơ đồ đính kèm*):

- Phía Đông: Dãy nhà mặt tiền số lẻ đường Hoàng Diệu, kéo về Đông theo hai dãy nhà mặt tiền đường Nguyễn Duy Hiệu, số chẵn đến hết nhà số 350 (*Đình Sơn Phong*), số lẻ đến hết nhà số 313 (*giáp đường Trương Minh Lượng*) và dãy nhà mặt tiền số chẵn, dãy nhà số lẻ đường Phan Bội Châu đến giáp đường Trương Minh Lượng.

- Phía Tây: Điểm giao nhau giữa 2 đường Phan Chu Trinh và Nguyễn Thị Minh Khai (*nhà số 77 Nguyễn Thị Minh Khai*).

- Phía Nam: Toàn bộ đoạn sông Hội An, từ điểm Đông (*đường Trương Minh Lượng*) và điểm Tây (*phía sau nhà 51 Nguyễn Thị Minh Khai*) kéo về Nam đến đỉnh kè bờ Nam sông Hội An.

- Phía Bắc: Dãy nhà mặt tiền số chẵn đường Phan Châu Trinh kéo về

Bắc theo hai dãy nhà mặt tiền đường Lê Lợi (kể cả các nhà số 2/2 đến 2/10).

Điều 6. Khu vực IIA có giới hạn (theo sơ đồ đính kèm) : Tiếp giáp khu vực I.

- Phía Đông: Đến dãy nhà mặt tiền số lẻ đường Phạm Hồng Thái.

- Phía Tây: Hai dãy nhà mặt tiền đường Hùng Vương, số lẻ đến kiệt 35 (chùa Viên Giác), số chẵn đến ngã ba đường 18/8 (hết nhà số 48).

- Phía Nam: Bao gồm cả khu bãi bồi An Hội (Đồng Hiệp), dãy nhà mặt tiền đường Nguyễn Phúc Chu đến ngã ba đường La Hối, dãy nhà đối diện bờ Bắc sông Hội An thuộc địa phận xã Cẩm Nam từ lô đất số CD/K $\frac{133}{1618}$ kéo về Đông đến điểm cuối khách sạn Phố Hội II.

- Phía Bắc: Dãy nhà mặt tiền số chẵn đường Trần Hưng Đạo.

Điều 7: Khu vực IIB có giới hạn (theo sơ đồ đính kèm) : Tiếp giáp khu vực IIA.

- Phía Đông: Đến kiệt 267 Nguyễn Duy Hiệu kéo thẳng về phía Nam ra đến bờ sông Hội An, kiệt số 320 Nguyễn Duy Hiệu kéo về phía Bắc đến kiệt 493, qua kiệt 576 Cửa Đại (khu thiết chế văn hóa phường Sơn Phong).

- Phía Tây: Đến kiệt số 98 Hùng Vương (Bến xe Hội An) kéo thẳng về phía Bắc đến Tịnh xá Ngọc Cẩm; kiệt 99 Hùng Vương kéo về phía Nam đến hết nhà 83/3 Hùng Vương.

- Phía Nam: Từ nhà 83/3 Hùng Vương chạy về Đông theo đường bê tông đến số 20 đường 18/8, qua số 9 đường 18/8 đến số 1/6 Hùng Vương, kéo về phía Nam đến nhà 105/5 (Nguyễn Thị Minh Khai cũ, cà phê Mỹ Lan Viên), chạy dọc theo đường Cao Hồng Lãnh đến nhà số 113 Nguyễn Phúc Tần (ngã ba Cao Hồng Lãnh - Nguyễn Phúc Tần), theo đường Nguyễn Phúc Tần (dãy nhà số lẻ) đến trường tiểu học Phù Đồng (ngã tư Nguyễn Hoàng - Nguyễn Phúc Tần), theo đường Nguyễn Hoàng về phía Nam đến khu thể thao khối Đồng Hiệp; ra bờ sông qua cột báo hiệu ngã ba sông ở bãi bồi Cẩm Nam, đến ngã ba vào trường Nguyễn Khuyến theo đường bê tông đến nhà thờ tộc Nguyễn Văn, qua ngã tư ông Chấn đến lô đất T $\frac{51}{1312}$.

- Phía Bắc: Đến đường Thái Phiên (số lẻ) kéo về phía Đông giáp kiệt 576 Cửa Đại (khu thiết chế văn hóa phường Sơn Phong), kéo về phía Tây qua kiệt 68 Bà Triệu, kiệt 37/42 Lê Quý Đôn, dọc theo đường bê tông đến nhà 37 Lê Quý Đôn, dọc theo đường Lê Quý Đôn đến nhà 42 Lê Quý Đôn, rẽ trái theo dọc đường kiệt bê tông đến nhà 34/14 Huỳnh Thúc Kháng cũ (Hùng Vương mới) rẽ trái đến nhà ông Đông, rẽ phải đến nhà 36/25 Huỳnh Thúc Kháng cũ (Hùng Vương mới), theo đường bê tông đến hẻm cụt giáp công sau Tịnh xá Ngọc Cẩm.

Điều 8. Quy định công tác tu bổ trong phạm vi khu vực I:

1. Cảnh quan chung của khu vực bao gồm không gian, độ cao, cơ sở hạ tầng, kiểu thức kiến trúc, bố cục, màu sắc và cả những khoảng trống thuộc đất công cộng, những khoảng sân trời, sân vườn trong từng ngôi nhà phải được bảo tồn theo các yếu tố gốc của Khu phố cổ.

2. Đối với các công trình loại đặc biệt và loại I, chỉ khi đặc biệt cần thiết để bảo quản mới tiến hành việc tu bổ. Khi tu bổ phải tuân thủ nguyên tắc giữ công năng (*chức năng*) vốn có của từng bộ phận và toàn bộ di tích, phải bảo tồn nguyên trạng các yếu tố gốc. Trong trường hợp bắt buộc phải thay thế một bộ phận cũ, vật liệu - chất liệu cũ bằng một bộ phận mới, vật liệu - chất liệu mới thì phải đảm bảo tính cần thiết, tính khoa học của việc thay thế đó và phải đảm bảo tính chính xác từng chi tiết của các “yếu tố mới” so với các “yếu tố gốc”.

3. Đối với các công trình loại II, nếp nhà trước phải giữ nguyên trạng hoặc phục hồi các yếu tố gốc; phần còn lại phía sau, tùy theo vị trí, đặc điểm của từng di tích và kiến trúc tứ cận, các nếp nhà có thể được cải tạo nội thất, mái phải lợp ngói âm dương và không được coi nới thêm. Trường hợp cần thiết, phải phục hồi hoặc phục chế những bộ phận đã bị biến dạng của toàn bộ công trình khi có đủ cơ sở khoa học.

4. Đối với các công trình loại III:

a. Nếp nhà trước phải giữ lại hoặc tôn tạo mái ngói và tu bổ mặt tiền cùng

các mặt bên (*phần nhìn thấy được*) theo kiểu thức truyền thống của Khu vực I; được phép cải tạo nội thất thích nghi với các chức năng mới, nhưng không được làm giảm giá trị di tích;

b. Phần còn lại phía sau, tùy thuộc vào vị trí, đặc điểm của công trình đó và các kiến trúc tứ cận, được cải tạo nội thất, hoặc coi nới thêm theo nguyên tắc hài hòa với cảnh quan khu phố cổ nhưng không che khuất các di tích loại đặc biệt, loại I.

5. Đối với các công trình còn lại, khi sửa chữa, cải tạo, xây mới phải lợp ngói âm dương; mặt tiền, các mặt bên (*phần nhìn thấy được*), nền nhà hài hòa với cảnh quan khu phố cổ; phần còn lại phía sau tùy thuộc vào đặc điểm của các kiến trúc tứ cận và vị trí, độ cao vốn có của di tích, các nếp nhà có thể được coi nới theo nguyên tắc hài hòa với cảnh quan khu phố cổ và không che khuất các di tích xung quanh loại đặc biệt, I, II. Riêng các công trình thuộc tuyến phố chính (*trừ đường Huyện Trần Công Chứa, Tôn Nữ Ngọc Hoa*), nếp nhà trước phải giữ nguyên số tầng, khoảng lùi hiện có. Đối với dãy nhà mặt tiền đường Huyện Trần Công Chứa, khi sửa chữa, cải tạo, xây mới phải đảm bảo khoảng lùi xây dựng tối thiểu 1,0m kể từ mép trong vỉa hè dự kiến mở rộng hoặc cách mép trong của cống thoát nước là 5,0m.

6. Đối với các hạng mục công trình được phép xây mới, coi nới (*theo khoản 4, 5 của điều này*), hệ kết cấu chịu lực (*cột, đà sàn, ván sàn, kết cấu đỡ mái...*), cầu thang, hệ cửa bằng gỗ,

tường xây gạch (được phép sử dụng kết cấu BTCT âm tường để tăng cường khả năng chịu lực, gồm: móng, cột, dầm.) vữa trát bằng vôi, lát nền bằng gạch đất nung hoặc láng xi măng, mái lợp ngói âm dương đất nung truyền thống, diện tích sàn BTCT cho khu vệ sinh (nếu có) không lớn hơn 6,0m², độ cao đến đỉnh mái không quá 8,0m.

7. Đối với các công trình loại II, III, IV có nếp nhà sau tiếp giáp với khu vực IIA thuộc dãy nhà số chẵn đường Phan Châu Trinh, số lẻ đường Hoàng Diệu, số chẵn đường Phan Bội Châu, và hai dãy nhà đường Lê Lợi (Từ ngã tư Phan Châu Trinh đến ngã tư Trần Hưng Đạo), đường Nguyễn Duy Hiệu, khi được phép coi nới, xây mới với kết cấu 02 tầng, sàn tầng 02 được sử dụng vật liệu bê tông cốt thép, nền lát đá hoặc gạch men một màu (xám, nâu, đà) không bóng. Toàn bộ phần cảnh quan, kết cấu kiến trúc bên ngoài, phần lộ ra (độ cao, vật liệu, màu sắc, hệ thống cửa, tường, mái) vẫn áp dụng theo các quy định tại khoản 2,3,4,5,6 của điều này.

8. Đối với các công trình, hạng mục công trình thuộc loại đặc biệt, I, II đã bị sụp đổ hoàn toàn, khi phục hồi phải theo các khoản quy định tương ứng tại điều này; các loại còn lại tùy điều kiện cụ thể, có thể phục hồi theo kiến trúc truyền thống khu phố cổ nhưng phải hài hòa với cảnh quan khu phố cổ và không được che khuất các công trình lân cận có giá trị loại đặc biệt, I, II.

9. Trừ các công trình loại đặc biệt, loại I và loại II, khuyến khích việc tu bổ, phục hồi từng hạng mục hoặc toàn bộ công trình theo kiểu thức kiến trúc truyền thống của khu phố cổ.

10. Đối với các công trình, hạng mục công trình, kể cả vật dụng lắp đặt, trưng bày phá vỡ cảnh quan khu phố cổ hoặc xâm phạm di tích đều không được phép thực hiện, nếu đã có thì phải được giải tỏa hoặc cải tạo theo nguyên tắc hài hòa với cảnh quan khu phố cổ. Các công trình loại đặc biệt, loại I, II khi tu bổ sửa chữa phải giữ gìn các không gian thờ tự, không gian tín ngưỡng gắn liền với công trình.

11. Việc phân loại, điều chỉnh loại các công trình theo các khoản 2, 3, 4, 5 điều này do Ủy ban Nhân dân Thành phố ban hành và thông báo bằng văn bản đến chủ di tích cùng các cơ quan, đơn vị liên quan.

Điều 9. Quy định công tác Tu bổ, sửa chữa, xây dựng trong phạm vi khu vực IIA:

1. Đối với các ngôi nhà theo kiểu nhà vườn, biệt thự (theo phụ lục 1 đính kèm của qui chế này) được phép cải tạo theo khoản 4 điều này, nhưng phải gìn giữ hệ thống sân vườn và không được làm tăng mật độ xây dựng.

2. Đối với các ngôi nhà, nếp nhà mặt tiền tuyến phố (theo phụ lục 1 đính kèm của qui chế này), nếp nhà trước có thể cải tạo theo hướng thích nghi nhưng không làm thay đổi về chiều cao, số tầng và chỉ giới xây dựng, nếp nhà sau được phép cải tạo

theo khoản 4 điều này; toàn bộ hệ mái phải lợp ngói âm dương.

3. Đối với các ngôi nhà, công trình, hạng mục công trình liền kề, lân cận nằm trong phạm vi bán kính $\leq 10\text{m}$ tính tại điểm tiếp xúc gần nhất các di tích kiến trúc tôn giáo - tín ngưỡng hiện có (kể cả với những công trình cách di tích bằng đường giao thông), khi sửa chữa, xây dựng mới thì chiều cao không vượt quá chiều cao di tích này. Trường hợp di tích kiến trúc tôn giáo - tín ngưỡng gồm nhiều khối công trình có độ cao khác nhau thì việc áp dụng độ cao xây dựng tính từ độ cao khối công trình gần nhất.

4. Các trường hợp xây mới, sửa chữa, trừ một số công trình đặc thù được UBND thành phố Hội An quyết định, còn lại phải đảm bảo các quy định sau:

a. Mái phải là mái dốc (từ 50-60%), lợp ngói đất nung truyền thống loại 22v/m², kết cấu mái chịu lực bằng gỗ, độ cao đỉnh mái không quá 10,5m (tính từ cốt vỉa hè), không quá 2 tầng (độ cao từ cốt nền tầng 1 đến sàn tầng 2 $\leq 3,6\text{m}$, từ cốt sàn tầng 2 đến ô tô $\leq 3,40\text{m}$, chiều sâu mỗi nếp nhà phải đảm bảo từ 6m đến 10m).

b. Hệ cửa mặt tiền và các mặt bên (cửa đi, cửa sổ) phải là cửa gỗ (panô, panô lá sách), đánh vecni hoặc sơn màu đà. Hệ cửa bên trong (cửa đi, cửa sổ mặt tiền, mặt bên cửa 2 lớp) cho phép thi công cửa panô gỗ - kính.

c. Tường bên ngoài mặt tiền và các mặt bên chỉ được quét vôi truyền

thống, tường bên trong được phép sơn vôi (không mác tíc) màu vàng sẫm, vàng nhạt, xanh ve, trắng sẫm. Nền tầng 1 láng xi măng hoặc lát các loại gạch, đá không bóng, có cùng một màu xám, nâu, đà.

d. Hình thức kiến trúc mặt tiền có thể tham khảo một trong những mẫu đính kèm theo các điều khoản của qui chế này. (xem mẫu trong phụ lục đính kèm).

e. Không được làm mới các hạng mục gây che khuất các công trình mặt tiền đường phố. Khuyến khích lắp dựng giàn hoa, dây leo, hoặc được phép làm mái che tạm bằng tôn (sơn màu đà 2 mặt, khung sườn sắt hoặc gỗ sơn màu đà, không có trụ chống đất) nằm trong ranh giới đất được giao quyền sử dụng hợp pháp, chiều rộng cho phép từ 0,8m - 1,2m (tính từ da tường ngoài mặt tiền hoặc các mặt bên).

5. Đối với dãy nhà nằm bờ nam sông Hội An đối diện với khu phố cổ thuộc địa phận phường Cẩm Nam, dãy nhà mặt tiền đường Nguyễn Phúc Chu, hai dãy nhà mặt tiền đường Phan Bội Châu và nhà có mặt tiền giáp sông (đoạn từ đường Trương Minh Lượng đến đường Phạm Hồng Thái), ngoài những quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 của điều này, khi xây dựng nếp nhà trước và nếp nhà thứ hai được phép xây dựng độ cao không quá 8,50m tính từ cốt vỉa hè đến đỉnh mái, không quá 02 tầng, những nếp nhà còn lại không quá 11,5m và không quá 03 tầng, mỗi nếp nhà có chiều sâu tối thiểu là 6,0m.

Riêng đối với nếp nhà sau cùng của dãy nhà số lẻ đường Phan Bội Châu, có một mặt tiếp giáp sông, bắt buộc xây dựng 02 tầng, chiều cao không quá 8,5m. Toàn bộ các công trình trên phải lợp ngói âm dương.

Đối với các nhà biệt lập, phải có phương án thiết kế chi tiết các mặt đứng, bên của công trình.

Điều 10. Quy định sửa chữa, xây dựng trong phạm vi khu vực II-B.

Công trình/nhà ở khi sửa chữa, xây dựng mới không quá 03 tầng, độ cao không quá 13,5m (*trừ đường Nguyễn Trường Tộ, đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Lý Thường Kiệt, được xây dựng công trình không quá 2 tầng đối với nếp nhà trước*) và không che khuất các công trình kiến trúc xung quanh có giá trị (*loại đặc biệt, I*), trừ một số công trình đặc biệt quan trọng và độc đáo sẽ được UBND Thành phố xem xét, quyết định cụ thể về độ cao. Mái của các công trình phải là mái dốc; màu mái và màu tường bên ngoài phải hài hòa với màu sắc của khu vực IIA. Riêng đối với các công trình có mặt tiền bám theo các trục đường chính (*Nguyễn Trường Tộ, Hùng Vương, Trần Cao Vân, Cao Hồng Lãnh, La Hối, Phạm Hồng Thái, Nguyễn Hoàng*), mái phải lợp ngói 22v/m² màu đỏ, kết cấu đỡ mái bằng gỗ, độ dốc mái phải đảm bảo từ 50 - 60%.

Công trình/nhà ở tại vị trí đoạn bờ Nam của khu An Hội (*từ phía Đông khách sạn Vĩnh Hưng 4 đến giáp khu*

quy hoạch vui chơi giải trí Đồng Hiệp), mặt tiền ngôi nhà phải hướng ra sông. Đối với các ngôi nhà vừa bám đường bê tông, vừa bám bờ sông thì phải bố trí hai mặt tiền, kiến trúc công trình phải hài hoà với kiến trúc Phố cổ, kết cấu không quá hai tầng, độ cao không quá 10,5m tính từ cốt vỉa hè. Đối với các ngôi nhà biệt lập, phải xử lý kiến trúc các mặt bên phù hợp, hài hoà, mái lợp ngói 22v/m².

Ngoài các quy định nêu trên, khi xây dựng, sửa chữa công trình nhà ở trong khu vực này phải tuân thủ theo Quy chế quản lý quy hoạch và kiến trúc đô thị Thành phố Hội An được UBND tỉnh Quảng Nam ban hành tại quyết định số 777/QĐ-UBND ngày 15/3/2011.

Điều 11. Chỉ giới xây dựng đối với các công trình, nhà ở khi xây dựng, sửa chữa thuộc khu vực IIA (*trừ các công trình thuộc khoản 1, 2 điều 9*) và khu vực IIB được quy định tại phụ lục 2 của quy chế này.

Điều 12. Khi xây dựng, sửa chữa trong khu vực phố cổ phải giữ gìn, bảo tồn không gian, cảnh quan vốn có của khu vực. Các bộ phận kiến trúc, kết cấu liên quan đến việc thờ tự, sinh hoạt tôn giáo - tín ngưỡng trong các di tích - nhà ở của khu vực I khu phố cổ phải được giữ gìn, hoặc được phục hồi lại theo dấu vết cũ, không được tháo dỡ, làm biến dạng các bộ phận kiến trúc, kết cấu này.

Các chủ di tích khi sử dụng di tích phải có trách nhiệm giữ gìn, bảo quản

nhằm kéo dài tuổi thọ của di tích, kịp thời phát hiện, gia cố, bảo quản các vị trí, hạng mục bị xuống cấp, hư hỏng và báo cáo ngay cho các cơ quan chức năng để phối hợp xử lý ngăn chặn.

Điều 13.

1. Các cây cổ thụ trong các khu vực bảo vệ phải được giữ gìn chu đáo.

2. Việc trồng mới cây xanh đường phố, cây xanh trong khuôn viên các cơ quan, cây xanh công viên trong các khu bảo vệ, đặc biệt là khu vực I, phải theo đúng quy hoạch được duyệt.

3. Việc chặt bỏ, tía bớt rễ, cành các cây cổ thụ, cây xanh đường phố, cây xanh cơ quan, cây xanh công viên trong các khu vực bảo vệ phải được phép của phòng Quản lý Đô thị (*đối với cây xanh đường phố, cơ quan*), trừ những trường hợp cấp thiết cây có nguy cơ gây đổ gây tai nạn hoặc sự cố công trình, nhưng sau đó phải báo cáo ngay với phòng Quản lý Đô thị và chính quyền địa phương.

4. Các khoảng sân, vườn, sân trời trong di tích ở Khu phố cổ có tác dụng thông gió và chiếu sáng tự nhiên cho di tích và góp phần tích cực cải thiện môi trường cho Khu phố cổ cần phải được giữ gìn chu đáo, không vì mở rộng diện tích xây dựng mà thu hẹp diện tích sân, vườn, sân trời. Khi cấp phép xây dựng theo các điều 9, điều 10 và điều 11 quy chế này, các cơ quan chức năng phải cân nhắc theo từng trường hợp cụ thể theo hướng giữ lại các không gian này và mật độ xây dựng công trình phải được ghi rõ tại

Giấy phép xây dựng hoặc sửa chữa, cải tạo nhà ở của công dân.

Điều 14.

1. Việc xây dựng, lắp đặt, sửa chữa, nâng cấp các công trình hạ tầng thiết yếu trong khu vực I phải tuân thủ nguyên tắc bảo tồn tối đa các yếu tố gốc về vật liệu, cảnh quan, phải hạn chế đến mức thấp nhất - trong điều kiện cho phép - sự hư hại của các yếu tố gốc đó.

2. Đối với các công trình được cấp phép coi nói, xây mới trong các khu vực bảo vệ Khu phố cổ khi thi công nền móng công trình phát hiện có di tích, di vật, cổ vật bên dưới thì chủ di tích, công trình phải tạm ngừng thi công và thông báo ngay cho UBND phường sở tại hoặc các cơ quan chức năng gần nhất để các cơ quan này kịp thời xử lý theo quy định.

Điều 15.

1. Tại các đường phố trong Khu vực I, cấm các loại ô tô lưu thông. Vào các ngày lễ lạt cấm các loại thuyền máy đi lại; trừ một số đường và trong những trường hợp cần thiết, Ủy ban Nhân dân Thành phố quy định tuyến và thời gian cụ thể cho loại phương tiện nào được phép lưu thông.

2. Trong khu vực I, cấm lắp đặt các vật, các phương tiện gây tiếng ồn và độ rung, gây cháy hoặc thải chất độc hại đến môi trường, các vật phát sáng, chiếu sáng ảnh hưởng xấu đến cảnh quan và di tích♦

DI SẢN ĐÓ ĐÂY

HỘI GIÓNG Ở ĐỀN PHÙ ĐỒNG VÀ ĐỀN SÓC

Ngọc Hương (St)

Hội Gióng ở đền Phù Đồng và đền Sóc gắn với truyền thuyết về một cậu bé được mẹ sinh ra một cách kỳ lạ ở làng Phù Đồng. Khôi ngô, tuấn tú nhưng lên 3 mà vẫn chưa biết nói, biết cười, suốt ngày cậu chỉ nằm trong thúng treo trên gióng tre, vì thế được đặt tên là Gióng. Vậy mà khi nghe thấy lời kêu gọi của nhà Vua tìm người tài giỏi đánh giặc ngoại xâm, Gióng bỗng lớn nhanh như thổi, rồi xung phong ra trận cứu nước, cứu dân. Sau khi dẹp tan quân giặc, ngài về núi Sóc rồi cưỡi ngựa bay lên trời.

Từ đó, ngài Gióng được thiêng hóa thành một vị Thánh bắt từ bảo hộ mùa màng, hòa bình cho đất nước, thịnh vượng cho muôn dân. Để tưởng nhớ công ơn của ngài, người dân lập đền, thờ phụng và mở hội hằng năm với tên gọi là Hội Gióng ở đền Phù Đồng và đền Sóc. Đó là một trong những lễ hội lớn nhất vùng châu thổ Bắc Bộ, tổ chức theo một nghi thức được quy định chặt chẽ, chuẩn bị hết

sức công phu, với sự tham gia đông đảo của dân làng quanh khu vực hai đền. Hội Gióng ở đền Phù Đồng, xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm - nơi sinh Thánh Gióng diễn ra từ ngày 7 đến ngày 9 tháng 4 Âm lịch, và Hội Gióng ở đền Sóc ở xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn (nay thuộc Hà Nội) - nơi Thánh hóa diễn ra từ ngày 6 đến ngày 8 tháng giêng.

Để tổ chức Hội Gióng ở đền Phù Đồng, những gia đình có vinh dự được chọn người đóng những vai quan trọng như các vai Ông Hiệu (*Hiệu cò, Hiệu trống, Hiệu chiêng, Hiệu Trung quân, Hiệu Tiểu cò*), vai cô Tướng hay các phụng Áo đen, phụng Áo đỏ..., tùy theo vai vế, khả năng kinh tế mà chuẩn bị những điều kiện vật chất và người được chọn vai sinh hoạt kiêng cử từ hàng tháng trước ngày Lễ hội. Vào chính hội, trước tiên dân làng tổ chức các nghi thức tế Thánh, sau đó là lễ rước nước lau rửa tự khí từ giếng đền Mẫu (*đền Hạ*) với ý nguyện được mưa thuận, gió hòa, lễ rước cò “*lệnh*” từ đền Mẫu lên đền Thượng, tiếp đến là lễ khám đường, lễ duyệt tướng... Ngày chính hội mừng 9 tháng 4, Hội Gióng diễn ra trang trọng, linh thiêng và náo nhiệt nhất là hai trận đánh. Trận thứ nhất: đánh cò ở Đống Đàm (*khu đất ven hồ sen đầu làng Đống Viên, cách đền Thượng chừng 2 km*) và trận thứ hai: đánh cò ở Soi Bia. Chiến trường là 03 chiếc chiếu, mỗi chiếu có 01 chiếc bát to tượng trưng cho núi đồi, úp trên 01 tờ giấy trắng

tượng trưng cho mây trời. Vây quanh là đại quân của Gióng và phía bên kia là đại quân của 28 nữ tướng giặc (*biểu tượng cho yếu tố âm*). Sau nghi lễ tế Thánh, ông Hiệu cò lần lượt tiến vào từng chiếc chiếu, nhảy qua các quả đồi (*bát úp*) và thực hiện các động tác “*đánh cò*”. Tiếng hò reo lúc lúc lại dội lên trong tiếng chiêng, tiếng trống, thể hiện sự quyết liệt của trận đánh. Điệu múa cò của ông Hiệu phải thật chính xác, khéo léo để tránh điều tối kỵ là lá cò bị cuốn vào cán, bởi theo niềm tin của cư dân nơi đây thì đó là điềm rủi. Kết thúc mỗi màn múa cò là kết thúc một trận đánh, ông Hiệu cò vừa bước ra khỏi chiếu là chiếc chiếu được tung lên, dân chúng ào vào cướp lấy những mảnh chiếu mà họ tin tưởng là sẽ đem đến cho gia đình họ điều may mắn trong suốt cả năm. Cuối cùng là lễ rước cò báo tin thắng trận với trời đất và lễ khao quân trong rộn rã tiếng cười, lời ca, điệu múa của phường Ải Lao, chiếu chèo và các trò chơi dân gian. Tướng, quân bên giặc cũng được tha bổng và cho tham dự lễ mừng chiến thắng. Cách hành xử này thể hiện truyền thống hiếu nghĩa đối với tổ tiên, những vị anh hùng dân tộc và tinh thần khoan dung, nhân đạo của dân tộc Việt Nam.

Hội Gióng ở đền Sóc diễn ra trong 03 ngày từ mùng 6 đến mùng 8 tháng giêng hằng năm. Việc chuẩn bị vật tế lễ cũng hết sức công phu,

nhất là việc đan voi (*theo truyền thuyết thì đoàn quân tham gia đánh giặc cùng Thánh Gióng có cả đàn voi chở lương thực đi theo*) và làm giò hoa tre (*tượng trưng cho gậy tre của Thánh Gióng sau khi đánh giặc*), nên phải tiến hành từ nhiều tuần lễ trước Lễ hội. Từ xa xưa, việc rước đã được phân công cụ thể cho từng thôn chuyên trách và đi theo theo thứ tự: Trước hết là thôn Vệ Linh rước giò hoa tre, tiếp theo là các thôn Dục Thượng rước voi, Đan Tảo rước trâu cau, Đức Hậu rước ngà voi, Yên Sào rước cỏ voi (*thân cây chuối*), Yên Tàng rước tướng và mấy năm gần đây có thêm thôn Xuân Dục rước “*Cầu Húc*” (*quả cầu tượng trưng cho mặt trời theo tín ngưỡng thờ thần mặt trời có từ xa xưa của cư dân nơi đây*). Sau phần nghi thức tắm tượng Thánh Gióng và cung tiến lễ vật trang trọng, linh thiêng, là hai hoạt động gây náo động nhất của Lễ hội Gióng ở đền Sóc. Đó là tục “*cướp hoa tre*” cầu may và tục chém “*tướng*” (*giặc*) được diễn xướng một cách tượng trưng bằng hiệu lệnh múa cò.

Là một hội trận được trình diễn bằng một hệ thống biểu tượng độc đáo, mang đậm bản sắc văn hóa Việt, được cộng đồng bảo tồn nguyên giá trị cho tới ngày nay, Hội Gióng ở đền Phù Đồng và đền Sóc đã được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại vào tháng 11 năm 2010♦

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2015

I/ Tình hình thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm:

1/ Công tác nghiên cứu khoa học: Các đề tài như “*Nghiên cứu, biên soạn Địa chí Hội An*”, “*Biến dạng di tích kiến trúc khu phố cổ Hội An - Thực trạng và Giải pháp*” tiếp tục được chú trọng thực hiện. Đối với đề tài “*Nghiên cứu, biên soạn Địa chí Hội An*” đã triển khai và ký hợp đồng cho 18/52 chuyên đề còn lại với các nhà nghiên cứu viết về các phần Văn hóa, Lịch sử, Kinh tế - xã hội. Tiến hành hợp đồng 4 chuyên đề vẽ khảo tả phần Lịch sử, Văn hóa, Kinh tế - Xã hội, Chính trị. Đối với đề tài “*Biến dạng di tích kiến trúc khu phố cổ Hội An - Thực trạng và Giải pháp*” đã tiến hành hợp rà soát, đánh giá các nhiệm vụ đã thực hiện năm 2014 và triển khai thực hiện nhiệm vụ tiếp theo (*tập hợp hơn 700 phiếu khảo sát di tích đảm bảo nội dung, phân công viết 04 báo cáo chuẩn bị cho tọa đàm*); Công tác biên soạn và in ấn sách Chùa Cầu (song ngữ Anh - Việt) cũng được thực hiện những bước đầu; Hoàn thành in ấn sách Di sản Văn hóa Hán Nôm tập I từ nguồn kinh phí hỗ trợ của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Tỉnh; Đối với đề tài điều tra, nghiên cứu, đề xuất hướng bảo tồn, phát huy di sản văn hóa Cẩm Kim, Trung tâm đã tiến hành tổ chức 03 cuộc tham vấn cộng đồng, hoàn thiện 09 mẫu phiếu điều tra và tiến hành điều tra phỏng vấn sâu về 09 loại hình cụ thể trên 03 lĩnh vực về kinh tế - xã hội, di sản văn hóa vật thể và phi vật thể; Công tác sưu tầm, xử lý tư liệu, hiện vật Nhà Lao Hội An cũng được nghiêm túc thực hiện. Đơn vị đã tiếp nhận được 472 lý lịch trích ngang từ Hội tù yêu nước Hội An và sưu tầm, tiếp cận hơn 20 hiện vật. Lập hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể cho 2 nghề Yến Thanh Châu và mộc Kim Bồng gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh để trình công nhận di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia.

2/ Công tác quản lý, tu bổ di tích:

a/ Đối với công tác quản lý di tích: Trong 6 tháng đầu năm, đơn vị đã triển khai khảo sát tình hình vệ sinh, trang trí các di tích ngoài khu phố cổ trước Tết Nguyên đán và một số di tích ở xã Tân Hiệp, phường Minh An, phường Thanh Hà, xã Cẩm Thanh; Tiến hành khảo sát việc sơn kẻ,

quét vôi bia di tích LSCM các địa phương trên địa bàn thành phố và có văn bản đề nghị các địa phương chăm sóc bia di tích LSCM; Việc xây dựng và bổ sung thường xuyên hồ sơ pháp lý các di tích cũng được chú trọng. Các phòng chuyên môn trong đơn vị đã phối hợp khảo sát và lập báo cáo cho di tích nhà số 69/5 Phan Châu Trinh, 58/7 Lê Lợi, Tam quan chùa Bà Mụ; Phối hợp với Công ty Tư vấn Toàn cầu lập Kế hoạch quản lý Di sản văn hóa thế giới Hội An; Tiến hành định vị vị trí dựng bia, cắm mốc và viết nội dung cho 5 văn bia di tích; Đối với Dự án Cây cổ thụ, Trung tâm đã triển khai thiết kế mẫu bảng thông tin cây cổ thụ, khảo sát và chụp được 45 hình ảnh phục vụ cho việc lập báo cáo khảo sát về lịch sử - văn hóa cho 02 cây cổ thụ trong danh mục bảo vệ của thành phố (*cây đa đình Xuân Mỹ, cây bia yếm*).

b/ Đối với công tác tu bổ di tích:

Thường xuyên phối hợp với các ngành chức năng kiểm tra, giám sát tình hình xây dựng, sửa chữa, tu bổ di tích/nhà ở và trật tự kinh doanh của nhân dân trong khu phố cổ, các trường hợp sai phạm được báo cáo kịp thời cho cơ quan chức năng xử lý. Trong 6 tháng đầu năm, đơn vị tiếp nhận 93 lượt hồ sơ sửa chữa di tích trong khu phố cổ từ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Thành phố. Qua kiểm tra, khảo sát và xem xét, đơn vị đã tham mưu cấp phép 71 trường hợp, trong đó Khu vực I là 14 hồ sơ, Khu vực IIA là 13 hồ sơ và Khu vực IIB là 32 hồ sơ; Thụ lý giải quyết và trả lời trực tiếp cho công dân 14 văn bản liên quan đến công tác quản lý, tu bổ di tích trong và ngoài khu phố cổ.

Đối với công tác chuẩn bị đầu tư , Trung tâm đã tham mưu các thủ tục bổ sung các dự án thành phần thuộc Quy hoạch tổng thể bảo tồn , tôn tạo và phát huy giá trị di sản Đô thị cổ Hội An gắn với phát triển thành phố Hội An và du lịch giai đoạn 2012-2025 vào danh mục đầu tư công giai đoạn 2016-2020 như: Miếu Âm Hồn; Tín Nghĩa Từ; đình Ông Voi; nhà số 125 Trần Phú và dự án Trưng bày bảo tàng; Dự án Tu bổ, tôn tạo Nhà lao Hội An giai đoạn 2 cũng có những bước tiến triển đáng kể ; Đối với Dự án Tu bổ khẩn cấp các di tích có nguy cơ sụp đổ , Trung tâm đã trình phê duyệt hồ sơ BCKTKT 06 công trình (14 Nguyễn Thị Minh Khai, 30, 26 Bạch Đằng, 51/2, 44/12 Phan Châu Trinh, 07 Trần Phú), hoàn thành thiết kế bản vẽ thi công và triển khai lập dự toán 08 công trình (Nhà số 75, 168, 67, 150, 77, 11/10 Trần Phú, 113 Nguyễn Thái Học, 39 Tiểu La), đồng thời tổ chức khảo sát và làm việc với các chủ di tích về thời gian triển khai tu

bỏ; Tích cực thực hiện nghiệm thu, quyết toán công trình đã hoàn thành. Trong 6 tháng đầu năm, 04 công trình tu bổ đã hoàn thành quyết toán (Bảo tàng LSCM thuộc hạng mục nhà bảo tàng, sân vườn..., Miếu Âm Hồn - Tân An, Khu mộ tộc Hồ, Sửa chữa nhỏ các bảo tàng) và 15 công trình hỗ trợ di tích tư nhân tập thể (*Nhà số 52, 05, 186/12, 152/1, 188/9, 76/20, 113 Trần Phú, 10/22, 10/20 Bạch Đằng, 17 Tiểu La, 39 Nguyễn Phúc Chu, 37, 54B Nguyễn Thị Minh Khai, 41, 79 Nguyễn Thái Học*). Đối với dự án tu bổ khẩn cấp các di tích có nguy sập đổ, tính đến nay đã có 02 công trình hoàn thành quyết toán (*Nhà số 44/20 Phan Châu Trinh, 122 Trần Phú*).

Công tác thi công tu bổ cũng được đặc biệt chú trọng. Đơn vị đang tiếp tục triển khai thi công và khảo sát đo vẽ phục vụ công tác lập hồ sơ khoa học của công trình “*Tam quan chùa Bà Mụ*” theo sự chỉ đạo của UBND Thành phố. Đối với “*Phim công nghệ 3D về Nhà lao Hội An*”, cơ quan đã đơn đốc đơn vị tư vấn hoàn thành phối cảnh các hạng mục di tích, hiện nay đang điều chỉnh một số nội dung theo kết luận của Tổ Sơu tầm; Hoàn thành thi công và nghiệm thu đưa vào sử dụng chùa Kim Bửu; Hoàn thành thủ tục chuẩn bị đầu tư, triển khai thi công công trình nhà số 120 Trần Phú.

3/ Công tác tuyên truyền, phát huy giá trị: Trung tâm luôn tích cực tham gia làm các tư liệu về sự kiện văn hóa – xã hội trên địa bàn Thành phố, đến nay đã có 20 tư liệu được thực hiện. 26 chuyên mục phát thanh Bảo tồn di sản (*với 52 tin, 26 bài viết*) liên quan đến hoạt động quản lý và bảo tồn di sản được phát đều đặn hàng tuần trong 6 tháng đầu năm; Trang Website của đơn vị luôn được cập nhật và phát huy hiệu quả (*đã đăng tải 66 tin, 58 bài nghiên cứu trao đổi, cập nhật 150 ảnh xưa Hội An*). Đơn vị cũng đã nỗ lực phát huy hiệu quả điểm dừng chân 57 Trần Phú, đã đón tiếp 774 lượt khách (*trong đó có 569 khách quốc tế, 205 khách Việt Nam*); Từ đầu năm đến nay, Trung tâm đã chủ trì cũng như phối hợp tổ chức thành công nhiều cuộc triển lãm tranh, ảnh nhằm quảng bá nét đẹp văn hóa, lịch sử qua ảnh đến với công chúng như: “*Hội An, ngày ấy - bây giờ*”, “*Những ngày muôn sắc*” do 2 họa sĩ Đặng Hiền và Vũ Tuấn Dũng thực hiện, “*Lớp trẻ*” do họa sĩ Nguyễn Văn Chuyên, Nguyễn Đình Văn và Lê Hiếu thực hiện tại 46 Nguyễn Thái Học, “*Cảnh xưa*” của họa sĩ Jean Cabene tại 57 Trần Phú, “*Đảng bộ Hội An – 85 năm một chặng đường*” và “*Hội An – 40 năm xây dựng và phát triển*”. Công tác kiểm tra tại các điểm bảo tàng, di tích được duy trì thường xuyên như: công tác vệ sinh, bảo quản hiện vật, PCCC,... Tính đến thời điểm 31/5, các điểm đã đón tiếp

tổng cộng 479.900 lượt khách đến tham quan (*Trong đó, Quốc tế 367.500 lượt, Việt Nam 112.400 lượt*), tăng 1.03% so với cùng kỳ năm 2014.

4/ Công tác đối ngoại: Đón tiếp và làm việc với 11 đoàn nước ngoài và Việt Nam đến liên hệ công tác tại đơn vị, cụ thể: Các chuyên gia Di sản Quốc tế, Đại sứ Ấn Độ, Đoàn tham quan thực địa Bảo tàng học của trường Đại học Queensland - Úc, Cục Di sản Văn hóa Nhật Bản, Đoàn nghệ nhân gốm sứ Nhật Bản, các chuyên gia khảo cổ học của Viện Nghiên cứu di sản văn hóa quốc gia Naju (*Hàn Quốc*), Đoàn trưởng Đại học KHXHNV (*Việt Nam*) và Đại học Karazawa (*Nhật Bản*), đoàn Ủy ban Quốc gia về quản lý tài nguyên đất và quy hoạch đô thị cùng chính quyền thành phố Battambang (*Campuchia*), Trung tâm Bảo tồn Di sản Thăng Long, Bà Yamaguchi Rica - cố vấn cao cấp chương trình tình nguyện viên JICA, Bà Barbara Torgeler chuyên gia trưởng về đánh giá chương trình của UNESCO; Thực hiện đầy đủ các báo cáo các đoàn đến liên hệ làm việc tại đơn vị theo quy định; Làm hồ sơ, thủ tục xin cử 01 cán bộ lãnh đạo tham gia khóa bồi dưỡng nghiệp vụ về nâng cao hiệu quả của các bảo tàng và cơ quan quản lý di sản văn hóa tại Úc do trường Đại học Queensland, Úc tổ chức (*Phạm Phú Ngọc*); Phối hợp với tình nguyện viên Nhật Bản hoàn thiện tập gấp song ngữ Anh - Việt giới thiệu các bảo tàng ở Hội An.

II/ Phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2015: Bên cạnh việc tiếp tục hoàn thành các nhiệm vụ được thực hiện trong 6 tháng đầu năm, Trung tâm cũng triển khai xây dựng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm, cụ thể như sau:

1/ Công tác nghiên cứu khoa học: Thành lập 4 tổ chuyên gia thẩm định các báo cáo chuyên đề thuộc 4 phần Lịch sử, Văn hóa, Kinh tế - Xã hội, Chính trị; Triển khai điều tra phỏng vấn sâu và viết báo cáo chuyên đề, báo cáo xử lý tư liệu về 9 lĩnh vực cụ thể thuộc kinh tế - xã hội, di sản văn hóa vật thể và phi vật thể phục vụ đề tài điều tra, nghiên cứu, đề xuất hướng bảo tồn, phát huy di sản văn hóa Cẩm Kim; Tiến hành điều tra, xây dựng đề án và thông qua đề án xây dựng chương trình bảo tồn và gìn giữ nếp sống, sinh hoạt tín ngưỡng, lễ hội, trình diễn và chế biến ẩm thực dân gian truyền thống của cư dân phố cổ Hội An, các làng phát triển du lịch cộng đồng (*theo chương trình UB*); Hoàn thành triển khai sưu tầm và đôn đốc nộp sản phẩm về tư liệu ở Trung tâm lưu trữ quốc gia I Viện Hán Nôm, Viện Khoa học – Xã hội tại Hà Nội.

2/ Công tác quản lý, tu bổ di tích:

a/ Đối với công tác quản lý di tích: Triển khai khảo sát, thu thập thông tin nghiên cứu lập hồ sơ khoa học mới cho 08 di tích (*lăng Thành Hoàng, miếu ông Địa, chùa Cẩm Giác, lăng Bà, nhà ông Phan Văn Huân, lăng Ngũ Hành, miếu ông Địa - Cẩm Châu, đình ấp Trường Lệ*); Phối hợp với địa phương tiến hành khảo sát, xây dựng kế hoạch và triển khai công tác phòng chống bão lụt di tích ngoài KPC; Hoàn thành định vị vị trí đặt bảng chỉ đường, lập nội dung bảng thông tin giới thiệu di tích và hoàn thành báo cáo đề xuất phương án phục hồi giá trị một số di tích trên địa bàn xã Cẩm Thanh (*đình Thanh Nhất, Thanh Tam, Thanh Đông*); Triển khai nghiên cứu và lập 10 hồ sơ khoa học cho các loại hình di sản văn hóa phi vật thể; Hoàn thiện hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể đề nghị ghi vào danh mục quốc gia cho 2 nghề mộc Kim Bồng, nghề khai thác yến Thanh Châu; Chủ trì, tham gia thực hiện các hoạt động lễ hội, sự kiện của cơ quan, thành phố tổ chức.

b/ Đối với công tác tu bổ di tích: Báo cáo định kỳ tình hình thực hiện các dự án thuộc Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản đô thị cổ Hội An gắn với phát triển thành phố Hội An và du lịch giai đoạn 2012-2025 gửi Ban Chỉ đạo. Xúc tiến đưa dự án tu bổ các di tích trong khu phố cổ (*Miếu Âm Hồn, Tín Nghĩa Từ, Đình Ông Voi, Nhà số 125 Trần Phú; Trưng bày Bảo tàng*) vào danh mục đầu tư công của UBND Tỉnh giai đoạn 2016-2020; Hoàn thành phê duyệt quyết toán các công trình (*Dự án Nhà lao Hội An giai đoạn 1, Nâng cấp bảo tàng Văn hóa Sa Huỳnh giai đoạn 1, Dựng bia cấm mốc năm 2014, Nhà số 05, 16 Nguyễn Thái Học, 69/5 Phan Châu Trinh, 58/7 Lê Lợi, 13 Hoàng Văn Thụ*); Hoàn thành thi công và bàn giao đưa vào sử dụng các công trình (*Sửa chữa nhỏ tôn tạo cảnh quan và gắn bia các di tích Cù Lao Chàm, Nhà số 120 Trần Phú, Đề án Cây cổ thụ*); Xây dựng nguồn kinh phí và kế hoạch chống đỡ di tích trước mùa mưa bão.

3/ Công tác tuyên truyền, phát huy giá trị: Triển khai biên soạn và in ấn sách Chùa Cầu (*song ngữ Anh - Việt*); Hoàn thiện bổ sung và nâng cấp hồ sơ lưu trữ (*vật thể và phi vật thể*) (*lưu file điện tử và lưu thô*); Triển khai xây dựng “Điểm dừng chân” và hệ thống Audio guide tại Bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch; Chuyển toàn bộ hệ thống trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử Văn hóa Hội An về trưng bày tại Bảo tàng Hội An; Tổ chức 01 triển lãm chuyên đề về “Gánh hàng rong”; Tham mưu tổ chức cuộc thi sáng tác

logo Cù Lao Chàm; Đẩy mạnh công tác phát huy tài liệu lưu trữ thông qua mạng lưới cán bộ di sản thế giới; Triển khai các hoạt động kỷ niệm ngày Di sản Văn hóa Hội An; Xây dựng các điểm dừng chân tại bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch, Chùa Ông.

4/ Công tác đối ngoại: Thực hiện công tác lễ tân, lãnh sự; xây dựng hồ sơ xin hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế về quản lý và phát huy Khu Di sản Văn hoá Thế giới Đô thị cổ Hội An; dịch các bài viết về công tác bảo tồn và các khu di sản đăng bản tin; xúc tiến chương trình hợp tác với JICA và Austraining thông qua mạng lưới tình nguyện viên Hội An; Liên hệ với VP.UNESCO Hà Nội, các tổ chức quốc tế xin thực hiện các dự án và chương trình đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ Trung tâm; Liên hệ, tìm kiếm các thông tin tài trợ của các tổ chức quốc tế♦



Hình bìa trước: Ban biên tập sử dụng mẫu thiết kế của tác giả Trịnh Thị Triệu Linh

Hình bìa sau: Ban biên tập sử dụng hình vẽ Chùa Cầu sưu tầm trên Internet tại địa chỉ [WW//mythuatvietnam.info](http://mythuatvietnam.info)